diễn đàn

FORUM

Số 126 / 2.2003

ISSN 1164-2378

Xuân Quý Mùi

Bạn đọc và Diễn Đàn

Bạn đọc ra câu đối tết

Số báo đầu tiên của năm 2003 có những bài rất hay khiến cho những độc giả trung bình như giáo tôi không thể nào " coi qua rồi bỏ ". Bỏ qua không đặng, lại không biết làm cách nào khác, đành phải " trơ trẽn trình tỏ tâm tình " gửi tới quý báo " vài dòng tâm sự "...

Khi phim *Chúng ta từng là lính* trình chiếu ở Pháp, một người bạn thân đã rủ ngay đi xem vì là một bộ phim nói về chiến tranh Việt Nam, lại có những tài tử nổi tiếng như Mel Gibson. Giáo tôi đã ngần ngừ rồi... im luôn, vì lỡ đã có thành kiến với những phim chiến tranh " made in Hollywood ", sau những lần hăm hở xem những phim như Apocalyps Now những năm một ngàn chín trăm... lâu lắm !

Rồi bài viết *Đơn Dương bị đòn hội đồng* vì đã tham gia đóng một bộ phim Mỹ, mà bộ phim này chỉ nói lên sự dũng cảm, những hi sinh mất mát của cả hai bên tham chiến trong cuộc đụng độ chính quy đầu tiên của hai quân đội, đã khiến giáo tôi tìm xem cuốn phim này. Xem phim xong, mấy tuần sau nhớ lại, trong đầu một khán giả *lambda* như giáo tôi cũng còn đọng lại vài hình ảnh rất *ấn tượng* : cảnh người lính Việt Nam tuân lịnh chỉ huy ban cho anh lính Pháp đã bị trọng thương một phát súng ân huệ, – " phải giết sạch không cho chúng nó trở lại " –, cảnh người lính Mĩ (trung tá Harold C. Moore), một người chồng, người cha mẫu mực, một người chỉ huy đầy tính trách nhiệm và nhân đạo với thuộc cấp, trước ngày lên đường sang Việt Nam tham chiến, trầm ngâm rất lâu trước những trang sách vẽ lại cảnh người da đỏ tàn sát những người di dân da trắng. Sau đó là một chuỗi dài các hình ảnh những người lính Việt Nam xông lên để rồi bị bắn ngã như rạ (như trong phim " cao bồi bắn mọi da đỏ ") nếu không bị hoả lực Hoa Kì dìm trong biển lửa. Hình ảnh cuối cùng lưu lại là những tử thi (đương nhiên là của bộ đội Việt Nam) mà lính Mĩ chất thành những ngọn núi nhỏ, được phóng viên chiến trường " immortaliser " trước khi lính Mĩ lui quân. Dĩ nhiên cũng có những cảnh lính Mĩ hi sinh, cảnh tượng đài chiến sĩ trận vong với chi chít những tên tuổi các anh hùng liệt sĩ Hoa Kì " vị quốc vong thân " nơi đất khách quê người, những người quả phụ Mĩ trẻ tuổi cùng con thơ (thời nào, nơi nào người phụ nữ không là nạn nhân của chiến tranh ?). Giáo tôi đành chép miệng mà rằng : phim của Mĩ, làm bên Mĩ, dĩ nhiên cái nhìn cũng là của Mĩ, còn mình thì sanh ra và lớn lên ở Việt Nam, hổi nhỏ lại ăn nước mắm nhiều quá...

Trở lại Việt Nam, các bài viết của hai anh Lê Thành Khôi và Văn Ngọc đã mang đến giáo tôi nhiều kiến thức mới mẻ, và khơi dậy một số câu hỏi vẫn có trong đầu của một kẻ mà hiểu biết về văn hoá lịch sử Việt Nam chỉ dừng ở cấp trung học phổ thông. " Sẵn trớn mần luôn ", giáo tôi xin mạo muội đặt lại vài câu hỏi từ lâu sẵn có trong đầu : nếu các truyện về Lạc Long Quân (từ tiểu học giáo tôi đã được dạy tổ tiên là các vua Hùng) đều là huyền thoại giống như " con rồng mà đâu có ai thấy " nói như Nguyễn Ngọc Ngạn, thì nguồn gốc thực sự của người Việt Nam là như thế nào, có quan hệ gì với các từ Việt trong các câu đã đi vào sách vở như *Việt điểu sào nam chi*, hoặc *Tây Thi gái nước Việt*, *Việt Vương Câu Tiễn*. Và huyền thoại " một mẹ trăm con " với bà Âu Cơ (xin thăm trạm web http://www.mediaport.net/CP/Expo/Hue2002/vietnam/textes-vn/histoire-vn.fr.html của UNESCO) quê ở Động Đình Hồ có liên quan gì tới các dân tộc Bách Việt mà " Vân Nam (của Trung Quốc bây giờ) xưa kia là một trong những cái nôi " ? Còn các nôi khác thì nằm ở đâu ? Vùng lưu vực sông Dương Tử với hồ Động Đình ?... Dám mong các vị học giả của báo Diễn Đàn viết một bài " phổ thông thường thức " về đề tài tự vấn và hướng nội này, để những người như giáo tôi không phải lang thang trên các website tìm những câu trả lời " không có câu nào giống câu nào ". Thành thực đa tạ trước các nhà việt học cây nhà lá vườn của quý báo vậy.

Cuối cùng, khi lá thư này tới tay quý báo, thì năm Nhâm Ngọ chắc cũng đã qua và tết Quý Mùi cũng đã tới. Năm mới, xin được gởi tới quý báo lời chúc vạn sự tốt lành và nhất là chân cứng đá mềm. Lâu nay không thấy Diễn Đan ra câu đối nhân dịp đầu năm, giáo tôi lại mạo muội lên gân gửi tới quý báo một câu đối đã học lóm được lúc còn là học sinh ở Sài Gòn, gọi là một chút đóng góp đầu năm mới (chứ còn tiền mua báo giáo tôi đã gửi từ cuối năm ngoái, để khỏi nhận hoài giấy nhắc " Thưa ông thưa bà, con cá nó sống vì nước...")

Câu đối như vầy :

ĐỘC GIẢ DIỄN ĐÀN... ĐỘC THIỆT

Nay kính,

Giáo Minh (*Toulouse*, Pháp)

Chúng tôi ân hận đã làm bạn mất công đi xem cuốn phim ấy. Nhưng lại mừng được bạn chia sẻ cảm tưởng. Theo những thông tin đáng tin cậy, có một khoảng cách rất lớn giữa cuốn hồi kí của tướng Moore (rất khâm phục địch thủ là tướng Nguyễn Hữu An – hai người đã gặp nhau năm 1993) và kịch bản, và có khá nhiều sai lệch giữa bản phim của đạo diễn và bản đã được nhà sản xuất " uốn nắn " *lại trước khi trình chiếu. Có dịp, chúng tôi sẽ trở lại chuyện này.*

Xin ghi nhận các đề nghị và nhất là câu đối của bạn. Diễn Đàn xin để bạn đọc đối đáp với nhau.

(xem tiếp trang 51)

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

TIN TỨC

Chính trị : khiển trách... và bắt bớ

Theo thông báo của ban chấp hành trung ương đảng Cộng sản VN về hội nghị trung ương " lần 7 (phần 2) ", diễn ra từ ngày 13 đến ngày 21.1.2003, ông Trương Tấn Sang, ủy viên bộ Chính trị, trưởng ban Kinh tế Trung ương đã bị kỷ luật " *bằng hình thức khiển trách vì trong thời kỳ làm Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (khóa VI) chưa làm tròn trách nhiệm trong việc chỉ đạo điều tra, ngăn chặn những hoạt động tội phạm của Trương Văn Cam cùng đồng bọn và có những khuyết điểm trong công tác cán bộ* ".

Đồng thời, ông Lê Hồng Anh, ủy viên bộ Chính trị, bộ trưởng bộ Công an thôi là chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra Trung ương (thông báo không nêu lý do). Ông Nguyễn Văn Chi, ủy viên trung ương, trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương sẽ kiêm thêm chức chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ông Nguyễn Văn Chi cũng được bổ sung vào ban Bí thư Trung ương Đảng.

Với thông báo này, ban lãnh đạo đảng đã đề ra làn ranh ngăn chặn những câu hỏi từng được đặt ra về sự dính líu tới Năm Cam của một hay nhiều cán bộ cao cấp của đảng "cao hơn cấp thứ trưởng" (xem DĐ số trước). Không có sự dính líu mà chỉ là " chưa làm tròn trách nhiệm ". Và cũng không còn ai khác ngoài ông Sang. Liệu có thật thế không thì vẫn là một câu hỏi chưa có câu trả lời.

Kính chúc bạn đọc một năm Quý Mùi khang an, hạnh phúc

Diễn Đàn

Trong khi người đã để cho mafia hoành hành suốt thời gian mình là lãnh đạo cao nhất của một thành phố lớn chỉ bị " khiển trách " – và do đó, được tiếp tục ở lại cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng –, thì số phận của những công dân có tham vọng cùng Đảng chống tham nhũng... hẩm hiu hơn nhiều : Các ông Phạm Quế Dương, cựu đại tá quân đội nhân dân VN và Trần Khuê, cựu cán bộ nghiên cứu Hán Nôm, đã bị bắt giam trong những ngày cuối năm vừa qua. Hơn một tháng sau khi xử anh Lê Chí Quang 4 năm tù giam và 3 năm quản chế (DĐ số 124) và non ba tuần sau khi xử anh Nguyễn Khắc Toàn 12 năm tù giam và 3 năm quản chế. Chỉ vì họ đã can đảm cất lên tiếng nói đòi dân chủ cho đất nước.

Dĩ nhiên, đối với người dân, đó không phải là những tin vui cho những ngày đầu năm mới. Song, ngay cả đối với chính quyền, người ta cũng có thể đặt câu hỏi : điều gì dẫn tới những quyết định bất chấp đạo lý, và đối cùng về phương diện chính trị là co cụm đó ? Chủ đề của hội nghị trung ương lần này là công tác dân vận. Đọc nghị quyết của hội nghị về vấn đề này, qua những ngôn ngữ cứng nhắc lập lại các khẩu hiệu cũ kỹ (như " *khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức* " ...), so với những cố gắng tuyệt vọng để ngăn chặn mọi tiếng nói độc lập, người ta khó có thể không đặt câu hỏi về " tư duy " của ban lãnh đạo đảng CSVN hiện nay.

Năm 2003 : bắt đầu sống với AFTA

Theo lộ trình đã cam kết khi tham gia Khu vực tự do thương mại của các nước ASEAN, gọi tắt là AFTA, trong năm 2003, Việt Nam sẽ cắt giảm thuế nhập khẩu hàng loạt mặt hàng xuống còn 20 % và tiếp tục giảm đến mức cuối cùng là chỉ còn 0 – 5 % vào năm 2006. Danh mục hàng hoá này gồm các sản phẩm hiện đang được bảo hộ với thuế suất cao, trung bình là 40 – 50 %, trong đó có các mặt hàng thông dụng như : rau quả, dầu thực vật, bánh mứt, rượu bia (thuế suất hiện nay là 100 %), vải dệt, giày dép, giấy, gạch ngói, gốm sứ, gỗ, điện và điện tử , vỏ xe, xe đạp (80 %), xe gắn máy (60 %), xe chở người (100 %)... Trong năm 2003, Việt Nam cũng sẽ loại bỏ các hàng rào bảo hộ phi thuế quan đối với những mặt hàng như phân bón, xăng dầu, sắt thép... Chính phủ Hà Nội còn được khuyến cáo nên hoàn thành các cam kết xoá bỏ hàng rào thuế quan trước một năm, tức 2005.

Điều tất yếu khi các rào cản thương mại được dỡ bỏ là thị trường hàng hoá sẽ có nhiều chọn lựa hơn đồng thời giá cả sẽ giảm đi, cho nên hưởng lợi trước mắt sẽ là người tiêu dùng trong nước. Ngược lại, đối với các doanh nghiệp Việt Nam, câu hỏi "tồn tại hay không tồn tại" đặt ra và sẽ được giải quyết trong khoảng thời gian ngắn ngủi nói trên. Theo cách xếp loại của chính phủ, hàng hoá Việt Nam được chia thành ba nhóm. 1/ Nhóm hàng hoá có khả năng cạnh tranh cao như thuỷ sản, gạo, điều, cà phê, may mặc, da giày, hàng thủ công mỹ nghệ, động cơ loại nhỏ : đối với các sản phẩm này, AFTA sẽ tạo thêm điều kiện thuận lợi để xuất khẩu. 2/ Nhóm hàng hoá cạnh tranh có điều kiện như rau quả nhiệt đới, thịt lợn hay hàng điện và điện tử là những ngành sẽ chịu áp lực mạnh của hàng nước ngoài cho nên cần cải thiện chất lượng sản phẩm và thay đổi cách quản lý thì mới có điều kiện tham gia vào cuộc chơi năm 2006. 3/ Nhóm hàng hoá mà khả năng cạnh tranh thấp như đường, giấy hay phân bón là những ngành mà giá thành hiện tại quá cao cho nên khó lòng tồn tại nếu không cơ cấu lại.

Đặc biệt là ngành mía đường : 90 % nhà máy hiện có giá thành sản phẩm lên đến 400 USD/tấn, trong khi đường của Thái Lan xuất khẩu chỉ có 210 USD/tấn ; chỉ riêng năm 2001, 33 doanh nghiệp trong ngành đã thua lỗ hơn 2100 tỉ đồng, còn cả ngành thì đang nợ ngân hàng gần 510 000 tỉ đồng, cho nên một kết cục bi thảm là không tránh khỏi. Còn trong ngành giấy, tuy mức thuế nhập khẩu hiện thời lên đến 50 % nhưng giấy ngoại vẫn tràn vào Việt Nam với số lượng lớn : sau quyết định hạ thuế suất xuống 20 % trong năm nay, chắc chắn phần lớn doanh nghiệp sẽ điêu đứng. Thứ trưởng tài chính, bà Lê Thị Băng Tâm, cho rằng : " *Kể từ khi gia nhập ASEAN, các*

doanh nghiệp Việt Nam đã được hưởng rất nhiều lợi ích. Mỗi năm hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam vào ASEAN đều gia tăng (kể cả trong thời gian khủng hoảng) nhờ hàng rào thuế quan được giảm xuống. Người tiêu dùng Việt Nam được mua hàng hoá từ các nước ASEAN với giá rẻ hơn, chi phí đầu vào từ nguyên liêu nhập khẩu được giảm xuống... Khi tham gia hội nhập, có thể một số doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn, thậm chí có thể không trụ lại được, nhưng đó là chuyện bình thường. Tôi xin nhấn mạnh là phải đặt lợi ích của toàn bộ nền kinh tế, của 80 triệu người dân Việt Nam lên trên, chứ không vì một số doanh nghiệp khó khăn mà chùn bước trước hội nhập " .

Thực ra, cho đến nay khu vực ASEAN chưa phải là thị trường trọng điểm của Việt Nam. Tỉ trọng hàng Việt Nam xuất sang ASEAN còn có xu hướng giảm từ vài năm trở lại đây : 2,6 tỉ USD tức18 % tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2000 ; 16,9 % năm 2001 (2,6 tỉ USD) ; 15,9 % trong sáu tháng đầu năm 2002 (1,1 tỉ USD). Cũng thời gian này, nhập khẩu của Việt Nam từ ASEAN là 1,2 tỉ USD ; cả năm 2001 là 4,2 tỉ USD, giảm so với năm 2000 là 4,4 tỉ USD. Như vậy, trước khi đối mặt với thách thức của thuế suất AFTA năm 2003, cán cân thương mại của Việt Nam đã thường xuyên thâm hụt trên 1,5 tỉ USD/năm. Điều cần nhận xét thêm là Việt Nam bán ra chủ yếu là nông sản chưa chế biến là loại hàng nhiều nước ASEAN xếp vào danh mục loại trừ, tức AFTA tạm thời để qua một bên, không có cắt giảm thuế suất. Tình trạng này lại không hi vọng sẽ thay đổi trong năm 2003 và những năm tới.

Mặt khác, bởi vì cơ cấu hàng hoá của các nền kinh tế khu vực ASEAN gần giống nhau, không ít nhà phân tích cho rằng AFTA không mấy giúp các nước thành viên hỗ trợ nhau, mà chủ yếu tạo sân chơi cho các tập đoàn ngoài ASEAN (trước hết là các công ty Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) đang đóng trên địa bàn này sắp xếp lại đầu tư của họ sao cho có lợi nhất. Riêng ở Việt Nam đã phát sinh nỗi lo khi thực hiện AFTA là một số công ty nước ngoài sẽ đóng cửa nhà máy hiện nay ở Việt Nam nhằm tập trung và hợp lý hoá sản xuất tại một nước khác có nhiều lợi thế hơn trong khu vực. Kịch bản này sẽ có nhiều khả năng xảy ra trong một ngành như công nghiệp đồ điện và điện tử.

Nhắc lại, khi gia nhập AFTA năm 1996, Việt Nam có thoả thuận với các nước ASEAN khác bốn danh mục hàng hoá với lộ trình như sau. 1/ Loại hàng hoá cắt giảm thuế ngay (năm 1996) gồm 4320 mặt hàng vốn có thuế suất thấp, không có ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế. 2/ 1270 mặt hàng *loại trừ tạm thời,* chỉ bắt đầu giảm thuế suất từ năm 2003 đến năm 2006. 3/ Một số hàng nông sản chưa chế biến mang tính nhạy cảm, sẽ giảm thuế suất từ năm 2004 đến năm 2013. 4/ Hàng *loại trừ hoàn toàn*, không giảm thuế vì lý do an ninh, văn hoá hay sức khoẻ.

[theo tin Tuổi Trẻ 5, 9 và 15.12 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 12, 19.12.02, và 2.1.03 ; Thanh Niên 11.1.03]

" Xã hội hoá " : không chỉ là giải pháp tình thế

Song song với chủ trương phát triển khu vực kinh tế tư nhân – hiện đóng góp 42 % vào tổng sản lượng trong nước –, đảng cộng sản Việt Nam có đề xuất, từ đại hội năm 1996, chủ trương phát triển những hình thức 'xã hội hoá' – thực chất là tư nhân hoá – trong các hoạt động *giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao*. Một hội nghị, họp vào cuối tháng chạp vừa qua ở Hà Nội, đã đánh giá tiến trình xã hội hoá này. Bản báo cáo của chính phủ cho biết đã hình thành ở Việt Nam một " *hệ thống rộng lớn các cơ sở ngoài công lập* " trong bốn lĩnh vực nói trên : theo thống kê ban đầu, có khoảng 82 000 cơ sở ngoài công lập, trong đó 10 % là cơ sở bán công, 23 % là cơ sở dân lập và 67 % là cơ sở tư nhân.

Trong lĩnh vực giáo dục, thống kê năm học 2000-2001 cho biết khu vực ngoài công lập gồm : 514 trường trung học với 782 000 học sinh, chiếm tỉ lệ 33,5 % ; 23 trường đại học và cao đẳng với trên 100 000 sinh viên, chiếm tỷ lệ 10,4 % ; 518 trường và trung tâm dạy nghề, đào tạo hơn 40 vạn lạo động, chiếm 45 % tổng số lao động được đào tạo nghề hàng năm. Trong lĩnh vực văn hoá, mặc dù chưa có nhà xuất bản tư nhân, chủ trương xã hội hoá đã tạo điều kiện nhân số tựa sách xuất bản từ vài nghìn đầu sách mỗi năm lên 10 nghìn đầu sách/năm hiện nay ; đồng thời, đã hình thành một hệ thống cơ sở in tư nhân (500 cơ sở công nghiệp, 10 000 cơ sở thủ công) giải quyết việc làm cho hơn 3 vạn người lao động. Trong lĩnh vực y tế, những biện pháp xã hội hoá đã bắt đầu tiến hành từ Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1988 : ở thành phố này, mạng lưới y tế tư nhân hiện nay có 14 phòng khám đa khoa và 11 bệnh viện (trong đó có một bệnh viện với 100 % vốn nước ngoài), với gần 1000 giường bệnh ; hằng năm, số lượng bệnh nhân điều trị tại các cơ sở y tế tư nhân ngang bằng với lượng đến các cơ sở y tế nhà nước.

Chủ trương xã hội hoá xuất phát từ chỗ thừa nhận là, khi từ bỏ cơ chế kinh tế tập trung để chuyển sang cơ chế thị trường, nhà nước với ngân sách hạn hẹp của nó không thể kham nổi một số hoạt động bao cấp trước đây, và do đó, phải chuyển gánh nặng tài chính của các hoạt động xã hội cho người dân. Những số liệu phổ biến tại hội nghị nói trên cho biết phần tài chính do dân đóng góp cho lĩnh vực giáo dục lên đến 44,5 % ở cấp tiểu học, 51,5 % ở cấp trung học, 30,7 % ở các trường đại học và cao đẳng, 62,1 % ở các trường và trung tâm dạy nghề. Trong lĩnh vực y tế, tổng số chi của các bệnh viện do ngân sách nhà nước tài trợ, từ 68,8 % năm 1994 đã giảm xuống 48,9 % hiện nay. Trong lĩnh vực văn hoá, từ năm 2000 đến 2002, tổng số tài trợ huy động trực tiếp từ xã hội là 3462 tỉ đồng.

Tuy nhiên, theo thủ tướng Phan Văn Khải : " *Xã hội hoá tuyệt nhiên không phải là giải pháp tình thế, chỉ nhằm mục đích huy động dân đóng góp tài chính và vật chất khi ngân sách nhà nước còn khó khăn, hạn hẹp* ". Theo ông, đây là một " *chủ trương lớn có tầm chiến lược nhằm tạo động lực và phát huy mọi nguồn lực* ", cả về tài chính, vật chất và trí tuệ trong xã hội. Xã hội hoá " *không có nghĩa là nhà nước từ bỏ trách nhiệm* " mà là nhà nước " *đảm nhận trách nhiệm có chất lượng và hiệu quả cao hơn* " bằng cách xác định lại vị trí và vai trò của nó, đổi mới phương thức hoạt động của nó. Xã hội hoá là chuyển giao một phần các hoạt động trước đây của nhà nước cho các tập thể và cá nhân đảm nhận dưới sự '*quản lý vĩ mô*' của nhà nước. Với nội dung đó, chính sách xã hội hoá phải

được nhà nước thực hiện trong cả các cơ sở công lập và ngoài công lập : " *các cơ sở công lập và ngoài công lập được trao quyền tự chủ* ". Cho nên xã hội hoá nhất thiết đòi hỏi " *các cơ sở công lập cũng phải cải cách mạnh mẽ* ". Với quan điểm đó, ông Khải không ngần ngại khẳng định rằng xã hội hoá là một chủ trương " *tạo điều kiện để thực hiện quyền dân chủ* ".

Kết luận hội nghị, phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm khẳng định mục tiêu của chính phủ đề ra là đến năm 2005, trong bốn lĩnh vực nói trên, các cơ sở ngoài công lập đảm bảo từ 20 đến 50 % nhu cầu dịch vụ và vốn đầu tư ; và đến 2010, đạt mức từ 40 đến 60 % tuỳ theo loại hình và lĩnh vực. Để đạt mục tiêu đó, chính phủ cho biết sẽ làm rõ ranh giới của các hình thái công lập, bán công và tư thục để có phương thức quản lý phù hợp. Đồng thời, chính phủ hứa sẽ có những biện pháp khuyến khích về thuế, tín dụng và đất đai. [Thanh Niên 29.12 ; Tuổi Trẻ 30.12.02]

Mức lương tối thiểu : 290 000 đồng

Theo một nghị định của chính phủ ký ngày 15.1.2003, từ tháng 1.2003, mức lương tối thiểu (đối với công nhân, viên chức nhà nước và người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước), từ 210.000 đồng/tháng theo quy định hiện nay, được tăng lên thành 290.000 đồng/tháng .

Mức sinh hoạt phí hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đang công tác và đã nghỉ hưu cũng được tăng tương ứng với mức tăng lương tối thiểu này.

Theo thứ trưởng bộ Tài chính Vũ Văn Ninh, mối lo lớn nhất của ngành tài chính là tìm nguồn chi trả cho việc tăng lương đã được giải quyết. Theo ông Ninh, tăng thu của ngân sách trung ương năm nay là 7 000 tỷ, cùng 50 % số tiền tăng thu của ngân sách địa phương sẽ được sử dụng. Một nguồn khác là các khoản thu của đơn vị "sự nghiệp" sẽ được công khai dùng để chi tăng lương cho cán bộ, nhân viên. Ngoài ra, chính phủ còn yêu cầu tiết kiệm 10 % kinh phí ngân sách cho cả đơn vị sự nghiệp và hành chính để tạo nguồn cho lương. TP HCM - đơn vị đầu tiên thực hiện khoán biên chế và chi phí hành chính - đã đạt được mức tiết kiệm 18 %.

Một trong những cơ sở pháp lý tạo nguồn cho tăng lương là Nghị định 10 về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, ban hành đầu năm ngoái. Theo đó, các cơ quan sự nghiệp được toàn quyền sử dụng công khai, minh bạch các khoản "kế hoạch ba" - vốn trước đây chi tiêu phải "giấu lén". (VnExpress 10.1, Nhân Dân điện tử 15.1.2003)

Việt - Nga : giải quyết vụ Dung Quất

Việt Nam sẽ là chủ đầu tư duy nhất công trình nhà máy lọc dầu Dung Quất. Phía Nga sẽ chỉ tham gia vào dự án với tư cách là nhà thầu của một số hạng mục công trình cụ thể. Quyết định này được đạt tới trong kỳ họp thứ 9 Uỷ ban Liên Chính phủ Việt - Nga ngày 25.12.2002, sau nhiều tháng trời hai bên đổ lỗi cho nhau làm chậm trễ tiến độ công trình (xem DĐ số 123). Nhà máy có công suất 6,5 triệu tấn/năm với tổng vốn đầu tư khoảng 1,3 tỷ USD. Việt Nam sẽ tự lực đầu tư cho công trình trọng điểm quốc gia này. Theo ông Phạm Quang Dự, chủ tịch Tổng công ty Dầu khí VN (Petro Vietnam), 600 triệu USD sẽ lấy từ tiền lãi bán dầu thô. Phần còn lại thì Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) thu xếp được 250 triệu USD; các đơn vị trúng gói thầu số 1 cam kết thu xếp 500 triệu USD nữa.

Một tuần sau đó, Petro Vietnam cho biết đã hoàn trả khoản tiền khoảng 230 triệu USD cho tập đoàn dầu khí Nga Zarubezhneft, là số tiền mà phía Nga đã đóng góp vào dự án trong những năm qua. Công ty Zarubezhneft sẽ dành một phần khoản tiền này để tái đầu tư vào những dự án dầu khí khác ở Việt Nam, đặc biệt tập trung tại các mỏ Bạch Hổ và Thanh Long ở ngoài khơi duyên hải Việt Nam.

Sau cuộc họp, phó thủ tướng Viktor Khristenko đã khẳng định lại, Việt Nam luôn là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nga ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á.

Theo ông Trần Hiển, phó tổng giám đốc PetroVietnam, năm 2002 các nhà khai thác dầu khí tại Việt Nam đã khai thác được 17 triệu tấn dầu thô, chủ yếu từ các mỏ Bạch Hổ, Rạng Đông, Ruby, trong đó Vietsovpetro đạt 13,465 triệu tấn.

Hơn 1 tỷ m^3 khí dư thừa sẽ phải đốt bỏ

Theo chủ đầu tư xây dựng đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn, với việc vận hành 100 % công suất khai thác (2,1 tỷ m^3/năm) trong năm đầu, tổng lượng khí được đưa vào đất liền trong năm 2003 có thể đạt tới 4,1 tỷ m^3 (lượng khí đồng hành được dẫn về đất liền qua đường ống Bạch Hổ ước khoảng 2 tỷ m^3). Sản lượng này cao hơn rất nhiều so với nhu cầu tiêu thụ của Việt Nam. Theo ước tính sơ bộ, tổng lượng khí tiêu thụ trong năm 2003 tối đa chỉ đạt 3 tỷ m^3 và như vậy ước tính sẽ thừa 1,1 tỷ m^3 khí.

Theo các nhà chuyên môn, cách giải quyết duy nhất là chỉ có đốt bỏ lượng dư thừa, nhưng điều này cũng đồng nghĩa việc đốt bỏ khoảng 100 triệu USD. Đó là chưa kể đến các tác hại về môi trường. Hiện tại, Chính phủ đang tìm kiếm các biện pháp khắc phục sự lệch pha này, trong đó có biện pháp cho triển khai sớm việc xây dựng đường ống Phú Mỹ - Thủ Đức (TP HCM) nhằm tăng số nhà tiêu thụ khí. (VnExpress 18.12.2002, theo Đầu Tư)

Nguy cơ sốt rét ở Việt Nam vẫn cao

Trong cuộc hội thảo về phòng chống sốt rét ngày 21.1.2003, các chuyên gia y tế bày tỏ lo ngại về nguy cơ bùng phát dịch ở Tây Bắc do việc di dân xây dựng thủy điện Sơn La. Người dân có thể mang mầm bệnh đến vùng đất mới, như ở huyện Mường Lay (Lai Châu), nơi mới xảy ra dịch sốt rét vào năm 2001. Ngược lại công nhân xây dựng nhà máy cũng rất dễ mắc sốt rét.

Tại hội thảo, tiến sĩ Lê Đình Công, viện trưởng viện Sốt rét, Ký sinh trùng và Côn trùng Trung ương, cho biết trong năm 2002, tỷ lệ mắc sốt rét trong cả nước đã giảm 29 %, tỷ lệ tử vong do bệnh này giảm 48 % so với 2001. Tuy nhiên, ở một số địa phương, đặc biệt là vùng Tây Bắc và miền Trung, Tây Nguyên, bệnh vẫn lưu hành với tỷ lệ lớn, rất dễ bùng phát thành dịch nếu công tác phòng chống bị buông lỏng.

Công tác chẩn đoán và phòng trị sốt rét hiện vẫn bộc lộ một số yếu kém. Việc chẩn đoán bệnh chủ yếu vẫn dựa vào

đặc điểm lâm sàng, ít nơi có điều kiện làm xét nghiệm tìm ký sinh trùng. Một điều tra được thực hiện trên 1 000 cán bộ y tế tham gia phòng chống sốt rét cho thấy, có đến 25 % không nắm được kiến thức cơ bản về điều trị. Trong 300 hồ sơ bệnh án (lưu tại 11 bệnh viện huyện) được khảo sát, 15 % không được thực hiện đúng tiêu chuẩn kỹ thuật. Tại một số địa phương như Bình Phước, Bắc Kạn, việc tẩm màn hóa chất chưa đạt yêu cầu, hiệu quả diệt muỗi thấp (có nơi chỉ 36 %).

Công tác truyền thông giáo dục về bệnh chỉ được dành 2 % kinh phí và chủ yếu dựa vào báo chí, trong khi bệnh chủ yếu lưu hành ở vùng sâu, nơi báo chí ít đến được, người dân cũng chưa có thói quen đọc báo, nghe đài. Việc cử cán bộ y tế trực tiếp đến thôn bản để phổ biến kiến thức về phòng chữa bệnh chưa được quan tâm đầu tư kinh phí.

Trong năm 2003, chương trình phòng chống sốt rét đặt mục tiêu giảm 10 % tỷ lệ mắc và chết do sốt rét (so với 2002), tăng số dân được bảo vệ bằng hóa chất từ 9,5 triệu lên 12 triệu người. (theo VnExpress 21.1.2003)

Việt Nam đã có 60 000 người nhiễm HIV

Đó là số ca nhiễm HIV mà các cơ quan y tế phát hiện được tính đến ngày 31.12.2002. Trên thực tế, con số này có thể lên tới 160 000 người (đến hết năm 2003 sẽ là 170 000 người). Thứ trưởng bộ Y tế Phạm Mạnh Hùng đã cho biết như vậy trong hội thảo về HIV/AIDS tổ chức ngày 17.1 tại Hà Nội.

Tỷ lệ nhiễm HIV hiện nay ở nam giới là 0,38 %, nữ giới là 0,24 %. Căn bệnh thế kỷ đang phát triển mạnh trong những đối tượng có nguy cơ thấp như thai phụ, tân binh... Tỷ lệ phụ nữ có thai nhiễm HIV ở Việt Nam hiện là 0,34 %. Riêng tại Bệnh viện Từ Dũ TP HCM, tỷ lệ này là 1 % với 1/3 số thai phụ sinh ra con nhiễm HIV.

Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong các bệnh nhân lao cũng gia tăng nhanh chóng. Tại bệnh viện Lao và bệnh phổi Phạm Ngọc Thạch (TP HCM), các ca nhiễm lao và HIV chiếm gần 6 % tổng số bệnh nhân nhập viện. Phần lớn trong số họ là người nghiện ma tuý, 81 % thuộc lứa tuổi 15-34.

Mặt khác, cục Phòng chống tệ nạn xã hội (bộ LĐTB&XH) cho biết, số gái mại dâm, đối tượng có nguy cơ cao bị nhiễm HIV, cũng tăng mạnh trong năm 2002, con số cuối năm tăng gần 40 % so với cuối năm 2001. (theo Tuổi Trẻ 20.1.2003, VnExpress 25.12.2002)

Việt Nam hạ tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống thêm 1,78 %

Năm 2002, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở Việt Nam (theo chỉ tiêu cân nặng theo tuổi) đã giảm 1,78 % so với năm 2001, còn 30,12 %. Nếu lấy chỉ tiêu chiều cao theo tuổi, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đã giảm thêm 0,76 %. Kết quả trên lấy từ cuộc điều tra ngẫu nhiên hơn 50 000 trẻ dưới 5 tuổi trên toàn quốc trong thời gian từ tháng 10 đến 12-2002 vừa qua. Độ tin cậy của nghiên cứu đạt 95 %.

Trong năm 2003, thứ trưởng bộ Y tế Trần Chí Liêm cho biết sẽ tập trung các biện pháp để giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng trong cả nước xuống còn 28 %. Hiện Việt Nam có hơn 7,6 triệu trẻ dưới 5 tuổi và từ năm 2000 tới nay, sau rất nhiều hoạt động tích cực, đã có hơn 300 000 trẻ bị suy dinh dưỡng trở lại tình trạng sức khỏe bình thường.

Ông Nguyễn Hữu Tăng, phó ban Khoa giáo Trung ương đã đề nghị ban Chỉ đạo quốc gia về dinh dưỡng trong năm 2003 hỗ trợ kinh phí, nhằm cải thiện bữa ăn và giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở trường mẫu giáo nông thôn, đồng thời thường xuyên tập huấn kiến thức về dinh dưỡng cho cô giáo ở các trường mẫu giáo này.

VN có 6 triệu ha rừng dễ cháy

Trong tổng số 11,3 triệu ha rừng của Việt Nam hiện nay có tới già nửa diện tích (6 triệu ha) là rừng dễ cháy vào thời kỳ khô hạn. Thông tin này được đưa ra tại Hội nghị tổng kết công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2001-2002, do bộ NN&PTNT tổ chức trong hai ngày 6-7/1 tại Cà Mau.

Theo cục Kiểm lâm, năm 2002, cả nước xảy ra 1 050 vụ cháy rừng, thiêu rụi gần 15 370 ha. Trong đó, rừng tự nhiên 4 110 ha. Ước tính thiệt hại về tài nguyên trị giá 150 tỷ đồng, chưa kể các ảnh hưởng về môi trường, đa dạng sinh học, lịch sử... Cháy rừng xảy ra quanh năm, song tập trung nhất vào thời điểm từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau.

Các tỉnh xảy ra cháy rừng nhiều nhất là Cà Mau (4.420 ha), Kiên Giang (3.520), Long An (1.800), Đồng Nai (900), Lâm Đồng (850). Cháy lớn, đặc biệt nghiêm trọng là hai vụ rừng tràm tại Vườn quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và U Minh Hạ tỉnh Cà Mau.

Ngày 16-1, thủ tướng đã gửi công điện khẩn tới trưởng ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy rừng T.Ư, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc T.Ư, các bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Công an, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, yêu cầu tăng cường thực hiện công tác phòng và chữa cháy rừng. Các vùng trọng điểm phải tổ chức các tổ trực gác 24/24 giờ hàng ngày để cảnh báo cháy rừng.

Theo Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), hiện tượng khí hậu bất thường El Nino (trung bình xuất hiện bốn năm một lần) đang gây thời tiết khắc nghiệt tại nhiều khu vực quanh Thái Bình Dương, có thể sẽ kéo dài ít nhất tới tháng 5 và khu vực miền trung Việt Nam có thể hạn hán nặng trong những tháng tới.

Một vụ trốn thuế hàng trăm tỉ đồng

Từ đầu năm nay, dịch vụ buôn bán điện thoại di động (ĐTDĐ) ở VN đã (và còn đang) bị xáo trộn dữ dội với việc công ty Đông Nam, công ty lớn nhất nước trong ngành, bị truy tố đã trốn thuế và gian lận thương mại hàng trăm tỉ đồng. Cảnh sát kinh tế đã bắt tạm giam giám đốc công ty Nguyễn Gia Thiều, triệu tập để thẩm vấn nhiều đối tượng khác, và khám xét nhiều trụ sở của Đông Nam cũng như của các công ty liên hệ. Hàng nghìn chiếc ĐTDĐ bị thu giữ, cơ quan điều tra cũng đã niêm phong tạm giữ hơn 600 000 USD, hơn 1,7 tỉ đồng... Hành động trốn thuế và gian lận của Đông Nam chủ yếu theo hình thức như sau : Lợi dụng chính sách ưu đãi giá thấp hơn khu vực mà nhà sản xuất dành cho thị trường Việt Nam – hai công ty chiếm thị phần lớn nhất ở VN là Nokia và Samsung đều do Đông Nam đại lý –, Đông Nam đã bán 9/10 số điện

thoại nói trên cho các nước khác trong khu vực với giá cao để hưởng chênh lệch và chỉ mang về Việt Nam 1/10 số hàng còn lại. Lấp vào số lượng đã bán ra nước ngoài, công ty đã nhập lậu hàng chủ yếu từ... Trung Quốc.

Ngoài ra, Đông Nam và các công ty con cũng nhập lậu đồng hồ cao cấp, khai là "quà biếu" giá trị thấp nhưng mang bán ra thị trường tới gần 200 USD/chiếc.

Qua khai thác những dữ liệu trong các máy tính của Đông Nam, cơ quan điều tra cũng đã khám phá ra nhiều thông tin cho thấy cả hải quan và cơ quan quản lý thị trường TP HCM đã nhiều lần " nới tay " cho hành vi gian lận thương mại của Đông Nam, bằng hình thức "phạt hành chính" lấy lệ khi khám phá ra hàng không khai báo, nhưng vẫn cho tái xuất. Cục phó hải quan thành phố Trần Văn Lai đã từng ký quyết định xử phạt và cho tái xuất ấy, sau khi " tham khảo ý kiến các cơ quan trách nhiệm ", trong đó có ý kiến một lãnh đạo viện Kiểm sát nhân dân Thành phố...

Diễn Đàn sẽ đưa tiếp tin tức về vụ này trong một số tới.

Việc mở rộng kinh tế thị trường, dù là " theo định hướng xã hội chủ nghĩa ", đĩ nhiên mang theo hành động phạm pháp kinh tế dưới hình thức trốn thuế. Nhất là trong tình trạng luật pháp lỏng lẻo, " các cơ quan pháp luật còn lúng túng khi phân biệt tội trốn thuế và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhà nước " như tờ Thời báo kinh tế (theo VnExpress 19.1.2003) nhận xét. Hết năm 2002, ngành thuế đã chuyển đến cơ quan điều tra xử lý hình sự 300 trường hợp vi phạm nghiêm trọng chế độ thuế VAT, với số tiền hơn 400 tỷ đồng. Công an cũng phát hiện 13 trường hợp gian lận thuế với số tiền hơn 100 tỷ đồng. Nhưng cơ quan pháp luật mới kết thúc điều tra 12 vụ, và tòa mới xử có 4 vụ, thu hồi 32,7 tỷ đồng.

Một thực khách bị đánh chết vì không chịu ăn "cơm tù"

Trưa ngày 23.12.2002, ông Nguyễn Văn Hương, 61 tuổi, ngụ tại Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu đã bị nhiều nhân viên quán cơm Thu Thanh (trên Quốc lộ 1A, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận) xông vào hành hung khiến ông bị hộc máu và chết ngay lập tức. Lý do của trận đòn là ông Hương đã không chấp nhận ăn cơm với giá "cắt cổ" ở đây.

Đám đông nhân viên ở quán đã đấm đá ông già 61 tuổi cho đến khi ông bất tỉnh. Ông Hương được đưa đến Bệnh viện Bình Thuận, tại đây bác sĩ xác nhận nạn nhân đã chết trên đường cấp cứu. Ngày 27/12, Công an tỉnh Bình Thuận đã khởi tố bị can với chủ quán cơm Thu Thanh cùng 4 người khác, những kẻ hành hung đến chết ông Nguyễn Văn Hương.

" Cơm tù " là từ được dùng trong mấy năm gần đây để chỉ những quán cơm mọc ra đầy dẫy dọc theo các tuyến quốc lộ, nhất là quốc lộ 1A, thông đồng với các tài xế xe đò (loại rẻ tiền) để họ dừng xe gần quán, rồi một đám côn đồ ùa ra, kéo hàng rào giăng sẵn bịt kín các lối ra, và đẩy khách vào bắt ăn ở quán với giá cắt cổ, ai từ chối sẽ bị đánh.

Thiên Thảo và Thu Thanh là hai quán "cơm tù" khét tiếng ở Bình Thuận.

Hai tuần sau khi xảy ra vụ đánh chết người ở quán Thu Thanh, và sau nhiều bài báo tố cáo tệ nạn "Cơm tù", người ta mới thấy phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng lên tiếng (ngày 7.1.2003), khẳng định "*... không thể để xảy ra tình trạng tuỳ tiện gần như không có luật pháp* (này). " Và ngày hôm sau, thủ tướng Phan Văn Khải ra chỉ đạo : " *Tiến hành kiểm tra và kiên quyết dẹp bỏ các quán cơm vi phạm pháp luật trong kinh doanh, lập lại trật tự và an toàn trên các tuyến giao thông. Khẩn trương, nghiêm túc và sớm truy tố những kẻ gây ra cái chết của ông Nguyễn Văn Hương, đồng thời nghiêm trị các hành vi phạm pháp tương tự* ".

Thế nhưng, các báo cũng nhắc lại, đây là lần thứ hai chỉ trong vòng hơn 1 năm thủ tướng chỉ đạo xoá bỏ tệ nạn này. Lần trước, ngày 31.10.2001, ông Khải đã gửi công văn " *yêu cầu chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng và chính quyền các cấp dẹp cho được tình trạng* "cơm tù" *trong tháng 11/2001* ".

Bộ Công an và một số tỉnh sau đó đã có báo cáo với thủ tướng, nạn "cơm tù" cơ bản được giải quyết tại các địa phương nói trên ! Không một chủ tịch tỉnh nào phải từ chức. Không một quan chức công an nào bị kỷ luật, dù chỉ là " kiểm điểm, khiển trách ". Và nạn " cơm tù ", cũng như nạn tham nhũng, vẫn tăng mạnh trong các năm qua, theo các quyết tâm của đảng... !

Càng phạm tội, càng được... đình chỉ điều tra

Ngày 27.12.2002 băng xã hội đen Hoàng "nổ" đã bị TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (BR-VT) đưa ra xét xử về các tội cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng và cưỡng đoạt tài sản. Hoàng "nổ" bị phạt 11 năm 6 tháng tù, 16 tên còn lại bị phạt từ 1 tới 4 năm tù.

Tuy nhiên, theo báo Lao Động ngày 25.12.2003 điều dư luận quan tâm là : Vì sao băng tội phạm này đã nhiều lần bị bắt, bị khởi tố nhưng rồi lại được đình chỉ điều tra để chúng gây thêm tội ác ? Tờ báo kể ra hàng loạt vụ án nghiêm trọng, kéo dài trong suốt thời gian từ năm 1996 tới năm 2000, mỗi lần xảy ra vụ án công an bắt hắn vài ngày lại thả ra. Hoàng "nổ" phạm tội đến đâu được đình chỉ điều tra tới đó !

Tới tháng 4.2002, anh ruột của y là Phương Vicaren bị bắt trong vụ tống tiền 100 000 USD, cơ quan pháp luật tỉnh BR-VT mới buộc phải duyệt cho Hoàng "nổ" đi cưỡng bức lao động. Nhờ dư luận lên tiếng, các cơ quan pháp luật tỉnh BR-VT mới đưa Hoàng "nổ" từ trại cưỡng bức về trại giam Phước Cơ để phục hồi điều tra các vụ án.

Tờ báo đặt vấn đề, Hoàng "nổ" đã bị xử, nhưng những ai bảo kê cho băng xã hội đen này vẫn chưa bị đưa ra ánh sáng !

Tin Ngắn

* Ngày 17.1, TAND TP HCM đã tuyên mức **án tử hình** với Lê Thị Kim Phượng, nguyên thủ quỹ Công ty đại lý dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra) **về 3 tội lừa đảo**, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. 12 nạn nhân trong vụ án này đã bị Phượng chiếm đoạt 23 tỷ đồng.

* ***Mê Thảo - thời vang bóng*** được đi dự LHP tại Pháp. Sau một thời gian dài bị trì hoãn, bộ phim đã được Bộ VH-TT cho

phép đi dự LHP Deauville tại Pháp vào tháng 3 tới. Hiện nay, "Mê Thảo - thời vang bóng" chưa được chiếu trong nước vì còn đang làm thêm bản in.

* ***Người Mỹ trầm lặng* vắng khán giả**. Sau gần 20 ngày công chiếu rầm rộ tại Hà Nội và TP HCM, trái với dự đoán và lời khen ngợi của giới chuyên môn, bộ phim chỉ kéo được lượng khán giả khiêm tốn tới rạp. Lý do chính, theo một trong những người góp cổ phần nhập phim về, là tình trạng đĩa lậu. Ngày công chiếu đầu tiên, đã có cả nghìn đĩa lậu kèm poster phát hành khắp các thành phố lớn với giá 20 000 đồng/bộ !

* Sau khi cuốn " Truyện ngắn của Phan Thị Vàng Anh và Nguyễn Thị Thu Huệ " được tung ra thị trường, **nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ** cho biết chị đã quyết định **khởi kiện Nhà xuất bản Văn học**, nơi cho in tuyển tập này mà không hề hỏi ý kiến tác giả.

* Theo điều tra mới đây qua 80 bệnh viện, **tuổi trung bình của các bệnh viện là 42 năm**. Trong đó, bệnh viện trung ương là 50 năm (cao nhất 105 năm), bệnh viện tỉnh là 44 năm (cao nhất 115 năm), bệnh viện huyện 25 năm (cao nhất 60 năm). Hầu hết những bệnh viện này không có hệ thống xử lý chất thải. Hiện tượng quá tải bệnh viện là rất nặng nề. Thứ trưởng bộ Y tế Lê Ngọc Trọng đã cho biết như thế trong một hội nghị y tế ngày 10.1 tại Hà Nội.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra vừa chuyển hồ sơ vụ ông Lê Công Nghiệp (nguyên chủ tịch tỉnh Cà Mau) lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, sang VKSND Tối cao **đề nghị truy tố**. Theo cơ quan điều tra, ông Nghiệp đã có hành vi trục lợi hơn 36 triệu đồng, ký duyệt mua thiết bị với giá gấp 160 lần thực tế.

* Từ 23g đêm ngày 5.1 đến 6g sáng hôm sau, tại các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, **tỉnh Hà Giang, tuyết đã phủ trắng các ngọn núi, đường giao thông...** Các xã Xà Phìn, Vũng Táo, Xủng Là và thị trấn Phó Bảng (huyện Đồng Văn) tuyết rơi nhiều nhất, có nơi dày đến 15 cm.

* Nữ võ sĩ karatedo Vũ Kim Anh đã được trao danh hiệu **gương mặt tiêu biểu nhất trong năm của thể thao Việt Nam**. Có tất cả 170 nhà báo đã bỏ phiếu cho VĐV của Đà Nẵng, trong đó có 103 lần cô đứng tên ở vị trí số một. Tại giải vô địch karatedo thế giới, cô đã giành HC bạc. Sau đó, Kim Anh xuất sắc đánh bại đương kim vô địch thế giới người Nhật Bản Fujioka Eri trong trận chung kết ASIAD tại Hàn Quốc, và giành chiếc HC vàng hạng 53 kg đối kháng (kumite).

* Giải bóng đá **Tiger Cup 2002**, được tổ chức tại Thái Lan trong tháng 12 vừa qua, VN đã đoạt huy chương đồng. Sau khi thua Thái Lan 4-0 ở bán kết, đội VN đã thắng Malaysia 2-1 ở trận tranh HC đồng. Huấn luyện viên của đội tuyển VN trong cúp này là ông Calisto, người Bồ Đào Nha, cũng là huấn luyện viên của đội Gạch Đồng Tâm trong giải bóng đá VN. Sau Tiger Cup, ông Calisto đã được liên đoàn bóng đá VN mời cầm quân cho đội tuyển quốc gia ở giải SEA Games 2003.

* Theo kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002, so sánh 10 % số hộ có mức thu nhập cao nhất với 10 % nhóm hộ có thu nhập thấp nhất, **mức chênh lệch giàu - nghèo ở Việt Nam là 12,5 lần**. Thu nhập bình quân đầu người là 331 000 đồng/tháng, tăng 12,2 % so với năm 1999. Tính theo chuẩn nghèo của WB thì tỷ lệ nghèo chung của cả nước là 32,5 %, tỷ lệ nghèo lương thực thực phẩm là 13,2%

" Cơm tù ", một chứng từ

Kiến trúc sư Nguyễn Bảo Nhân hôm 2.1, đã gửi một thư ngỏ cho chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng Nguyễn Bá Thanh, giám đốc Công an thành phố Đà Nẵng... đề nghị xem xét công minh sự việc của cha con anh, qua đó giải quyết tận gốc nạn "cơm tù" đang gây phẫn nộ trong dư luận.

Bức thư viết:

"... Ngày 18/5/2002, tôi và cha tôi từ Phú Yên ra Huế trên chiếc xe đò mang biển số 53N-1290. Vào khoảng 20h, xe dừng lại tại quán cơm Ông Béo khu vực Kim Liên, phường Hoà Hiệp, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Tôi và cha tôi 60 tuổi không vào quán ăn cơm. Đa số hành khách cũng đi ra phía sau xe. Một người từ trong quán đi ra đẩy cha tôi vào quán. Ông chưa kịp phản ứng thì bị anh ta đánh. Tôi vào cản thì anh gọi ới ới, lượm đá to ném vào chúng tôi. Từ trong quán, hai thanh niên mặc áo thun quần đùi, cầm hai cây dao chặt nước đá chạy ra. Họ cùng anh ta đánh, chém chúng tôi tới tấp. Chúng tôi cầu cứu nhưng không ai can thiệp. Sau đó, có vài tên cầm gậy đánh đập chúng tôi tới tấp. Cha tôi ngã gục xuống, bọn chúng lững thững bỏ đi.

Lúc đó, có một luồng sáng đèn pin rọi vào mặt tôi. Tôi phát hiện người rọi đèn là một chiến sĩ công an. Tôi bị xây xát khắp người và một vết chém sâu ở hông trái. Cha tôi ướt đẫm máu me, nằm bất tỉnh trên mặt đất. Tôi đề nghị anh công an lập biên bản, anh khuyên giải chung chung và kêu một người đàn ông lau máu và giặt áo bê bết máu của cha tôi. Tôi nhìn bảng tên biết anh công an tên Thương. Anh khuyên tôi đưa ông già đi taxi 80 km ra Huế cấp cứu (trong khi chỗ chúng tôi bị chém chỉ cách bệnh viện Đà Nẵng chưa đầy 20 km). Lúc ấy, thấy ông già nằm bất động, thở thoi thóp, tôi rối trí nên nghe lời anh đưa cha tôi đến bệnh viện trung ương Huế lúc 11g30'. Các bác sĩ, y tá cứu cha tôi thoát tay tử thần nhưng ông bị thương tật 42 %, tôi bị thương tật 4 %.

Ngày 22/5, quay lại công an quận Liên Chiểu để đề nghị giải quyết vụ án, tôi được hướng dẫn đến công an phường Hoà Hiệp. Từ ấy đến nay, chúng tôi gửi nhiều đơn khiếu nại. Bất ngờ này 20/10/2002, chúng tôi nhận được thông báo số 264 của công an quận Liên Chiểu trả lời: " *Qua thời gian điều tra, cơ quan điều tra chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội. Nay thời gian điều tra đã hết, cơ quan điều tra Công an huyện Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án* "...

Sau khi bức thư được công bố trên báo Tuổi Trẻ ngày 8.1, chủ tịch thành phố Nguyễn Bá Thanh tuyên bố : " *Trước đây tôi chưa được biết có vụ án này trên địa bàn và cũng chưa có thông tin nào phản ánh với tôi là đại uý Phạm Văn Thương lại là em ruột của chủ quán cơm Ông Béo* ".

Phó viện trưởng viện " Kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng " Trần Thanh Vân thì cho rằng " *việc tạm đình chỉ điều tra ban đầu vụ việc xảy ra ở quán cơm Ông Béo là đúng luật* " !

“ Vàng đen ”, nước Mỹ, tổ chức OPEC và Iraq

Khả Tri

LTS. *Khi số báo này lên khuôn, ngày hẹn nộp báo cáo của đoàn thanh tra Liên hiệp quốc về những “ vũ khí huỷ diệt hàng loạt ” mà Iraq giấu giếm, theo tố cáo của chính quyền Bush, chưa đến. Song, những chuẩn bị cho chiến tranh của Nhà Trắng, một cuộc chiến mà Mỹ và Anh cho rằng “ có quyền ” tiến hành, vẫn đang diễn ra rất tích cực. Hàng trăm ngàn lính Mỹ, Anh, đã có mặt hoặc sắp được đưa sang vùng Vịnh. Bất chấp dư luận thế giới. Bất chấp những lời tuyên bố của ông Blix, trưởng đoàn thanh tra, cho biết chính quyền Iraq hợp tác thoả đáng với đoàn thanh tra, và đoàn không khám phá ra kho tàng, chứng cớ gì cho thấy Iraq “ giấu giếm những vũ khí huỷ diệt hàng loạt ”, “ đe doạ an ninh của thế giới ”.*

Thực tế có thể đơn giản hơn rất nhiều những lời trần tình của phe chủ chiến ở Nhà Trắng và Lầu Năm góc : những quyền lợi ích kỷ rất trần tục của tập đoàn công nghiệp dầu mỏ Mỹ - Anh. DĐ xin giới thiệu với bạn đọc bài viết dưới đây của bạn Khả Tri về vấn đề này.

Theo thống kê của IEA – Cơ quan năng lượng quốc tế –, trong năm 2001 thế giới đã tiêu thụ khoảng 72 triệu thùng (tiếng Anh : barrel) dầu hàng ngày (mb/d), và đến năm 2020 sẽ tăng lên 115 triệu thùng. Con số dự đoán này, dĩ nhiên còn thay đổi tùy theo nhịp độ phát triển xã hội, đặc biệt của Trung Quốc, ấn Độ và 1 số nước khác có cơ may đi lên về kinh tế. Riêng nước Mỹ, “ Nhóm nghiên cứu đường lối phát triển năng lượng quốc gia ” (National Energy Policy Development Group, viết tắt là NEPDG) cũng đánh giá rằng lượng tiêu thụ dầu của nước Mỹ sẽ tăng 33 % từ 2001 đến 2020 . Trong năm 2001, nước Mỹ mỗi ngày đã uống 20 triệu thùng “ vàng đen ”. Như thế, với mật độ dân số chỉ chiếm 5%, Mỹ lại xài trên 25 % lượng dầu toàn thế giới .

Các con số thống kê và dự đoán trên, cho ta thấy rõ “Vàng đen” vẫn tiếp tục đóng vai trò quyết định, chí ít là trong vòng 3, 4 thập niên tới. Thế nhưng trữ lượng dầu thế giới, hình như bắt đầu tạo nhức nhối, làm nổ ra những cuộc tranh luận giữa 1 số các chiến lược gia, đặc biệt tại Mỹ. Những người thuộc trường phái “ lạc quan ” cho rằng, dựa trên các mỏ dầu sẽ tìm thấy trong tương lai, sự tăng hiệu suất về khai thác dầu, sự tiết kiệm hiệu quả, sự sử dụng song song các hình thức năng lượng khác, sẽ bảo đảm nhân loại trong thế kỉ 21 không gặp khó khăn về dầu. Trường phái “ bi quan ” thì cho rằng, không sớm thì muộn, có thể là từ đầu thập niên thứ 2 của thế kỉ này, nhân loại sẽ phải đối đầu với hiện tượng “ hiếm dầu ”. “ *Các nhà nghiên cứu địa chất tại Mỹ đã gióng lên 3 hồi chuông cảnh cáo như sau. Thứ nhất : lượng dầu cung toàn cầu sẽ không đáp ứng kịp lượng dầu cầu ngày càng gia tăng. Thứ hai : sau khi khả năng thứ nhất xảy ra, giá dầu sẽ vọt cao, gây xáo trộn và suy thoái kinh tế toàn cầu. Thứ ba : ngày ấy không còn xa nữa* ”. Ngoài ra 2 trữ lượng dầu rất lớn của thế giới nằm ở vùng Vịnh Cận Đông (Iraq, Saudi Arabia và các nước Ả-rập khác) và vùng Trung Á, là những nơi không có an ninh về chính trị, quân sự, có khả năng là đầu dây mối nhợ cho những xung đột trong tương lai.

Chính quyền Bush, không ít thì nhiều, mang dấu ấn của phe phái có liên hệ mật thiết với dầu và năng lượng. Condoleezza Rice, “ nữ quân sư ” của tổng thống Bush, từng là thành viên trong “ Hội đồng quản trị ” công ty dầu Chevron. Dick Cheney, Phó tổng thống Mỹ, từ 1995 – 2000 là cựu Giám đốc Halliburton (khoảng 100.000 nhân viên và có đại diện tại trên 100 quốc gia), đại công ty chuyên cung cấp các hệ thống khai thác mỏ dầu. Ê-kíp Bush–Cheney–Rice, là dấu hiệu chứng tỏ các lực lượng đầu nậu, có ảnh hưởng và nắm quyền lực tại Mỹ rất chú ý tầm quan trọng chiến lược của “ vàng đen ”.

Năm 2001 khủng hoảng về năng lượng đã xảy ra tại bang California. NEPDG (do Dick Cheney cầm chịch) đánh giá rằng, lần đầu tiên kể từ những năm 70 của thế kỉ 20 (khi những nước sản xuất dầu, dùng mặt hàng này để gây áp lực đối với các nước Tây Âu), Mỹ lại gặp khó khăn, vì khủng hoảng này xảy ra trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ bắt đầu suy thoái. Trong tương lai, tình hình lại càng bi quan, nếu không có thay đổi về nguồn, cũng như lượng dầu tiêu thụ tại Mỹ. Sức mạnh của Mỹ sẽ lệ thuộc vào lượng dầu nhập khẩu, vì nguồn cung cấp nội địa không đáp ứng được nhu cầu về dầu ngày càng tăng. Cũng theo thống kê của NEPDG lượng dầu nhập khẩu đã tăng từ 4,3 mb/d (1985) lên 10 mb/d (2000) và khả năng đến 2020 lượng dầu nhập khẩu sẽ chiếm 62 % tổng số lượng dầu tiêu thụ tại Mỹ . Hệ luận rút ra từ những dự đoán này : Là siêu cường độc nhất, nước Mỹ không thể lệ thuộc một cách cơ bản vào bất kỳ lực lượng nào trên thế giới, vì thế Mỹ phải cấp tốc hành động, sẵn sàng và có khả năng bảo vệ nguồn dầu bất kỳ nơi nào trên thế giới, để giữ thế thượng phong. Trong bối cảnh đó, Iraq và các nước Ả-rập vùng Cận Đông, với trữ lượng dầu dự đoán chiếm khoảng 2/3 trữ lượng thế giới (trong tổng số khoảng 40 mỏ dầu lớn đang được khai thác, 26 mỏ nằm ở vùng Vịnh và mỏ dầu của Iraq có lẽ lớn thứ nhì thế giới), sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong chiến lược toàn cầu của Nhà Trắng.

Sau khi Liên-Xô và hệ thống “ chủ nghĩa xã hội ” sụp đổ, nước Mỹ của thập niên 90 vẫn còn “ băn khoăn, lúng túng ” hầu như không mấy nhất quán về chiến lược, vai trò độc nhất, vô nhị của mình trên thế giới. Với Ê kíp Bush–Cheney –Rumsfeld, đường đi nước bước của Mỹ hình như rõ dần ra, đặc biệt kể từ vụ khủng bố 11.9.2001 (không ít thì nhiều, biến cố này đã được Nhà Trắng lợi dụng để tiến hành chính sách ưu tiên dùng vũ lực bảo vệ quyền lợi nước Mỹ trên phạm vi toàn thế giới). Trong chiến lược toàn cầu thế kỉ 21 của Mỹ, kiểm soát nguồn “vàng đen” hay nói cụ thể hơn, làm thế nào chi phối, răn đe và khuynh đảo tổ chức OPEC (nhóm các nước xuất khẩu dầu) là một trong những sợi chỉ đỏ quán xuyến và tàng ẩn trong mỗi nhất cử nhất động của “ chủ thuyết Bush ”. Trên bàn cờ thế giới đang phơi bày ra, Iraq vừa là con tượng vừa là con mã, mà nếu Lầu Năm góc chộp được, sẽ giải quyết khá nhiều đại sự cho nước Mỹ.

OPEC, với 11 thành viên sản xuất dầu lớn trên thế giới, là 1 tổ chức ra đời để bảo vệ quyền lợi các thành viên, dựa trên cơ chế " định giá dầu theo nhịp độ sản xuất ". Giá dầu xuống thì các nước OPEC phải hạn chế lượng dầu tung ra thế giới, theo qui luật " cung cầu " để giữ giá (chí ít là trên lí thuyết, OPEC có thể khuynh đảo thị trường dầu thế giới). Rút kinh nghiệm từ 2 vụ " khủng hoảng dầu " không ít thì nhiều do OPEC gây ra (thập niên 70 và 80), các cường quốc Tây Âu đã phần nào thành công 20 năm qua, trong việc tăng gia tìm tòi và khai thác các nguồn dầu nằm ngoài vùng ảnh hưởng của OPEC (Mexico, vùng biển Bắc Âu). Thế nhưng sang đầu thế kỉ 21, tình hình dầu xem ra không mấy sáng sủa: các mỏ dầu mới được khai thác không phải là những " con voi ", trữ lượng dầu của Mỹ còn kéo được khoảng 11 năm, châu Âu (chủ yếu là vùng biển Bắc Âu) 8 năm, Nga 19 năm ; trong lúc trữ lượng dầu của các nước OPEC là trên 76 năm, riêng tại Trung Đông con số là 89 năm. Xem thế để thấy tầm quan trọng của khối OPEC và đặc biệt vai trò của Iraq. Nếu Mỹ tách được Iraq ra khỏi khối hiệp thương OPEC, sẽ chọc thủng tuyến phòng ngự các quốc gia này, giải quyết các khúc mắc sau:

– OPEC mất đi 1 trong những con chủ bài chiến lược

– Iraq ngoan ngoãn vâng lời Mỹ, sẽ bảo đảm nguồn cung cấp dầu cho Mỹ trong tương lai (hiện nay chỉ các công ty của Pháp và Nga có hợp đồng khai thác dầu trong tương lai ở Iraq)

– Dùng Iraq làm bàn đạp để gây áp lực tại vùng Vịnh

– Vai trò chủ đạo của Saudi Arabia về dầu sẽ giảm thiểu có lợi cho Mỹ

Quan hệ giữa Mỹ và Saudi Arabia từ sau vụ khủng bố 11.09.01 đã xấu đi rõ rệt. Trên bề mặt, các tranh cãi giữa hai phía xoay quanh việc Saudi Arabia phê phán Mỹ bênh vực một chiều Do Thái (tranh chấp Do Thái - Palestine) và ngược lại Mỹ cho rằng Saudi Arabia thả lỏng cho phe khủng bố Hồi giáo tiếp tục hoạt động, nhưng cốt lõi của vấn đề, thực ra nằm trong " chủ thuyết Bush ". Theo đó, Saudi Arabia không còn là đàn em đáng tin cậy tại vùng Vịnh, thứ nhất : khả năng phe Hồi giáo cướp chính quyền có thể xảy ra, thứ hai : trong nội bộ cung đình, vua chúa Saudi Arabia, nhóm chống Mỹ ngày càng có thêm thế lực. Cụ thể là tuyên bố mới đây của Saudi Arabia, không tham gia chiến tranh chống Iraq. Ngoài ra việc Venezuela (các vụ biểu tình, tổng đình công đang xảy ra tại đây, tuy không phải do Mỹ tổ chức và hỗ trợ trực tiếp như ở Chile năm 1973, nhưng rất được Mỹ hoan nghênh), Iran và Saudi Arabia gợi ý, trong tương lai nên dựa trên đồng Euro thay vì đồng đô-la Mỹ để buôn bán và kết toán dầu, rõ ràng là sự khiêu khích mà Mỹ không thể chấp nhận được. Fred Mutalibov, SWS Securities, chuyên gia nghiên cứu thị trường dầu tại Mỹ, nói không cần úp mở : " *Đây là vấn đề quyền lợi dính dáng đến dầu lửa. Hiện nay ngành dầu, khí Mỹ chả có sơ múi gì tại Iraq. Sau khi có thay đổi chính quyền tại Iraq, Mỹ sẽ có cơ hội "hồi hương". Không phải chỉ công nghiệp dầu, khí đốt, mà cả công nghiệp nói chung, bao gồm kỹ thuật, trang thiết bị, các ngành dịch vụ. Xây dựng lại mỏ dầu Iraq sau chiến tranh, đó là cơ may đầu tư rất lớn* " 3.

Nói tóm lại, việc Mỹ gây chiến tranh ở Vùng Vịnh, tấn công Iraq rất có khả năng xảy ra (từ đầu tháng 2-2003, khi chuẩn bị về quân sự, chiến thuật hoàn tất và không trễ hơn cuối tháng 3-2003, vì khí hậu bắt đầu oi bức) độc lập với thực tế Iraq có khả năng dùng vũ khí "ABC" để đe dọa thế giới hay không (a/ một phần các vũ khí này đã do chính Mỹ cung cấp, b/ Mỹ có thể bày ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ Việt Nam thứ hai để gây chiến). Dưới lăng kính chiến lược của Mỹ (trong chừng mực nào đó luôn của cả những nước tư bản phát triển) bàn cờ thế giới đang bày ra, đòi hỏi các cường quốc phải hành động, trước khi tình hình tại Saudi Arabia (gián tiếp quan hệ với OPEC) xấu đi, vuột khỏi vòng kiềm tỏa của Mỹ, Tây Âu. Saudi Arabia, thánh địa Mekka của người Hồi giáo, là cục gân gà khó nuốt, can thiệp quân sự vào đấy tức là tuyên " Thánh chiến " với toàn bộ người Hồi giáo thế giới, một điều mà không thế lực nào dám đâm xổ vào, kể cả mega siêu cường như nước Mỹ. Donald Kagan, một trong những đầu sỏ chiến lược Mỹ đã gợi ý như sau : " *Chúng ta có thể phải tập trung một lực lượng quân sự không phải là nhỏ trong một thời gian tương đối dài tại Trung và Cận Đông. Nhưng đó là giá ta phải trả. Trong tương lai, lực lượng của chúng ta đóng tại Iraq, sẽ bảo đảm nền kinh tế Mỹ không bị xáo trộn bởi sự tắt nghẽn dầu gây ra* " . Các dữ kiện sau đây càng cho thấy chiến tranh Mỹ - Iraq sẽ diễn ra, rất thực tế:

– Khả năng Bắc Hàn (cũng là 1 nước được Mỹ xếp hạng vào " Trục của cái ác ") chế tạo được bom nguyên tử hơn hẳn nếu so sánh với Iraq, nhưng Mỹ chỉ đe dọa và có biện pháp " phải đạo " đối với Bắc Hàn.

– Số lượng dầu sản xuất tại Iraq hiện nay là không đáng kể (vì cấm vận). Nếu chiến tranh bùng nổ, chí ít là trong một thời gian ngắn, thị trường dầu thế giới sẽ không bị xáo trộn mãnh liệt.

– Cuối năm 2002, Mỹ đã yêu cầu UNO lập kho tích trữ lương thực, đề phòng tai biến có thể xảy ra.

– Chuẩn bị quân sự và chiến thuật của Mỹ rất dồn dập và rút ráo, với một cường độ khác hẳn những cuộc tập trận bình thường.

– Tính toán của Mỹ cho rằng, chiến tranh Iraq chỉ ngốn khoảng 50 – 60 tỉ USD, Mỹ có khả năng chịu đựng.

Trong khi mega siêu cường Mỹ tiếp tục diệu võ dương oai, chuẩn bị cật lực cho chiến tranh, các cường quốc khác, từ Pháp, Đức, Nga đến Trung Quốc, không ít thì nhiều, giữ thái độ nửa nạc nửa mỡ, chờ đợi để hưởng lợi. Một đằng là áp lực của quần chúng bản xứ, đa số không ủng hộ chiến tranh, một đằng là hy vọng Mỹ, sau khi chộp được Iraq, sẽ giải quyết tốt những mâu thuẫn với OPEC, khơi nguồn dầu lai láng chảy vào huyết mạch các guồng máy kinh tế nội địa. Thay vì đầu tư tìm tòm cách nâng hiệu suất các nguồn năng lượng khác (gió, nước, mặt trời) không gây ô nhiễm môi trường với cường độ như dầu hỏa, đồng thời giảm thiểu những bất công, vô lí do việc sử dụng dầu gây ra, các vị lãnh đạo Mỹ " Vũ Như Cẩn ", vì quyền lợi rất lớn của phe phái "dầu", vẫn cương quyết đi theo con đường cũ, sẵn sàng gây chiến tranh, bất chấp thế giới, nhất là bất chấp các khổ đau mà dân Iraq sẽ trực tiếp chịu đựng.

Khả Tri (đầu năm 2003)

Từ Thổ Nhĩ Kỳ nhìn lại vấn đề tôn giáo

VŨ QUANG VIỆT

Nhà thờ Hồi giáo ở Istanbul

Từ ngọn đồi và tùy vị trí có thể đứng nhìn chung quanh thành phố Ankara, thủ đô Turkey (Thổ Nhĩ Kỳ). Cả ngọn đồi là công viên, trên đỉnh là lăng mộ hoành tráng dành cho tổng thống Mustafa Kemal Ataturk (1881-1938), người khai sáng nước cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay. Ataturk là tên đặt thêm, có nghĩa là người cha già dân tộc Thổ. Người Thổ dành cho Ataturk một địa vị đặc biệt như người Việt dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thành phố Ankara được xây cất hoàn toàn mới, như một thành phố châu Âu trên một vùng đất Anatolia có bề dày lịch sử lâu đời, với thành quách nhà ở có mặt từ hơn 6 ngàn năm trước dương lịch, với phát minh đồ đồng, chữ viết gần 2 ngàn năm trước dương lịch, so với Việt Nam chỉ phát minh ra đồ đồng khoảng 1-2 trăm năm trước dương lịch. Trong mấy ngàn năm Thổ Nhĩ Kỳ là con đường gạch nối giữa đông và tây. Đối với một người đi du lịch, Thổ Nhĩ Kỳ là nơi hội tụ di tích của nhiều nền văn hoá đã làm nên Tây phương hiện nay : văn hoá bản địa, Hy Lạp, La Mã, Thiên chúa giáo và Hồi giáo. Nơi có con ngựa thành Troy mà Homer đã làm bất tử trong bản trường ca ở thế kỷ thứ 3 trước dương lịch. Nơi Aristotle, học trò của Plato đã từng đến giảng dậy 3 năm và lấy vợ ở đó. Nó cũng là nơi mà theo truyền thuyết bà Mary mẹ của ngài Jesus được thánh John đưa đến ở những ngày cuối đời. Nhưng nó cũng là nơi làm ta suy nghĩ về quá trình khó khăn canh tân hoá một nước bị đè nặng bởi thần quyền chủ trương nhất nguyên, tức là chỉ có một thượng đế như nước Thổ Nhĩ Kỳ.

Trước đây từ năm 330 đến tận năm 1453, nước Thổ là một phần của Đế quốc Byzantine thiên chúa giáo. Constantinople, hiện nay có tên là Istanbul, đã trở thành thủ đô của hoàng đế La Mã Constantine I người bị thuyết phục theo đạo Thiên chúa. Đế quốc này mất dần đất như Syria, Palestine, Ai Cập, Bắc Phi vào tay người Hồi giáo trong thời gian 610-641. Và đến năm 1054, giáo hội Thiên chúa giáo cũng chia làm hai phe : phe đông (Đạo Chính Thống) ở Constantinople và phe tây (Đạo Công giáo) ở Rome. Đế quốc Byzantine suy sụp dần, rơi vào tay Công giáo La Mã năm 1204, bị Mông Cổ chiếm năm 1304 và cuối cùng rơi vào tay đế quốc Ottoman theo Hồi giáo năm 1453 sau thất bại của những cuộc thánh chiến nhằm lấy lại thánh địa Palestine và chống Hồi giáo do người Công giáo khởi động kéo dài gần 200 năm từ 1096-1291. Từ năm 1453 Constantinople rơi hẳn vào tay người Hồi giáo. Muhammed II đã bành trướng đế quốc Ottoman này tới tận Vienna, thủ đô nước Áo ngày nay.

Khi đế quốc Hồi giáo Ottoman bị đại bại trước quân đội các đế quốc châu Âu sau thế chiến thứ nhất, Ataturk đã lãnh đạo người Thổ đánh bại quân Anh ở Gallopoli để dựng nên nước Thổ Nhĩ Kỳ độc lập hiện nay. Ottoman là một đế quốc tôn giáo lớn bao trùm hầu hết các nước Hồi giáo ở Trung Đông ngày nay và kéo dài tới tận vùng Trung Á trước đây thuộc Liên Xô và miền nam Âu châu. Ataturk là người cấp tiến, ông không muốn dựng một đế quốc lỗi thời mà muốn xây dựng một nước cộng hoà dân sự cho người Thổ. Ông chủ trương xoá bỏ vương triều mà hoàng đế cũng đồng thời là người lãnh đạo tôn giáo đạo Hồi (gọi là Caliph), người được coi là thay thế nhà tiên tri Muhammed.

Tôn giáo ở Âu châu và Tây Á trước đây, Công giáo hay Hồi giáo cũng giống nhau ở một điểm. Họ đều kết hợp thế quyền và thần quyền, đè nặng lên đầu dân chúng cả về tư tưởng, đời sống tâm linh và đời sống kinh tế - dân sự. Để thực hiện một kỷ nguyên ánh sáng trên đất nước với tư tưởng về quyền cá nhân của Voltaire, John Stuart Mill, v.v., năm 1922, Ataturk ban bố luật tự do tôn giáo, xoá bỏ luật Hồi giáo (Shariah), bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ, thay thế lịch Hồi giáo bằng lịch tây phương, bảo đảm tự do đảng phái, cấm tuyên truyền tôn giáo hoặc các biểu hiện tôn giáo như mang khăn che tóc ở những công sở, trường học. Chính sách khai hoá đã phải thực hiện từ trên xuống nên chỉ thành công một phần nào. Để thực hiện những điều này, từ đó đến nay, việc tách bạch đạo và đời được ghi trong Hiến pháp. Quân đội nắm Hội đồng An ninh Quốc gia nhân danh bảo vệ hiến pháp đã phải can thiệp nhiều lần, kể cả lật đổ chính quyền dân sự, đặc biệt là năm 1997.

Vùng đất Anatolia là một phần của khu vực thường được gọi là vùng Lưỡi liềm Mầu mỡ (Fertile Crescent) ở Tây Nam Á mà trung tâm của nó là Iraq hiện nay. Nó là một trung tâm lớn của văn minh nhân loại. Do khí hậu ôn đới, mưa và ẩm ướt vào mùa đông và khô nóng vào mùa hè, vùng này hơn 10 ngàn năm trước đã thuần hoá được nhiều động vật như ngựa, bò, heo, dê, cừu và các thực vật như lúa mì, lúa mạch dùng phổ biến hiện nay. Điều này tạo cơ hội cho thặng dư trong sản xuất xuất hiện, làm cơ sở xây dựng các đế quốc. Vùng đất này cũng là ngưỡng cửa mà người Phi châu phải bước qua khoảng 20-40 ngàn năm trước để trở thành người Âu châu hiện nay. Và cũng có thể là tổ tiên của người Âu châu hiện nay cũng là từ vùng Lưỡi liềm Mầu mỡ này không chừng. Khu vực này như vậy có thể nói là xuất hiện trước Văn hoá Ngưỡng Thiều ở Trung Quốc với huyền thoại Thần Nông có khoảng 6 ngàn năm trước dương lịch.

Vùng Lưỡi liềm Mầu mỡ cũng là khu vực sinh sôi các tôn giáo lớn như Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo với

quan điểm nhất thần, chủ trương thế giới sinh ra từ một thượng đế. Nhất thần luận dễ đưa đến tổ chức chặt chẽ, tín điều và qui luật cứng nhắc về đời sống tinh thần và vật chất, chỉ coi đạo mình là đúng còn những kẻ ngoại đạo là bọn phản phúc. Nhất thần luận của Do Thái giáo chỉ coi người Do Thái là dân chúa chọn. Thiên chúa giáo phản bác giáo lý chúa chọn này, coi thiên chúa là của mọi người, lấy bác ái làm cơ sở, tách biệt thế giới của nhà chúa và thế giới của loài người. Nhưng đó chỉ là lúc đầu. Khi nó trở thành một phần của đế quốc La Mã thì thế tục và thần tục chẳng còn gì khác biệt. Hồi giáo kết hợp thế giới của thượng đế và của loài người bằng những cuộc chiến mở mang đất Allah (đất chúa) từ ngày khởi đầu đến hiện nay.

Năm 1930, phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ tham gia bầu phiếu lần đầu tiên

Thiên chúa giáo có thêm vài trăm năm thay đổi và cải cách, xâu xé qua các cuộc nội chiến, giết hại lẫn nhau giữa giáo hội Công giáo La Mã và các giáo phái Thiên chúa giáo khác phản đối lại thần quyền được dung tục hoá quá đáng này. Thế kỷ ánh sáng là phản ứng tự nhiên của các nhà tư tưởng và khoa học và nó đã thắng lợi khi giai cấp tư sản ra đời. Thế kỷ ánh sáng mở đầu cho quyền tự do cá nhân, cho khoa học, cho việc đặt ranh giới phân cách giữa thần quyền và thế quyền.

" Hãy trả về cho Caesar những gì thuộc về Caesar và trả về cho thượng đế những gì thuộc về thượng đế." Một phần xã hội loài người đã phải đợi đến vài ngàn năm sau mới được trở về thực chất câu nói này của ngài Jesus. Trong nhiều nước có đa số dân chúng theo Hồi giáo thì sự phân ranh biên giới giữa thế quyền và thần quyền vẫn còn xa vời. Sự phân ranh này cũng là điều xa xỉ đối với những người theo các giáo phái Thiên chúa giáo quá khích ở Mỹ. Sự cấu kết giữa Công giáo nói riêng và Thiên chúa giáo nói chung với chủ nghĩa thực dân trước đây hoặc với các quốc gia có ý đồ đế quốc hiện nay có nguồn gốc từ nhất thần luận.

Nước Thổ vẫn còn đang trong giai đoạn chuyển tiếp. Họ muốn trở thành thành viên của khối Liên Hiệp Âu châu. Điều kiện của tổ chức này là Thổ phải có đa đảng và bảo đảm tự do cá nhân. Nhưng luật pháp muốn bảo đảm chế độ dân sự của Ataturk, do đó người Hồi giáo không được quấn khăn che tóc ở nơi công cộng. Ông Erdogan, lãnh tụ Đảng thiên Hồi giáo hiện nay, đã bị tù 4 tháng và bị cấm ứng cử vì đọc thơ tôn giáo khích bác căm thù trước công chúng khi làm thị trưởng Istanbul. Chính phủ liên hiệp do Đảng này lãnh đạo cũng đã sụp đổ do bị áp lực của quân đội năm 1997. Đảng của ông Erdogan lại thắng cử lớn vào đầu tháng 11 này, đưa phiếu cử tri trước đây là 20 % lên 34 %. Đảng cầm quyền chỉ được 1 % phiếu và Đảng của ông Ataturk để lại về nhì chiếm 16 % phiếu. Dĩ nhiên ông Erdogan thắng lớn vì đã thay đổi quan điểm, hứa hẹn một chính phủ dân sự phi tôn giáo, tiếp tục muốn là thành viên của Liên Hiệp Âu châu và cho phép sự hiện diện của căn cứ quân sự của Mỹ. Nhưng quan trọng hơn thế, dân chúng đã mất niềm tin vào các chính phủ trước đây dựa vào thế lực quân đội và ngày càng trở nên mảnh đất của tham nhũng. Nền kinh tế lại khủng hoảng do cùng một chính sách dùng tiền ngân hàng nhà nước cho các thế lực chính trị cầm quyền vay bất kể hiệu quả kinh tế. Thổ mất khả năng thanh toán và trở thành con nợ của IMF, GDP giảm gần 10 % trong năm 2001, lạm phát hiện này vẫn còn trên 35 %. Dân bầu cho đảng thân Hồi giáo chỉ là để phản đối. Nhưng điều này làm không ít người phân vân : liệu Thổ Nhĩ Kỳ có bước qua được biên giới, tách rời chính trị và tôn giáo không, để một đảng thiên Hồi giáo chúng sẽ chẳng khác gì Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo ở Đức ?

Thổ Nhĩ Kỳ có thể sẽ là một bài học, nếu họ thành công, về quá trình tách biệt thần quyền và thế quyền cho các quốc gia có người Hồi giáo chiếm đa số, từ các nước Trung Đông đến Mã Lai, Indonesia, Pakistan và Bangladesh. Mỗi nước có vấn đề riêng, nhưng những nước dựa vào lực lượng tôn giáo để ra đời hoặc cầm quyền đều đang ngụp lặn trong vòng xoáy không biết tương lai sẽ đi về đâu. Đàn áp tôn giáo để tồn tại, mà cũng chỉ là làm lợi cho sự độc tài cá nhân như Indonesia trước đây cũng tạo ra phản ứng khó lường. Các nước Đông Á kể cả Việt Nam, hầu hết là tin tưởng đa thần, hoặc không thần (theo nghĩa không có một thượng đế sinh ra và phán xét loài người và nếu có thần thì đó cũng là từ thế giới chúng sinh). Chính vì vậy, vùng Đông Á không có cơ sở cho sự phát triển tính quá khích tôn giáo. Thế nhưng một số nước Đông Á cũng đã ngụp lặn hàng ngàn năm theo một đạo thế tục nhất nguyên của Khổng tử với quan niệm thiên mệnh và các tín điều cứng nhắc hướng về bảo vệ trật tự xã hội trong đó hoàng đế là trụ cột mặc dù không tạo ra thánh chiến nhưng cũng kìm hãm phát triển. Một số nước trong vùng đã nhập cảng chủ nghĩa nhất nguyên thế tục trong thời cận đại, dù là võ khí cần thiết nhằm giải phóng dân tộc, đã dẫn đến những hành động và chính sách quá khích ít thấy trong lịch sử phát triển của họ.

Nhân viết về tôn giáo, không thể không nói qua về chính sách tôn giáo của chính quyền dựa trên nhất nguyên thế tục. Nhất nguyên thế tục với ý đồ quản lý toàn bộ xã hội và đặc biệt là tư tưởng khó lòng tránh khỏi đụng độ mạnh mẽ với nhất nguyên thần quyền và ở mức độ nhất định với các đạo lý đa thần hoặc không thần. Sự việc lại càng căng thẳng hơn vì mang tính bảo vệ quyền tự chủ dân tộc nhằm đối phó với nhất nguyên thần quyền có tính quốc tế, có nghĩa là thần quyền được điều hành, chỉ đạo về mặt tổ chức và con người bởi lực lượng từ bên ngoài như Vatican, và các trung tâm giáo hội thiên chúa giáo khác.

22/01/03

Vũ Quang Việt

Tác giả xin cám ơn sự góp ý của giáo sư Cao Huy Thuần để bài viết được hoàn chỉnh hơn.

Thuốc men cho các nước nghèo : vấn đề kinh tế hay đạo đức ?

ĐỖ TUYẾT KHANH

Nghèo đói và bệnh tật xưa nay vẫn đi đôi với nhau và như một cặp đồng loã, cái này tiếp tay cho cái kia để giam hãm trong một vòng lẩn quẩn tưởng như không lối thoát những con người xấu số hoặc cả một dân tộc không may. Đấy là thảm cảnh của nhiều nước châu Phi, trong mấy chục năm vẫn không vươn ra khỏi tình trạng tụt hậu, và từ khi bệnh sida (AIDS) xuất hiện và lan tràn thì lại càng lún sâu thêm trong sự kiệt quệ kinh tế.

Thường thì khi bất lực trước sự nghèo khổ, người ta hay qui cho số phận và hi vọng là ở hiền gặp lành, may ra lúc nào đó ông Trời có mắt, giải thoát cho khỏi kiếp lầm than. Các nước châu Phi cũng thế, hầu như bó tay trước dịch AIDS, trông cậy vào các chương trình cứu trợ của Liên Hiệp Quốc và Tổ chức Y Tế Thế giới (World Health Organization – WHO) là chính và kêu gọi đến tinh thần nhân đạo và đoàn kết quốc tế trong những hội nghị về AIDS, hết năm này sang năm khác. Tuy nhiên, con giun xéo mãi cũng quằn, người dân cơ cực quá cũng có khi nổi loạn. Khi bệnh AIDS trầm trọng đến mức thành hiểm hoạ quốc gia thì một số nước cũng không ngần ngại lấy một số biện pháp quyết liệt, dẫu có vi phạm qui định quốc tế hay có thể phải đương đầu với các cường quốc vì đụng chạm đến quyền lợi của họ. Vấn đề thuốc trị bệnh AIDS hay nói rộng hơn, việc cung cấp thuốc men cho các nước nghèo trở thành một mối xung đột mới giữa các nước giàu và nghèo, một trong những đề tài bức xúc trong cuộc tranh luận về toàn cầu hoá. Với những mốc thời gian cũng di chuyển từ nước này sang nước khác.

Seattle, tháng 12. 1999

Vấn đề thuốc men và các nước nghèo lần đầu trở thành đề tài thời sự đối với công luận tại Hội nghị bộ trưởng của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tại Seattle tháng 12 năm 1999. Không phải chỉ vì sự trùng hợp thời gian (hội nghị khai mạc ngày 30.11, một hôm trước Ngày Quốc tế chống AIDS, vẫn tổ chức ngày 1.12 hàng năm), mà chính vì một trong những chủ đề của hội nghị là xem xét lại hiệp ước TRIPs, văn kiện quản lý các phương diện của sở hữu tri thức liên quan đến thương mại. Lúc ấy hiệp ước TRIPs lại là cốt lõi của một vụ kiện kéo dài đã gần hai năm giữa 39 đại công ty dược phẩm quốc tế và chính quyền Nam Phi, trong đó các tổ chức phi chính phủ (NGO), đặc biệt tổ chức Médecins sans frontières (MSF) và các nhóm hoạt động chống AIDS đóng vai trò rất tích cực. Lần đầu tiên, do sức ép của các phong trào phản kháng, hội nghị bộ trưởng của WTO đã mời các tổ chức của " xã hội công dân " tham gia và MSF là một trong những tổ chức tích cực nhất, đề xuất nhiều ý kiến để tách rời vấn đề y tế khỏi lãnh vực thuần kinh tế trong khuôn khổ TRIPs.

Giữa sự hỗn độn và hơi lựu đạn cay tại Seattle lúc đó, đề tài AIDS và thuốc men không đi đến đâu, cũng như tất cả các chủ đề chính khác của hội nghị. Tuy nhiên khung cảnh đã được dàn dựng, các vai trò đã được phân chia, công chúng đã biết đến, các hồi sau có thể lần lượt tiếp diễn.

Pretoria, tháng 4. 2001

Sau Seattle, trong suốt năm 2000, các phong trào chống toàn cầu hoá thừa thế xông lên và đặt vấn đề thuốc men cho các nước nghốo như một trong những biểu tượng của sự xung đột Bắc-Nam, một bất công phải giải quyết cấp bách. Vụ kiện tại Nam Phi là trọng tâm và điển hình cho sự tranh cãi đó.

Năm 1997, tổng thống Nelson Mandela ký sắc lệnh ban hành đạo luật về dược phẩm (Luật 1997) cho phép chính quyền Nam Phi vượt qua các qui định về sở hữu tri thức bằng hai cách. Hoặc cho phép các nhà bào chế trong nước đơn phương sản xuất các thuốc men đã được bảo vệ bởi các bằng sáng chế mà không thông qua sự đồng ý của các công ty chủ các thương hiệu này, tức là biện pháp nhượng quyền bắt buộc (*compulsory licensing*), hoặc nhập các thuốc chép công thức (*generic drugs*) nhưng chế tạo trong các nước thứ ba, rẻ hơn, thay vì mua một cách " chính quy " nhưng rất đắt từ các công ty giữ bản quyền, tức là biện pháp nhập khẩu song song (*parallel imports*). Lý do là dịch AIDS tại Nam Phi đã trầm trọng tới mức trở thành tình trạng khẩn cấp cho phép dùng đến những biệt lệ đi ngược lại các qui định của luật sở hữu quốc tế.

Luật 1997 hoàn toàn phù hợp với luật quốc tế vì hiệp ước TRIPs có dự trù hai khả năng nhượng quyền bắt buộc và nhập khẩu song song trong các trường hợp khẩn cấp. Tuy thế, chỉ ba tháng sau khi ban hành, hiệp hội Pharmaceutical Manufacturer's Association (PMA) của Nam Phi, cùng với hơn 40 công ty thuốc nội địa và quốc tế, trong đó có các đại công ty như Roche, Novartis, GlaxoSmithKline, đệ đơn trước toà án yêu cầu hoãn thi hành luật này, vì theo họ sẽ gây tiền lệ cho các nước khác vi phạm luật sở hữu tri thức và hiệp ước TRIPs. Vì Luật 1997 cho phép bộ trưởng y tế Nam Phi quyết định thế nào là tình trạng khẩn cấp, các biệt lệ này có thể được áp dụng cho bất cứ bệnh nào, dần dà vô hiệu hoá tất cả khung pháp lý về sở hữu tri thức.

Vụ kiện gây sôi nổi trong nước và nhanh chóng có tầm cỡ quốc tế, thu hút sự quan tâm của các nhóm chống AIDS và các NGO như Oxfam và MSF. Đối với họ, đơn kiện này tiêu biểu cho sự ích kỷ và vô nhân đạo của các đại công ty đặt lợi nhuận lên trên hết mọi giá trị đạo đức. Các khẩu hiệu quen thuộc sau này xuất hiện từ đấy : " Mạng sống trước lợi nhuận ", " Sức khoẻ không phải là hàng hoá ", v.v.

Khí thế hừng hực sau Seattle, càng được củng cố sau khi MSF được giải Nobel hoà bình tháng 12.1999, cộng thêm thời điểm của mùa tranh cử tổng thống tại Mỹ, khiến các nhóm ủng hộ Nam Phi càng thành công trong việc gây áp lực, ép chính quyền Clinton, cho đến lúc ấy bảo vệ rất hung hăng quyền lợi các công ty thuốc, phải hoà hoãn. Phó tổng thống và ứng cử viên Al Gore, lúc ấy còn là Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Mỹ - Nam Phi, sau khi bị tố cáo là có liên hệ mật thiết với các công ty thuốc, cũng phải thối lui. Chính quyền Clinton cuối cùng phải tuyên bố sẽ không truy tố các nhà bào chế Nam Phi

hay dùng đến biện pháp trừng phạt khác.

Vụ kiện Pretoria thành một cao trào quốc tế. Ngày 8.3.2001, MSF phát động chiến dịch xin chữ ký yêu cầu các công ty rút lại đơn kiện và chỉ trong 6 tuần đã nhận được 285 000 chữ ký thông qua 140 tổ chức trong 130 nước. Do đó không ngạc nhiên lắm khi tháng 4.2001, lúc vụ án được đưa ra xét xử trước Toà án tối cao tại Pretoria, bên nguyên, lúc ấy còn lại 39 công ty, tuyên bố rút lại đơn vô điều kiện sau khi đã đi đến một thoả hiệp với chính quyền Nam Phi. Các nhóm tranh đấu và các NGO ăn mừng chiến thắng của David trên Goliath, và coi đấy là cái mốc lịch sử trong một cuộc tranh đấu mới chỉ bắt đầu để giúp các nước nghèo thắng được bệnh tật.

Doha, tháng 11. 2001

Về phía WTO, vấn đề thuốc men và các nước nghèo cũng trở thành một chủ đề quan trọng. Tháng 9.2000, WTO họp cùng WHO, chương trình UNAIDS của Liên Hiệp Quốc và Liên hiệp Châu Âu, để bàn làm sao vừa bảo vệ quyền sở hữu tri thức vì đấy là động cơ đầu tư và kinh doanh, vừa bảo đảm cho các nước nghốo có khả năng mua được những thuốc men cần thiết. Tháng 4.2001, WTO và WHO cùng tổ chức một buổi họp với 80 chuyên gia và các NGO tại Høsbjør (Na Uy) về việc lập ra một chế độ giá cả sai biệt cho phép các nước nghèo hưởng giá thấp nhất. Và tháng 6.2001, theo lời yêu cầu của các nước châu Phi, WTO tổ chức buổi họp chính thức đầu tiên về vấn đề TRIPs và nhu cầu thuốc men của các nước nghèo.

Từ đó việc khuyến khích các nước nghèo khai thác những biệt lệ đã dự trù trong hiệp ước TRIPS (" điều lệ uyển chuyển " hay *flexibility*) và việc định giá thuốc vừa với sức mua của họ (*affordability*) là hai khái niệm căn bản trong các buổi họp tại WTO về đề tài này.

Sau biến cố 11.9.2001, Mỹ và một số nước phương Tây đặt việc phát động vòng thương thảo đa phương để đẩy mạnh tự do hoá thương mại, mục tiêu không đạt được ở Seattle, thành một trong những trọng điểm của chiến lược chống khủng bố trên thế giới. Vì cần đồng minh nên ngoài những đặc ân ban phát cho Pakistan hay Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ cũng tỏ ra mềm dẻo hơn trước những đòi hỏi của các nước nghèo trong Hội nghị bộ trưởng WTO tại Doha tháng 11.2001. Để các nước này đồng ý phát động vòng thương thảo, các nước Tây phương đã nhượng bộ trên nhiều điểm, trong đó có bản tuyên ngôn về hiệp ước TRIPs và y tế quốc dân, được coi như thắng lợi lớn nhất của thế giới thứ ba tại Doha, tuy là chỉ giành được sau rất nhiều mặc cả vất vả.

Bản tuyên ngôn này có ba điểm chính : Thứ nhất, mỗi thành viên có quyền dùng biện pháp nhượng quyền bắt buộc và được tự do ấn định lý do tại sao. Thứ nhì, mỗi thành viên có quyền ấn định thế nào là tình trạng khẩn cấp quốc gia hay hết sức cấp bách, và theo thoả thuận của hội nghị, các tình hình nguy kịch, kể cả khi do các bệnh HIV-AIDS, lao, sốt rét và các bệnh dịch khác gây ra, đều có thể được coi là tình trạng khẩn cấp quốc gia hay hết sức cấp bách. Thứ ba, các thành viên có ít hay không có khả năng chế tạo dược phẩm có thể sẽ gặp khó khăn khi cần áp dụng biện pháp nhượng quyền bắt buộc theo hiệp ước TRIPs. Hội đồng TRIPs của WTO được uỷ thác nhanh chóng tìm ra giải pháp cho vấn đề này và báo cáo lên Đại hội đồng WTO trước cuối năm 2002. Điểm này ghi trong điều lệ 6 của bản tuyên ngôn.

Vòng thương thảo phát động tại Doha mang cái tên rất hứa hẹn là Vòng thương thảo cho phát triển (*Doha Development Round*) vì đặt trọng tâm lên nhiều vấn đề thiết thân đối với các nước nghèo, trong đó có nhu cầu thuốc men thiết yếu. Bản tuyên ngôn về y tế quốc dân đánh dấu một thay đổi cơ bản : quyền bảo vệ sức khoẻ người dân được đặt cao hơn quyền sáng chế. Đó là nguyên tắc, còn áp dụng thế nào trong thực tế thì các thành viên WTO tự cho mình một năm để bàn bạc hầu đi đến một cơ chế cụ thể.

Sydney, tháng 11. 2002

Tất cả vấn đề xoay quanh điểm thứ ba nêu ở trên, tức điều lệ 6. Vì bản tuyên ngôn chỉ giới hạn vào giải pháp nhượng quyền bắt buộc mà không nhắc đến nhập khẩu song song, nên không giải quyết được gì cả cho nước nào không có khả năng tự chế tạo lấy các thuốc men. Nguyên tắc của nhượng quyền bắt buộc là được phép vượt qua quyền sáng chế để đáp ứng nhu cầu cấp bách của dân chúng, và chỉ trong mục đích ấy thôi, nên không được sản xuất dư ra rồi đem đi bán cho một nước nào khác, cũng đang rất cần mà lại không tự bào chế lấy được. Điều oái oăm là phần đông các nước nghèo nhất, khổ nhất vì bệnh tật thì lại không có nền công nghiệp dược phẩm. Và nghịch lý nhất là hiệp ước TRIPs cho phép nhập các thuốc chép công thức nhưng lại không cho các nước sản xuất loại thuốc này xuất khẩu. Do đó tại Doha, Nam Phi và Brazil chỉ đồng ý thông qua bản tuyên ngôn với điều kiện phải giải quyết sự phi lý này trong vòng một năm, và ghi sự cam kết đó trên giấy trắng mực đen thành điều lệ 6.

Trong suốt năm 2002, các buổi họp về điểm này không đi đến đâu và đến tháng 11, khi WTO họp tiểu hội nghị ở Sydney (Úc) để chuẩn bị cho Hội nghị bộ trưởng sẽ tổ chức tháng 9.2003 tại Cancún (Mexico), thì việc giải quyết bế tắc này được đặt thành vấn đề một mất một còn, quyết định cho cả vòng thương thảo Doha.

Tuy thế, các bộ trưởng thương mại của 25 nước sau hai ngày họp tại Sydney cũng vẫn không đi đến kết quả nào khác là đồng ý... phải đi đến thoả thuận trước cuối năm !

Genève, tháng 12. 2002

Buổi họp cuối cùng, ngày 20.12.2002, trước khi WTO đóng cửa nghỉ Giáng Sinh và Tết tây, kết thúc trên sự bế tắc hoàn toàn sau khi Mỹ vẫn khăng khăng không chấp nhận dự thảo văn bản đã được tất cả các thành viên khác thông qua. Phái đoàn Mỹ nhận được trực tiếp từ phó tổng thống Dick Cheney lệnh không nhượng bộ. Ông Antonio de Aguiar Patriota, đại diện Brazil, nói với các phóng viên : " Bản dự thảo đã được sự ủng hộ của 143 trên 144 nước thành viên ". Bà Linnet Deily, đại sứ Mỹ, lúng túng từ chối không bình luận phát biểu của các nước trách Mỹ đã nuốt lời hứa, đi ngược lại những gì đã thoả thuận tại Doha, và chỉ một mình ngoan cố mà làm tê liệt cả những nỗ lực chung.

Những điểm bất đồng nào đã dẫn đến thất bại ?

Điểm khúc mắc là câu " kể cả khi do các bệnh HIV-AIDS,

lao, sốt rét và các bệnh dịch khác gây ra " trong bản tuyên ngôn. Mỹ muốn khoanh lại định nghĩa các bệnh được coi là gây ra tình trạng khẩn cấp cho phép vượt qua quyền sáng chế, giới hạn vào các bệnh AIDS, sốt rét và lao và chỉ một số ít bệnh dịch truyền nhiễm khác. Mỹ tuyên bố sợ rằng nếu không thì các nước nghèo sẽ lợi dụng để mua rẻ (và Brazil, Ấn Độ để bán) thuốc cho các bệnh khác như hen suyễn, đái đường, ung thư và cả... Viagra !

Các nước nghèo muốn có một định nghĩa rộng hơn, trên cơ sở văn bản đã thoả thuận tại Doha, bao gồm các " vấn đề y tế quốc dân nghiêm trọng " nói chung. Vì khó có thể phủ nhận tác động của các bệnh khác trong tình trạng nguy kịch của các nước nghèo, nhất là ở châu Phi, điều này đã được tất cả các thành viên khác, kể cả các nước có công nghiệp dược phẩm lớn như Thụy Sĩ và Liên hiệp Châu Âu, chấp thuận. Trừ Mỹ.

Vấn đề khác là định nghĩa nước nào được dùng đến biệt lệ. Liên Hiệp Châu Âu đề nghị là giới hạn vào 49 nước nghèo nhất, theo danh sách các nước chậm phát triển nhất (LDC) của Liên Hiệp Quốc. Nhưng như thế là loại trừ ra khỏi danh sách 72 nước " đang phát triển " như Peru, Phi Luật Tân, Thái Lan, v.v. Tức là phần lớn thế giới thứ ba.

Để vớt vát danh dự và tránh mang tiếng là một mình làm hỏng hết đại sự, đầu năm nay, Mỹ đưa ra một giải pháp tạm thời là hứa sẽ bỏ qua, không gây khó khăn với nước nghèo nào nhập các thuốc chép công thức trong trường hợp 15 bệnh trong đó có sốt Ebola, dịch tả, sốt xuất huyết, bệnh ngủ, thương hàn và sốt phát ban,là các bệnh chủ yếu ở châu Phi. Văn bản Mỹ đề nghị là một " Quyết định tạm hoãn (*moratorium*) để đáp ứng nhu cầu các nước đang và chậm phát triển không có hoặc có ít khả năng sản xuất dược phẩm ". Chính sách khoan dung này tuy thế cũng kèm theo đủ thứ mọi điều kiện rắc rối.

Các thành viên khác, kể cả Liên Hiệp Châu Âu, không phấn khởi chi cả vì đề nghị này có tính cách đơn phương, cơ hội và chỉ là lời hứa. Lời hứa thì mong manh mà lời hứa của Mỹ thì lại càng khó tin. Các nước nghèo đòi hỏi phải có một cơ chế chính thức, có giá trị pháp lý bắt buộc, áp dụng trên cơ sở đa phương. Chỉ có cách ấy mới đảm bảo sự lâu dài và đứng đắn trong việc giúp họ khắc phục bệnh tật, trong tinh thần tôn trọng nhau.

Gần đây nhất, trung tuần tháng giêng, để ra khỏi bế tắc, Pascal Lamy, đại diện Liên Hiệp Châu Âu, đề nghị mời tổ chức WHO làm trọng tài, đánh giá tình hình và cho ý kiến về tình trạng y tế của nước liên can trong từng trường hợp. Ông Lamy tin rằng giải pháp ổn thoả nhất là kết hợp kinh nghiệm và chuyên môn của WHO với các cơ chế đã cải tiến của WTO.

Vấn đề hiện nay là thế. Nó sẽ còn làm các phái đoàn (và nhân viên WTO) bận rộn, nhức đầu nhiều trong các tháng tới, và chưa chắc gì đã có lời giải trước Hội nghị Cancún. Tuy thế, quá trình của sự việc cho tới nay cũng dẫn đến một số suy nghĩ.

Những thực tế đằng sau các nguyên tắc

Các công ty thuốc phân trần là họ kinh doanh thì phải dựa vào lô-gíc kinh tế, phải đảm bảo lợi nhuận cho các cổ đông, và qua đó đảm bảo sự tồn tại của công ty và công ăn việc làm của nhân viên. Vai trò " phúc lợi xã hội " của họ ở đó và chỉ là thế. Họ không phải là hội từ thiện. Nhìn từ quan điểm ấy thì quả là đúng. Tuy nhiên, nếu nhìn xa hơn nữa thì bài toán kinh tế không đơn giản như vậy.

Lãi suất hàng năm của các đại công ty thuốc Âu Mỹ rất cao. Chẳng hạn, theo các con số của thông tấn xã thương mại Hoover's cho tháng 6.2002, mức lãi gộp (*gross*) của Glaxo-SmithKline là 83,6 % và lãi ròng (*net*) là 21,7 %, trên tổng số doanh thu 8,8 tỷ đô la. Các công ty khác cũng không kém : Novartis, lãi gộp 81,6 %, lãi ròng 24,9 %, doanh thu 5,6 tỷ đô la ; Bristol-Myers-Squibb, lãi gộp 70,5 %, lãi ròng 15 %, doanh thu 4 tỷ đô la, v.v. Thời buổi này, mấy ai được như thế ! Do đó, khi các đại công ty Bristol-Myers-Squibb, Glaxo (hồi ấy còn là GlaxoWellcome), Merck và Hoffmann - La Roche tuyên bố trong tháng 5.2000 là sẽ giảm cho đến 80-90 % giá các thuốc trị AIDS cho các nước nghèo, hưởng ứng lời kêu gọi của Liên Hiệp Quốc, thì có thể đoán được là nghĩa cử ấy cũng chẳng tốn kém cho họ là bao.

Từ khi các bệnh nhân AIDS trong các nước giàu được chữa trị bằng liệu pháp ba thành tố (*tritherapy*), và dùng các thuốc kháng tiền vi-rút (*anti-retroviral drugs*) thì họ có thể sống lâu hơn và thoải mái hơn, thậm chí có thể đi làm lại và sinh hoạt tương đối bình thường. Nhưng các thuốc này rất đắt. Tại Mỹ chẳng hạn, chi phí mỗi năm cho một người khoảng từ 10 000 đến 15 000 đô la. Khi công ty Ấn Độ Cipla đề nghị bán cho MSF, với giá 350 đô la một năm, thuốc Duovir, cùng công thức với thuốc Combivir của GlaxoSmithKline (10 000 đô la một năm), thì người tiêu thụ ở châu Âu, ở Mỹ cũng phải tự hỏi là với một độ sai biệt như thế, mức lãi trên giá các thuốc bán trong các nước giàu trong thực tế khổng lồ tới đâu. Câu hỏi kế tiếp là tại sao mình cứ phải tiếp tục mua với giá cắt cổ mọi loại thuốc của Roche, của Bayer, mà không mua ngay của Ấn Độ hay Brazil. Và trong các nước Âu Mỹ, vì nhà nước là khách hàng chính của các công ty thuốc, thông qua hệ thống an sinh xã hội, lúc nào đó các chính quyền cũng có thể tự đặt ra câu hỏi này. Đấy là lý do chính tại sao các đại công ty Âu Mỹ quyết liệt ngăn chặn sự xuất hiện và phát triển của nền công nghiệp dược phẩm trong các nước bắt đầu đi lên như Ấn Độ, Brazil, Thái Lan và Ai Cập. Các đối thủ tương lai này, không những đang ti toe muốn gặm nhấm phần thị trường của họ trên thế giới mà còn có khả năng xâm nhập vào chính thị trường nội địa của họ trong các nước Âu Mỹ.

Bài toán kinh tế cũng rất rõ ràng đối với các nước sản xuất thuốc chép công thức. Không phải ngẫu nhiên mà các nước tiên phong trong lĩnh vực này, Thái Lan rồi Brazil, là các nước bị AIDS trầm trọng nhất ở thời điểm đó. Và cũng ngay từ đầu Thái Lan và Brazil đã phải đối đầu với chính quyền Mỹ, bị cho vào sổ đen, lôi ra kiện trước WTO, v.v. Nhưng túng quá thì phải liều, và liều mãi thì thành công : nhờ có thuốc rẻ nhập từ Ấn Độ và tự bào chế lấy trong nước, Brazil đã có thể chữa miễn phí cho gần 100 000 người, và so với năm 1996 đã giảm một nửa tỷ số người nhiễm HIV và chết vì AIDS, và giảm 80 % số bệnh nhân AIDS lệ thuộc vào nhà thương.

Bài toán kinh tế còn nhiều mặt khác nhưng chỉ nêu lên một điểm sau đây : ngay cả với các giá cắt cổ ấy, chi phí thuốc men trị AIDS cho một năm trong các nước giàu tương đương với thu nhập của 4 đến 6 tháng lương trung bình, và đa số các

Tạo sinh vô tính và vấn đề đạo đức

Nguyễn V. Tuấn

Những ai từng đọc truyện *Tề thiên đại thánh* đều biết đến câu chuyện Tôn Ngộ Không nhổ một cọng tóc, và từ cọng tóc hoá thành hàng trăm Tôn Ngộ Không khác với hình dạng y chang như Tôn Ngộ Không " thật ". Cố nhiên, chúng ta cho rằng câu chuyện chỉ là huyền thoại, một giả tưởng, có tính cách giải trí. Nhưng với phát triển của công nghệ sinh học ngày nay, câu chuyện trên không còn là huyền thoại nữa mà có thể thành sự thật. Trong một tương lai không xa, chúng ta có thể " sao y bản chính " chính chúng ta, bằng một kĩ thuật có tên là Biến đổi nhân của tế bào thể, còn được đề cập đến [một cách không mấy chính xác] là " tạo sinh vô tính " (hay cloning) [1].

Tạo sinh vô tính là một trong những phát triển cực kì quan trọng trong công nghệ sinh học. Lần đầu tiên trong lịch sử con người, chính con người có thể đóng vai trò của một " Thượng đế " để tạo ra chính mình. Lần đầu tiên, con người có thể được kiến tạo mà không cần đến giao hợp giữa nam và nữ, không cần đến tinh trùng của người đàn ông. Tạo sinh vô tính là một tiến bộ quan trọng cho thấy tiềm năng vĩ đại của con người. Con người đã tiến gần đến tình thế mà chúng ta có thể sản xuất, hơn là sản sinh, con người.

Quá trình và phương pháp tạo sinh vô tính bắt chước quá trình sinh sản tự nhiên trong con người, hay động vật nói chung, và dựa vào mô hình của sinh học phân tử (molecular biology). Theo mô hình này, con người được cấu trúc bằng hàng tỉ tế bào. Mỗi tế bào của cơ thể (trừ hồng cầu) đều có nhân ; trong nhân chứa các chất liệu di truyền, nhiễm sắc thể (chromosome) quyết định cấu trúc đặc tính cho mỗi cá thể. Con người có 23 đôi nhiễm sắc thể (22 đôi thường và một đôi xác định giới tính). Trong mỗi nhiễm sắc thể có nhiều gien. Mỗi gien được cấu tạo bằng một mảng DNA (viết tắt của từ DeoxyriboNucleic Acid) nằm trong các nhiễm sắc thể này. Mỗi mảng DNA gồm có bốn yếu tố hóa học (hay 4 mẫu tự) : A (adeline), C (cytosine), G (guanine), và T (thymine).

Trong quá trình sinh sản tự nhiên, sự phát triển của một con người bắt đầu bằng chỉ một tế bào. Khi một tinh trùng thụ tinh với một trứng và tạo ra một tế bào đơn, và tế bào đơn này có tiềm năng phân chia để hình thành nên một cơ thể sống hoàn chỉnh. Do đó, phương pháp tạo sinh vô tính nhại theo quá trình này, nhưng không cần đến tinh trùng. Có thể tóm lược phương pháp tạo sinh vô tính một cách ngắn gọn như sau : Bước 1, lấy một trứng của một phụ nữ, rút bỏ các chất liệu di truyền (tức là DNA hay ADN). Bây giờ cái trứng trở thành, nói như ngôn ngữ hàng ngày, một cái " hãng sản xuất " phôi. Bước 2, lấy chất liệu di truyền DNA từ một tế bào của một người khác hay của chính người phụ nữ, rồi chuyển chất liệu này vào cái trứng. Bước 3, chuyển điện vào trứng để trứng bắt đầu hoạt động, và một khi trứng hoạt động thành công, chúng ta sẽ có một phôi. Bước 4, phôi sẽ đưa vào một môi trường sinh học (chẳng hạn như cấy vào tử cung của người phụ nữ) sao cho nó phát triển thành nhiều tế bào mầm hay thành một thai hoàn chỉnh. Bước 5, nếu không muốn cho nó phát triển thành phôi thai, có thể lấy tế bào mầm (và dùng nó cho các mục tiêu trị liệu), và nếu lấy tế bào mầm thì cái phôi sẽ bị tiêu hủy.

Công nghệ sinh học và kĩ thuật thường đi trước luật pháp và đặt ra nhiều vấn đề đạo đức. Việc phát triển công nghệ tạo sinh vô tính là một ví dụ. Vào cuối tháng 12 năm 2002, một công ty sinh học ở Canada, Clonaid, có liên quan mật thiết với một giáo phái kì dị có tên là Rael, tuyên bố rằng họ đã thành công sáng tạo ra một bé gái, được đặt tên Eve, bằng kĩ thuật tạo sinh vô tính. Từ khi tin này được loan truyền đi, dư luận thế giới bàn tán một cách mê loạn, từ hoài nghi đến lên án. Chính phủ nhiều nước trên thế giới, kể cả Pháp và Mỹ, kêu gọi tẩy chay, thậm chí cấm đoán hoàn toàn kĩ thuật tạo sinh vô tính.

Phản ứng này có thể hiểu được, vì trước đây, một cuộc thăm dò ý kiến trong công chúng cho thấy phần lớn (90 %) dân Mỹ phản đối việc tạo sinh vô tính. Hai cuộc thăm dò ý kiến khác [3,4] cũng cho thấy một kết quả tương tự. Nhưng kết quả của thăm dò ý kiến thường bị ảnh hưởng bởi cách thức mà nhà nghiên cứu đặt câu hỏi. Ngoài ra, công chúng thường không có kiến thức sâu về công nghệ sinh học, nên ý kiến của họ có thể không phản ánh ý kiến " thực " của họ, và do đó, có vẻ mang nặng cảm tính hơn là phân tích khoa học.

Cloning, hay tạo sinh vô tính, là một cách nói chung cho ba hình thức kiến tạo di truyền, mà tôi tạm gọi là tái sản sinh vô tính (reproductive cloning, hay adult DNA cloning), tạo phôi vô tính (embryo cloning), và trị liệu bằng tạo sinh vô tính (therapeutic cloning, hay biomedical cloning).

Tái sản sinh vô tính, nói một cách nôm na, là phương pháp sao y bản chính một động vật đang sống. Người ta chiết DNA từ một trứng và thay thế nó bằng DNA từ một tế bào lấy từ một động vật đã trưởng thành. Sau đó, trứng thụ tinh, bây giờ gọi là tiền phôi (pre-embryo), cấy vào tử cung và cho nó phát triển thành một động vật hoàn chỉnh. Đây là phương pháp mà Tiến sĩ Ian Wilmut thuộc Viện Roslin ở Scotland đã thành công tạo ra một con cừu nổi tiếng Dolly vào năm 1997. Năm 1998, Tiến sĩ Ryuzo Yanagimachi thuộc Đại học Hawaii cũng thành công tạo ra một số chuột bằng kĩ thuật tái sản sinh vô tính. Cùng năm, ở Nhật một số nhà khoa học tạo ra một số bê cũng bằng kĩ thuật này.

Tuy nhiên, những nghiên cứu trên chưa được ứng dụng trong con người, mà chỉ được thực hiện trong các động vật cấp thấp. Đến cuối năm 1998, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Kyeonghee (Nam Hàn) tuyên bố rằng họ đã thành công trong việc tạo ra phôi con người bằng kĩ thuật tái sản sinh vô tính. Hai nhà khoa học, Kim Seung-bo và Lee Bo-yeon, lấy một trứng từ một phụ nữ 30 tuổi, họ loại bỏ DNA trong trứng, và thay vào đó một tế bào của chính người phụ nữ. Trong một báo cáo khoa học, họ cho biết họ có thể " nuôi " cho phôi đến giai đoạn mà họ có thể cấy vào tử cung của người phụ nữ để sản sinh ra một em bé. Tuy nhiên, mục tiêu của họ không phải tạo ra một con người, mà chỉ tạo ra những bộ phận của cơ thể để chữa trị. Dù thế, nghiên cứu của họ đã bị công chúng Nam Hàn phản đối dữ dội.

Cách đây vài tháng, có tin đồn rằng Bác sĩ Severino Aninori (Ý) đã thành công làm thụ thai, và sẽ cho ra đời một

em bé vào khoảng tháng Một năm 2003. Nhưng, như đã đề cập trên, cuối năm 2002, công ti Clonaid thuộc giáo phái Rael, một công ti chưa hề được biết đến trong các diễn đàn khoa học quốc tế, đã đi trước ông một bước và tuyên bố là họ đã thành công cho ra đời một em bé bằng phương pháp tái sản sinh vô tính. Sau đó vài ngày, họ tuyên bố tiếp rằng một em bé thứ hai sẽ được ra đời cũng bằng kĩ thuật tái sản sinh vô tính.

Trong thực tế tái sản sinh vô tính rất phức tạp và còn nhiều vấn đề. Nói chung hiệu quả của tái sản sinh vô tính hiện nay vẫn còn rất thấp. Tỉ lệ thành công chỉ khoảng 0.1 đến 3 %. Tức là trong 1000 lần thử nghiệm, chỉ có 30 trường hợp thành công. Trong trường hợp con cừu Dolly, các nhà khoa học phải thử nghiệm 277 lần để tế bào phân chia, và chỉ có 29 lần là họ thành công. Ngay cả khi cấy vào cừu cái, chỉ có 13 trường hợp có thai, và cuối cùng chỉ có một Dolly ra đời. Nhưng công ti Clonaid tuyên bố rằng tỉ lệ thành công của họ là 50 % ! Do đó, giới khoa học vẫn còn hoài nghi là thực sự Clonaid có khả năng kĩ thuật tái sản sinh vô tính, hay họ chỉ muốn lấy tiếng là nhóm đầu tiên tạo con người bằng kĩ thuật tái sản sinh vô tính.

Ngay cả khi thành công, một sinh vật được tạo bằng tạo sinh vô tính tuy có cùng DNA với bản chính, nhưng hoạt động của gien có thể khác với người cho DNA. Trong môi trường tự nhiên, DNA trong phôi được lập trình sao cho một số gien hoạt hoá. Khi phôi bắt đầu phân chia, chương trình hoạt động thay đổi. Mỗi tế bào, máu, da, xương, thần kinh, chương trình này hoạt động khác nhau. Trong tạo sinh vô tính, cái nhân được cấy vào trứng không có cùng chương trình hoạt động của cái phôi tự nhiên. Nhà khoa học phải huấn luyện và lập chương cho cái nhân, giống như huấn luyện con chó những mưu mẹo hàng ngày. Nếu lập chương hoàn hảo, thì quá trình phát triển sẽ bình thường. Nếu lập chương sai hay không hoàn hảo, phôi sẽ phát triển bất bình thường và có thể sẩy thai. Do đó, không ai ngạc nhiên khi thấy các động vật được sản sinh bằng phương pháp tái sản sinh vô tính có nhiều dị tật, hay bị ung thư, tiểu đường, và có tuổi thọ thấp.

Nói chung, hiện nay, giới y sinh đức và nghiên cứu khoa học xem đây là một phương pháp cực kì phi đạo đức. Ngoài ra, về mặt kĩ thuật mà nói, tế bào con người có một chu kì sống nhất định. Con cừu Dolly được tạo ra từ tế bào hơi già (khoảng 6 tuổi, tức là ở độ tuổi trung niên), thành ra, khi ra đời, Dolly được xem là 6 tuổi, và Dolly chỉ có thể sống 6 năm mà thôi, thay vì 11 năm như thông thường. Nếu điều này cũng đúng trong con người thì con người được tạo sinh bằng phương pháp tái sản sinh vô tính cũng sẽ có tuổi thọ ngắn.

Tái sản sinh vô tính chỉ cần một trứng, mà không cần đến một phái nam. Nếu phương pháp này có thể ứng dụng trong con người thì người ta sẽ không cần đến đàn ông trong tương lai, và khi đứa bé ra đời mối quan hệ tình cảm của nó với người cho DNA và gia đình sẽ không bình thường. Chẳng hạn như một đứa bé sinh ra từ một tế bào của người cha thì em bé này sẽ là em [nhỏ tuổi] của người cha ! Do đó, đạo lí xã hội và gia đình sẽ bị hỗn loạn.

Đối với giới tôn giáo tin vào Thượng đế (như Ki-tô giáo chẳng hạn), có người tin rằng con người được tạo bằng tái sản sinh vô tính sẽ không có linh hồn. Họ tin rằng khi trứng gặp tinh trùng và thụ tinh là lúc mà phần hồn cũng hình thành. Và khi không có tinh trùng, thai nhi sẽ không có linh hồn. Có điều là không ai biết linh hồn có tồn tại hay không, bởi vì linh hồn không thể thấy, sờ, ngửi, hay nghe được.

Một hình thức tạo sinh vô tính thứ hai có tên là tạo phôi vô tính. Đây là một phương pháp bắt chước theo cách tạo phôi tự nhiên trong quá trình thụ thai và sinh đôi trong con người. Một hay hai tế bào được chiết ra từ phôi đã được thụ thai, rồi cấy vào tử cung của người phụ nữ để phôi này phát triển thành một hay nhiều phôi khác có cùng chất liệu di truyền. Đây là một phương pháp đã được dùng qua nhiều năm (từ thập niên 1970) trên chuột và các động vật cấp thấp khác.

Tạo phôi vô tính có tiềm năng ứng dụng trong con người, nhưng cũng gây ra một số quan tâm. Qua nghiên cứu cách thức tạo phôi vô tính, các nhà khoa học có thể tìm hiểu sâu rộng hơn về nguyên nhân dẫn đến sẩy thai, mà cho đến nay vẫn còn là một bí mật. Ngoài ra, nó có thể dẫn đến việc phát triển các phương pháp trị liệu và phòng ngừa nạo thai. Đối với cha mẹ có những gien nguy hiểm và những gien này có thể lưu truyền trong con cái, tạo phôi vô tính có thể phòng ngừa được tình trạng này xảy ra. Người ta có thể thử nghiệm nhiều phôi khác nhau cho đến khi một phôi toàn hảo và tránh tình trạng bệnh tật cho con cái sau này.

Tạo phôi vô tính thực chất là một hình thức làm cho người phụ nữ sinh đôi. Đối với các phụ nữ thích có con sinh đôi (thay vì sinh hai lần), tạo phôi vô tính cũng có thể giúp họ trong việc tạo dựng sự nghiệp và kế hoạch hoá gia đình.

Một quan tâm hàng đầu của phương pháp này là khả năng nó lọt vào tay của những người (hay nhóm người, hay chính quyền) có những tham vọng điên rồ như thời Đức quốc xã. Đối với những nhóm người này, họ có thể dùng phương pháp tạo phôi sinh vô tính để tạo ra những con người hoàn hảo như giấc mộng của Đức quốc xã ngày xưa. Và một phương pháp tương tự cũng có thể dùng để tạo ra những con người thấp kém hơn (nhưng có thể lực mạnh mẽ) để dùng vào các mục tiêu phi nhân, phi chính khác, như nô lệ chẳng hạn.

Sau cùng là phương pháp trị liệu bằng tạo sinh vô tính. Đây là một phương pháp mà các giai đoạn đầu cũng giống như phương pháp tái sản sinh vô tính. Nhưng tế bào mầm (stem cells) được chiết ra từ một phôi với mục tiêu sản sinh ra những mô hay một cơ phận để ghép vào một bệnh nhân, chứ không để hình thành một bào thai hay một con người.

Thay vì dùng trứng của con người, các nhà khoa học cũng có thể dùng trứng của lợn (cũng có gien giống như con người). Tức là lấy trứng của một con lợn, rút DNA ra, và thay vào đó là DNA của con người, và để cho nó phát triển thành cơ phận của một con người.

Nói tóm lại, mục tiêu của tạo sinh vô tính cho trị liệu là " trồng " một cơ phận của con người để dùng cho mục đích ghép (transplant). Phương pháp này có một lợi điểm lớn là thay vì dùng cơ phận của người khác, các nhà khoa học chỉ việc dùng cơ phận của chính bệnh nhân. Nguồn cung cấp coi như vô tận, và sẽ không có vấn đề chờ đợi để được giải phẫu hay ghép. Người được ghép sẽ chẳng phải dùng thuốc miễn nhiễm (immunosuppressant drugs) suốt đời như hiện nay.

Vấn đề mấu chốt trong việc tạo sinh vô tính cho trị liệu, hay nghiên cứu tế bào mầm, là cứ mỗi tế bào được chiết ra từ túi phôi (gồm khoảng 100 tế bào) thì phôi bị tiêu hủy. Đối với Ki-tô giáo, việc tiêu hủy phôi này là phi đạo đức. Giáo hoàng John

Paul II, từng tuyên bố rằng " Một xã hội tự do và đạo đức, mà nước Mỹ thiết tha muốn có, phải từ bỏ những thói quen làm giảm phẩm cách và xâm phạm sự sống của con người trong bất cứ giai đoạn nào từ thụ thai cho đến khi qua đời ". Quan điểm này bắt nguồn từ niềm tin của Ki-tô giáo rằng sự sống của con người khởi đầu từ lúc trứng và tinh trùng liên hợp. Nói một cách khác, Ki-tô giáo công nhận quyền sống và địa vị đạo đức của trứng lúc thụ tinh. Do đó, các tu sĩ Ki-tô giáo phản đối mạnh mẽ việc nghiên cứu tế bào mầm phôi.

Nhiều thành phần trong xã hội cũng phản đối việc hủy diệt một túi phôi để lấy tế bào mầm. Họ cho rằng phôi phải được tôn trọng như một con người. Và ý kiến phản đối này còn đến từ những vị khoa bảng có tiếng tăm. Giáo sư Pellegrino, giám đốc trung tâm Y đức sinh học lâm sàng, Viện đại học Georgetown (Mỹ), tuyên bố : " Tôi phản đối bất kì mọi nghiên cứu nào mà làm huỷ hoại cấu trúc phôi người còn sống. Phôi người là thành viên của loài người tính từ khi thụ tinh, và vì vậy cần phải gắn liên với đạo đức đặc biệt. Tôi chọn điểm mốc là 14 ngày, các nghiên cứu tiến hành trên phôi người vào thời điểm trước đó thì chấp nhận được ".

Tuy nhiên các quan điểm trên đây, kể cả quan điểm của Ki-tô giáo, không giải thích tại sao một trứng thụ tinh được xem là một con người có đạo đức, cũng như không cho biết những tiêu chí nào mà Ki-tô giáo và những người phản đối [chương trình nghiên cứu tế bào mầm] dùng để định nghĩa một con người. Thành ra, câu hỏi cần được đặt ra là : sự sống con người bắt đầu từ lúc nào ? Phát biểu một cách khác : khi nào thì một sinh vật, một thực thể được xem là một con người.

Phải nói ngay rằng không có câu trả lời đơn giản cho câu hỏi này, bởi vì có nhiều khía cạnh để định nghĩa thế nào là một con người, và những khía cạnh này phát sinh trong nhiều thời điểm khác nhau. Theo chúng tôi, một thực thể chỉ là con người khi thực thể đó hội đủ những đặc tính di truyền, khả năng nhận thức, nhân dạng sinh học, và ý thức đạo đức. Dựa vào những tiêu chí này, thật khó mà cho rằng phôi là con người, và không có lí do gì để điều chỉnh cái thời điểm phát sinh con người lùi lại thời điểm thụ tinh. Một hợp tử có thể có đầy đủ các thông tin di truyền (cũng như một cọng tóc, một khối nước bọt, một giọt máu đều có thông tin di truyền), nhưng hợp tử cũng có thể tự tách rời thành hai hợp tử (sinh đôi), hay cũng có thể phát triển thành một bào thai. Chỉ khi nào một hợp tử phát triển thành bào thai thì những khía cạnh con người mới có ý nghĩa. Và ngay cả khi hợp tử có khả năng phát triển thành bào thai, có nhiều yếu tố khác trong giai đoạn thai nghén có thể ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của bào thai. Thụ tinh chỉ là một trong nhiều bước cần thiết để phát triển thành một cá nhân, một con người. Thụ tinh không phải là mốc thời điểm để định nghĩa một con người, và kết quả khởi đầu của thụ tinh không phải là một con người.

***

Như trình bày trên đây, tạo sinh vô tính không phải là một lĩnh vực đặc thù, mà gồm ba hình thức khác nhau từ kĩ thuật đến mục tiêu. Do đó, không thể nào phát biểu một cách dứt khoát là tẩy chay hay không tẩy chay, cấm đoán hay cho phép tất cả các hình thức tạo sinh vô tính, bởi vì những phương pháp này có nhiều ứng dụng khác nhau. Điều quan trọng cần phải nhận thức là tất cả các phát triển dù là kĩ thuật hay công nghệ sinh học, đều có những ích lợi, và không ít thì nhiều, tiềm năng gây ra tác hại.

Ứng dụng công nghệ tạo sinh vô tính không phải là một vấn đề lựa chọn cá nhân hay vấn đề của y học, mà là một vấn đề của xã hội vì nó ảnh hưởng đến quan hệ giữa con người trong xã hội hiện tại và trong tương lai. Do đó, những tranh luận về tạo sinh nhân tính không nên chỉ dựa vào góc độ kĩ thuật của công nghệ tái sản sinh như hiện nay, mà cần phải chuyển điểm tranh luận từ kĩ thuật, ích lợi, tác hại đến ảnh hưởng trong các thế hệ con người trong tương lai. Tất cả chúng ta không muốn có một xã hội mà trong đó việc ứng dụng công nghệ tạo sinh vô tính cho ra đời những con người như là những món hàng có thể buôn bán, và gây thêm những bất công trong xã hội. Hiện nay, chúng ta chưa đủ sáng suốt để đương đầu với tình trạng đói, nghèo, và suy thoái môi trường, chúng ta khó mà có đủ sáng suốt để đối phó với quá trình tiến hoá của chính chúng ta. Do đó, chúng tôi cho rằng xã hội có lí do để tẩy chay tái sản sinh vô tính (tức là reproductive cloning).

Nhưng tạo phôi vô tính (embryo cloning) có tiềm năng giúp đỡ những cặp vợ chồng hiếm muộn có con như họ mong ước, và do đó phương pháp này có thể chấp nhận được nếu như các phương pháp khác (như IVF) không thành công.

Những nghiên cứu liên quan đến trị liệu bằng tạo sinh vô tính (hay stem cells research) nên được khuyến khích và yểm trợ, bởi vì nó có triển vọng chữa trị những bệnh ngặt nghèo mà y học hiện đang bó tay. Có người cho rằng trị liệu bằng phương pháp tạo sinh vô tính là đóng vai trò của Thượng đế, một quyền mà con người không nên có. Nhưng nếu việc làm đó là đồng nghĩa với vai trò Thượng đế thì các thuật giải phẫu, uống thuốc trụ sinh, ghép thận, v.v. cũng là đóng vai trò Thượng đế ! Trong thực tế, nghiên cứu dùng tế bào mầm để chữa trị bệnh tật là sự mở rộng lựa chọn của con người, là mưu cầu tri thức nhằm vào mục tiêu cuối cùng là diệt khổ.

Xã hội có được những khám phá khoa học quan trọng, kể cả những phát triển trong y học, xuất phát từ lòng khao khát tri thức mới của con người, và sự sẵn sàng ứng dụng những tri thức này vào thực tế, dù lợi hại không thể đoán trước được. Một số phương pháp tạo sinh vô tính thể hiện sự mạo hiểm mới của con người trong hành trình chinh phục bệnh tật và đem lại hạnh phúc cho con người. Trong quá khứ chúng ta đã can đảm chấp nhận những công nghệ mới, và trong nhiều trường hợp những mạo hiểm này đem lại nhiều lợi ích hơn là thiệt hại cho con người. Ngày nay, chúng ta vẫn cần can đảm và lí trí để tiếp nhận công nghệ tạo sinh vô tính. Nói theo nhà triết học người Mỹ, George Santayana, phớt lờ quá khứ có thể làm cho chúng ta phạm thêm lỗi lầm, nhưng hiểu quá khứ có thể giải thoát chúng ta khỏi những u tối.

Nguyễn V. Tuấn

[1] Chữ "clone" xuất phát từ tiếng Hi Lạp, klon, có nghĩa là "sprout" (mầm) hay "twig" (nhánh con). Cloning là một phương pháp tái sản xuất, sao chép một sinh vật mà không phải qua các quá trình tái sản xuất bình thường như thụ tinh giữa trứng và tinh trùng.

[2] Whatever next ? *The Economist* 1997 March 1 ; 79-81.

[3] Time/CNN poll. 1997 March.

[4] International Food Information Council. Wirthlin group quorum survey, 1997 March 21-24.

Về lại Quảng Trị

Bức ảnh chụp một chiếc thuyền con trên dòng Thạch Hãn đoạn ngang qua Thành cổ Quảng Trị, mấy cô gái thả xuống sông những bông hoa đỏ kết thành bè nhỏ, và bốn câu thơ phía dưới :

Đò xuôi Thạch Hãn xin chèo nhẹ
Đáy sông còn đó bạn tôi nằm
Hóa tuổi 20 thành sông nước
Vỗ yên bờ bãi mãi nghìn năm

[*Chuyện kể rằng vào mùa thu một năm nào đó sau chiến tranh, một người đàn ông đến mua hết hoa ở chợ thị xã Quảng Trị và thả xuống dòng Thạch Hãn. Từ đó, hàng năm đến ngày lễ tưởng niệm chiến tranh, các mạ các chị lại đem hoa đem hương thả trên sông, cầu nguyện cho những người đã khuất.*]

Tôi đã xem nhiều bức ảnh bom đạn và hiện vật ở bảo tàng thành cổ Quảng Trị, chợt đến bức ảnh sau chiến tranh này bỗng cay cay nhạt nhòa nước mắt. Thương biết mấy những người bạn ba mươi năm trước cùng tuổi hai mươi với mình đã nằm lại khúc sông này.

[*Cuối hè 1971, có nhiều đợt tuyển quân khẩn cấp. Sinh viên các trường đại học và học sinh hết cấp 3 lũ lượt lên đường. Cuối năm 1971, nhiều sư đoàn ngoài Bắc lần lượt chuyển dần vào miền Trung. Quảng Trị là điểm nóng nhất của chiến tranh lúc này, khi mọi diễn biến ở hội nghị Paris đều phụ thuộc vào chiến trường. Tết 1972, sư đoàn 325 của tôi, vừa chuyển từ huấn luyện quân tăng cường thành sư đoàn chiến đấu, cũng vào Hà Tĩnh thay cho các sư đoàn khác vào sâu hơn.*]

Mùa hè 1972 tôi tròn hai mươi tuổi và theo sư đoàn vào chiến dịch Quảng Trị. Sư đoàn tôi tham gia bảo vệ thị xã và thành cổ từ giữa tháng 7/1972, vào giai đoạn cuối quyết liệt nhất của chiến dịch. Tiểu đội trinh sát của tôi có nhiệm vụ theo dõi các trận đánh tại thị xã và vùng ven với hai đài quan sát ở làng Nhan Biều và đầu cầu Thạch Hãn, và đi điều tra hoặc lấy tin ở các nơi cấp trên cần. Từ làng Nhan Biều trông qua bên kia sông Thạch Hãn là thị xã và thành cổ. Nhan Biều là điểm bộ đội tập kết trước khi vượt sông sang bổ sung cho các đơn vị bảo vệ thị xã, là nơi thương binh từ thành đưa về để chuyển ra tuyến sau, là nơi tiếp đạn và lương thực, ... và cũng là một túi bom và đạn pháo.

[*Chiến dịch Quảng Trị 1972 gồm hai giai đoạn. Giai đoạn một từ 30/3 đến 26/6/1972 là đợt ta đánh vỡ phòng tuyến McNamara, các cứ điểm Mai Lộc, Cồn Tiên, ... (bờ Nam sông Bến Hải), và căn cứ ái Tử (đại bản doanh sư đoàn 3), rồi đánh qua thị xã Quảng Trị đến sông Mỹ Chánh (nơi phân cách Quảng Trị và Huế). Giai đoạn hai là các trận đánh lùi dần từ bờ Bắc sông Mỹ Chánh đến thị xã Quảng Trị, và cuộc chiến đấu bảo vệ thị xã và thành cổ trong 81 ngày đêm (27/6-15/9/1972). Các trận đánh trong 81 ngày đêm này có lẽ là các trận đánh khốc liệt nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Nhiều sư đoàn của mỗi bên lần lượt hoặc cùng tham chiến (sư đoàn 304, 308, 312, 320, 324, 325, ... ngoài Bắc; sư dù, sư thủy quân lục chiến, sư đoàn 1 bộ binh, 3 liên đoàn biệt động quân, lữ đoàn 1 kỵ binh thiết giáp, ... của quân đội Sài Gòn với phần lớn hỏa lực phi pháo toàn miền Nam).*

Số liệu cho biết, thị xã bị đánh với 328 nghìn tấn bom đạn, 9552 nghìn viên đạn pháo 105mm, 55 nghìn viên đạn pháo 155 mm, 8164 viên đạn pháo 175mm, hơn 615 nghìn viên đạn hải pháo Mỹ, 2240 lần oanh tạc của không quân (tổng số bom đạn trong 81 ngày đêm bằng sức công phá của 7 quả bom nguyên tử Mỹ ném xuống Nhật bản). Có ngày số bom Mỹ ném ở Quảng Trị vượt xa số bom Mỹ ném trên toàn miền Nam trong các năm 1968-1969. Dữ dội nhất là ngày 25/7, thị xã phải chịu 5000 quả đạn pháo. Thị xã Quảng Trị với 3 km2 và vùng ven có ngày phải chịu hơn hai vạn quả đạn đại bác cỡ lớn.]

Từ cuối tháng 8/1972 các sư đoàn thủy quân lục chiến, sư dù, ... đã vây và khép dần ba mặt thành cổ. Ta giữ được thành và mặt sông sát thị xã trông qua làng Nhan Biều, và đoạn này cũng bị thu hẹp lại dần. Đêm 12/9 thương binh và tin tức từ thành không đưa về được vì đoạn sông này còn quá ngắn, pháo sáng bắn suốt đêm soi rõ từng ngọn bèo trôi trên sông, các loại pháo bắn suốt đêm chụp xuống, đập vỡ mặt sông.

Đêm 13/9, hai gã lính trinh sát chúng tôi được lệnh ngụy trang tìm cách qua sông lấy tin. Lên được bờ, chui xuống hai tầng hầm sâu, chúng tôi gặp được ban chỉ huy trung đoàn bảo vệ thị xã. Dưới hai tầng hầm sâu là những căn hầm nhỏ. Xung quanh tôi la liệt thương binh không đưa được qua sông. Đấy là đêm cuối cùng chúng tôi sang được thành, chia tay với những người lính sống chết với thành cổ. Vòng vây thu lại, đêm 14/9 không ai qua sông được. Những trận đánh còn rải rác suốt ngày và đêm 15/9. Rạng sáng 16/9, chỉ còn im ắng những ngọn khói vương vương trên thị xã nát vụn.

Các anh nằm lại với thành cổ Quảng Trị, với mảnh đất đẫm máu và trộn đầy bom đạn suốt 81 ngày đêm, nằm lại với dòng Thạch Hãn lúc lành hiền êm ả, khi nước ngập mênh mang.

Để một ngày cuối tháng 11 này của ba mươi năm sau, trên đường đi tham gia trại huấn luyện công nghệ thông tin ITBC3, tôi được về đây rưng rưng nhớ lại những ngày xưa, nhớ đến các anh, nghĩ đến tất cả những người đã ngã xuống nơi đây, những người đã hóa thân thành sông nước, thành cát trắng, thành nắng rát, thành dai dẳng mùa mưa Trị Thiên.

Vẫn lất phất mưa như ngày nào. Vẫn lặng lẽ sông Thạch Hãn ra biển như ngày nào. Chỉ cây cối đã xanh lên. Chỉ nhà mới đã mọc lên. Và ngỡ ngàng giọng Quảng Trị của mấy em nhỏ với nụ cười trên môi xưa tôi chưa từng nghe chưa từng thấy bao giờ. Thương biết bao những người đã ngã xuống. Mong biết bao những người đang sống đều biết đến, chia sẻ và xây đắp cho Quảng Trị, cho mỗi mảnh đất đã từng nhiều máu lửa trên quê hương mình.

Tháng 12, 2002
Tùng Nguyên

Những ngày chưa Tết, và " chưa chiến " *

Buổi sáng, ở tiệm cà phê ít khi ngồi. Có anh bạn rất thân mới từ xa về thăm Cali (có gì lạ không anh ?), nên vài bạn thân và không thân lắm có dịp ngồi chung bàn. Giữa những câu chuyện chắp nối, ghé mắt nhìn qua một bài bình luận thời cuộc của tờ báo tiếng Việt đặt mấp mé trên chiếc bàn bé tí.

Nhà bình luận nghiêm khắc cảnh báo, tình trạng phản chiến đang ngóc đầu dậy đây đó trên nước Mĩ. Lại vẫn cái bọn ngu tối (dù dốt hay không), rửng mỡ, bất mãn, híp-pi lỡ thời. Lại những hành động xuẩn ngốc, vô tình hay cố ý, gởi những thông điệp sai trái cho bọn khát máu, như Bin Laden, Saddam, như... về sự đoàn kết và quyết tâm của nước Mĩ. Lại làm lũng đoạn " hậu phương ", đặt sinh mạng những chiến sĩ dũng cảm và vị quốc của Mĩ vào chỗ hung hiểm. Nói gọn, nghe có mùi phản quốc đâu đó.

Chen giữa cái mùi ái quốc, cũng đâu đó. Mùa này, không khí chừng như ẩm thấp hơn.

❖

Cách nay không lâu, chị bạn tôi điện thoại hỏi " chuyện Mĩ ". Biết gì, tôi thưa nấy. Còn nhớ, tôi có than thở, dư luận nói chung hình như vẫn còn chưa ra khỏi cơn mê loạn sau 9.11, cho nên rất thiếu vắng những tiếng nói tập thể, chống lại các âm mưu lợi dụng tội ác của khủng bố để thực hiện ý đồ chiến tranh, thống trị thế giới, làm chủ tài nguyên thế giới của các tập đoàn quyền lực đương thời ở Mĩ. Nói thế, tôi vẫn mong thực tế sớm chứng minh là tôi sai. Và thực tế đang làm rõ dần rằng, tôi sai. Những nhóm quan tâm, các nhà lãnh đạo tôn giáo, các đại học,... dần dần có thái độ, lên tiếng.

Ít ra, tôi cũng còn đủ may mắn để nói được với con gái tôi về những cách phản ứng khác nhau của xã hội.

❖

Em gái tôi hỏi, anh chị đã đi xem phim ***The Quiet American*** chưa ? Chưa. Tại sao ? Vì em nghe *ra-dô* Bolsa nhắn nhủ đồng bào cần ngăn cấm con cái đi xem phim này. Kẻo chúng nó bị tuyên truyền xuyên tạc, bóp méo lịch sử. Cho nên, em nghĩ có thể phim này đáng xem. Cô này có cái lối suy nghĩ tâm-lí-nghịch kì quặc, chỉ có thể hình thành qua những nghiệm sinh kì quặc. Người Mĩ nói, *but, it works*.

Nhờ đó, vợ tôi đãi tôi đi xem phim. *Ra-dô* Bolsa cũng được việc ; một cái thúng, dù nhỏ mấy, vẫn úp (và mở) được một cái gì đó chăng ?

❖

Nói và nghĩ ngược ngạo trong thời này biết đâu lại là kiểu tư duy nghiêm chỉnh, " chính thống " ? Robert Sheer, báo *Los Angeles Times* (14-1-2003), cho biết ông Richard Perle, một cố vấn quốc phòng loại cao cấp, có nói trên BBC rằng, những thanh sát viên LHQ sẽ không có cách gì để tìm những vũ khí được phao đồn (rằng Iraq hiện có) và rằng, nếu chúng không được tìm thấy thì " sẽ có hành động quân sự " (của Hoa Kì).

Người ta sẽ không có mảy may hi vọng để chứng minh những đồn đãi là có thật, và vì không có được sự chứng minh ấy, chiến tranh sẽ xảy ra. Thật là một phí phạm để dạy trẻ con " tam đoạn luận ". Vứt chúng vào sọt rác là vừa. Cần bắt đầu từ đại học Yale.

Con chó sói từng " chứng minh " được rằng con cừu non, dù nó uống nước chỗ nào trên dòng suối, làm vẫn đục cả dòng nước. Và tội đáng chết. Đế quyền nước Mĩ giờ đây cũng lí luận đanh thép không kém. Và sỏi đá cũng (sẽ) rưng rưng cúi đầu (?).

❖

Các con tôi thường mua cho tôi chút quà nhỏ dịp lễ 25-12. Vì các cháu hiếm khi có dịp cho tôi một thứ quà gì. Năm nay, con trai tôi tặng bố quyển hồi kí ***Secrets*** của Ellsberg (xin xem bài điểm sách này, của Trần Hữu Dũng, trên DĐ số 124).

Cho đến hôm nay, tôi vẫn chưa đọc được mấy chương của quyển sách này. Đầu óc tôi vẫn còn quẩn quanh, chưa thoát ra khỏi câu hỏi : khi một " chuyên gia " thật sự nhằm vào việc ngăn chận một cuộc chiến " nguyên tử ", người chuyên gia ấy có thể chấp nhận các mức độ chiến tranh huỷ diệt đến mức nào, bất kể mọi mưu mô và ý đồ không lương thiện ? Câu hỏi hơi quái đản, nhưng – một cách nào đó – nó đã dẫn đến từ quyển sách.

Cùng lúc, do những xôn xao dư luận chung quanh, tôi tẩn mẩn đọc lại phần cuối quyển ***We Were Soldiers Once ... And Young***, ấn bản bìa mỏng đầu tiên may sao tôi vẫn còn cất giữ. Chỉ để khẳng định lại với chính mình đó là một quyển sách đáng đọc. Người lính, dù là lính với nhiều sao trên bâu áo, là những người – khi chân thật được với mình và với người – có thể nói về sự hi sinh, gian khổ, cũng như mọi thứ nghiệt ngã, không ít khi nghịch lí, của chiến tranh. Tôi không có dịp trải nghiệm những gì một người lính ngoài chiến trận có thể cảm nhận, đàng khác, do tình cờ của cuộc sống, tôi cũng không hoàn toàn xa lạ với tâm trạng người lính.

Chỉ cần ngồi với nhau, quanh li cà phê, ở hè phố Bolsa, ta có thể nghe những người lính thật sự đã đánh trận, những người bạn đồng thế hệ, nói về những mất mát, những khổ đau. Những khổ đau, bây giờ nhắc lại chỉ còn biết... cười với nhau.

Trong cái không khí sửa soạn chiến tranh quanh tôi, có dịp quay lại với những hình ảnh, cảm nghĩ và kí ức của một thời gian chiến tranh chưa xa, kể ra cũng không phải là một điều vô ích.

❖

Tôi đang mong trời Nam Cali ấm ra. Buổi sáng, trời vẫn mù sương. Tết đã kề mà cây đào sau vườn chưa ra nụ. Chỉ thấy những cành khẳng khiu, vợ tôi sốt ruột. Quí lắm, những bông hoa màu hồng tươi cho mấy ngày Tết, không thì cũng dễ quên là Tết đang về.

NGUYỄN LỘC

(01-2003)

* Xin phép mượn chữ của nhà văn Đỗ Kh.

Tản mạn về nếp chùa Việt

Nguyễn Hữu Thái

Đạo Phật vào nước ta và định hình rất sớm ở đồng bằng sông Hồng. Nếp chùa Việt truyền thống cơ bản vẫn là một ngôi nhà gỗ, được chăm chút hơn với hệ vì kèo chồng giường, giá chiên đở giàn mái lợp ngói mũi hài lớn và nặng, đầu đao cong vút. Nhưng nếp chùa vẫn khiêm tốn, ẩn mình trong một vùng cây cảnh, sông nước và hòa tan vào lòng đời, lòng người vùng đồng bằng lúa nước.

Từ ấy, nếp chùa đã trở thành một không gian tâm linh dân tộc và bộ phận cấu thành của làng xóm Việt. Cảnh chùa, dáng tháp, ao sen, tiếng mõ tiếng chuông... luôn nằm trong tâm thức của bao thế hệ con dân Việt vì cuộc sống phải bươn chải tha phương cầu thực khắp các vùng đất nước cũng như ở xứ người.

Tôi không sinh ra trên đất Bắc nhưng mỗi khi nhìn cảnh chùa vùng đồng bằng sông Hồng, lòng mình lại chùng xuống và nao nao như trở lại chốn quê nhà thật gần gũi, thân thương. Cảnh chùa, làng quê như đã ghi dấu ấn tự bao giờ trong lòng tôi.

Gây ấn tượng nhất vẫn là tổng thể cảnh quan núi hồ toàn khu Chùa Thầy nằm về phía tây thủ đô. Các nếp chùa như ẩn hiện, nhô lên khỏi mặt nước hồ, nép mình bên sườn đồi, lẫn vào trùng điệp núi đá, rừng cây.

Đó cũng là khu phức hợp chùa Bút Tháp nằm giữa lòng đồng bằng sông Hồng, bố trí trên một trục xuyên suốt từ cổng tam quan, lớp lớp trước sau nào sân vườn, hành lang, đền điện cho đến lô xô các tháp to nhỏ giữa vùng cây cảnh đồng ruộng xanh tươi.

Và cứ mỗi lần quay lại Hà Nội, tôi vẫn tìm cách ghé nhìn lại ngôi chùa Một Cột, quy mô không mấy lớn nhưng hình tượng búp sen chưa kịp nở như đã nằm sâu trong tiềm thức mọi con dân Việt, dù ở xa tận bốn phương trời.

Vào đến xứ Huế miền Trung, ngôi chùa thời Đàng Trong vẫn đơn giản như một ngôi nhà rường dân gian. Tuy vậy, ngôi chính điện đã nhẹ nhàng bớt đi, sáng sủa với cắt mái 2 tầng, gờ mái thẳng, đầu đao giản đơn, thanh thoát hơn so với ngôi chùa phía Bắc. Ngoài chính điện là công trình nổi trội, còn sân trong với thiền đường, tăng xá bao quanh, đàng sau là vườn lớn trồng hoa màu. Cây cảnh đã đổi khác với hàng chè tàu, bông bụt, cây đại Champa nhưng vẫn còn đó hồ sen ngát hương vào mùa hạ.

Khách tham quan dễ bị ấn tượng với tháp Phước Duyên chùa Thiên Mụ sừng sững nhô lên bên bờ sông Hương như một cột mốc biểu tượng không thể thiếu được của cố đô.

Vậy mà riêng tôi vẫn muốn được lắng mình trong cái u tịch, đầy chất thiền của các ngôi chùa Từ Hiếu, Tường Vân, Thuyền Tôn (trước khi được xây dựng lại bằng bê tông cốt thép bề thế), khuất lấp trong ngàn cây núi đồi. Chính những ngôi chùa này là các khoảng không gian tĩnh tại, thanh thoát, lặng lẽ góp phần làm nên nét văn hóa Đàng Trong thời các chúa Nguyễn

Cảnh quan trùng điệp núi đồi cỏ cây, bao la biển cả suốt dải đất miền Trung phải chăng đã là phông nền tuyệt vời cho nếp chùa Phật.

Ta thật khó quên những Huyền Không Động (Đà Nẵng), các nếp chùa từ Quảng Ngãi, Bình Định, Nha Trang...

Tiến vào vùng đất mới phía Nam, ngôi chùa của người di dân đã không còn được chăm chút tẩn mẩn, kiểu cách như ở Đàng Ngoài. Nếp chùa nay mộc mạc, giản dị nhưng thích nghi với điều kiện thời tiết khí hậu nắng mưa nhiệt đới. Ngôi nhà trính kiểu tứ trụ vừa mang hình ảnh ngôi nhà rường vùng Ngũ Quảng miền Trung vừa lai tạo nét chùa vùng Hoa Nam.

Vậy là một không gian tâm linh mới đã hình thành trong thực tế cuộc sống vùng sông nước Đồng bằng sông Cửu Long. Nếp chùa phải phù hợp với khí hậu phía Nam, cần thông thoáng, che chắn được nắng mưa với hàng ba rộng rãi, mái lợp ngói âm dương thô mộc. Bố cục ngôi chùa cũng giản lược đi, ít khi xây cửa tam quan, tháp không mấy lớn, mà chỉ còn lại ngôi chính điện với sân vườn trước sau, nhà tăng chúng. Các ngôi chùa như Giác lâm, Giác Viên, Phụng Sơn xuất hiện sớm nhất ở vùng đất mới Gia Định.

Ngôi chùa ở trong lòng phố thị đất chật người đông không còn cảnh quan bề thế, có khi phải thu nhỏ lại chỉ còn là một căn phố.

Ra nước ngoài, ngôi chùa trở thành một không gian tâm linh, một góc văn hóa dân tộc không thể thiếu của cộng đồng người Việt. Tuy ngôi chùa nay lọt thỏm giữa chốn phố thị hiện đại phương Tây nhưng cũng thực sự ấm áp, đầy tình người như một góc quê hương. Bóng dáng nếp chùa Việt lại xuất hiện giữa giòng sống sôi động, máy móc ở xứ người. Tùy hoàn cảnh, ngôi chùa có thể là một căn phố, một nhà xưởng cũ cải tạo lại hoặc may mắn hơn có được một mảnh vườn. Nơi đây đã biến thành một trung tâm văn hóa, một chỗ đi về với sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa và cả hội hè, dưỡng sinh, tìm về nguồn gốc dân tộc. Trang trí bên trong chính điện giản lược chỉ với pho tượng Phật và không gian còn lại dành trọn cho lễ bái, thiền định, trông giống như một ngôi chùa thiền Nhật. Vườn chùa chỉ còn là những cây kiểng đặt ngay trong nhà, thảm cỏ cây được chăm chút xanh tươi vào mùa xuân hè, rực rỡ vào mùa thu để rồi phủ lên lớp tuyết trắng lạnh vào mùa đông giá rét xứ người. Tiếng chuông chùa không còn được âm vang như ở làng quê bên nhà, nhưng tiếng chuông mõ lao xao vẫn làm cho chúng ta chốc lát hồi niệm quê hương.

Ngôi chùa Việt đã qua hàng trăm năm biến thiên, thăng trầm cùng với lịch sử dân tộc, chạy suốt theo chiều dài đất nước, lần theo bước chân vào đất phương Nam, có mặt cả ở nước ngoài.

Thời thế đã đổi thay nhiều, vậy mà cơ bản kiến trúc, trang trí, nghi lễ vẫn không thay đổi bao nhiêu. Nay bê tông cốt thép đã thay thế gỗ dựng lên nếp chùa mới, nhưng hình dáng, trang trí chùa vẫn còn mang nặng kiểu sao chép cổ. Thời chấn hưng Phật giáo những năm 1930-60, rồi đổi mới theo hướng giản dị hóa Thiền tông đã phần nào có tác dụng cách tân lối kiến trúc chùa Phật. Tuy vậy, đa phần chùa chiền hiện nay vẫn còn trang trí rườm rà, mang nặng dấu ấn cổ, kinh kệ chưa được tụng niệm bằng tiếng Việt, người Phật tử mới lẫn lớp trẻ còn cảm thấy xa lạ.

Hy vọng ngôi chùa Việt dành cho các thế hệ của các thập niên đầu thế kỷ XXI được quan niệm lại cho phù hợp với đà tiến lên của nhân dân mình đang trên đà hội nhập và toàn cầu hóa ngày nay.

Thuốc men... (tiếp theo trang 15)

thuốc được hoàn lại tiền nhờ bảo hiểm sức khoẻ. Trong các nước nghèo, hệ thống bảo hiểm sức khoẻ hoặc không có hoặc rất hạn chế, đa số bệnh nhân phải bỏ tiền túi ra và chi phí điều trị tương đương với thu nhập của khoảng 30 năm lao động.

Đấy chỉ là một trong rất nhiều bất công xoay quanh vấn đề thuốc men và các nước nghèo. Chỉ lấy thí dụ bệnh AIDS thôi cũng rõ : 95 % số người bị nhiễm HIV hiện nay sống trong các nước thế giới thứ ba, trong đó hơn 70 % tại châu Phi nhất là các nước ở phía nam sa mạc Sahara. Trên con số 42 triệu người bị AIDS trên thế giới, 29 triệu ở châu Phi. Nói đến châu Phi, người ta hay liên tưởng đến hạn hán, nạn đói, các vụ thảm sát chém giết lẫn nhau. Nhưng bệnh tật mới là tai hoạ lớn nhất. Năm 1998, trong các nước này, số người chết vì chiến tranh khoảng 200 000 và vì AIDS hơn 2 triệu. Với tỷ số trên 20 % người lớn bị nhiễm HIV và tổng số 5 triệu người bị nhiễm, Nam Phi đứng đầu thế giới về số người phải sống với bệnh AIDS.

Các hậu quả của dịch AIDS, và các bệnh hiểm nghèo khác, còn ảnh hưởng trầm trọng và lâu dài trên mọi mặt của đời sống kinh tế và xã hội, làm tiêu hao không những của cải vật chất của xã hội mà cả tài nguyên con người. Botswana, một trong nước giàu nhất châu Phi nhờ các mỏ kim cương, nhưng với tỷ số kinh khủng 39 % người lớn bị nhiễm HIV, bệnh AIDS sẽ xoá đi 20 % thu nhập ngân sách quốc gia trong 10 năm tới. Các chiến lược phát triển vĩ đại, các chương trình mở mang tốn kém, các khẩu hiệu hô hào hội nhập vào thế giới toàn cầu hoá đều vô nghĩa nếu các nước nghèo tiếp tục sa lầy trong cái vòng bệnh tật và nghèo đói. Và việc hàng triệu con người phải chết vì họ không mua nổi những thuốc men có thể sản xuất hàng loạt ở mọi nơi là điều không ai có thể thản nhiên chấp nhận hay bào chữa. Quyền được chữa bệnh, được có thuốc men là một quyền con người. Sức khoẻ, mạng sống con người không thể đặt ngang hàng với hàng hoá.

Vấn đề thuốc men và các nước nghèo là bài toán kinh tế phức tạp, xen lẫn với đủ mọi mưu toan quyền lực. Nhưng nó cũng là một sự nhức nhối cho lương tâm. Một vấn đề đạo đức.

Tháng 6.2001, Quỹ thế giới chống AIDS được thành lập sau lời kêu gọi của Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan. Để cứu vớt hàng triệu người ra khỏi hiểm hoạ AIDS, quỹ này cần phải có 10 tỷ đô la một năm. Tháng 12.2002, số tiền hứa đóng góp mới chỉ lên đến 2 tỷ đô la và số tiền thực sự đã nhận được là vỏn vẹn 560 triệu. Bằng kinh phí của Mỹ cho một vài ngày chiến tranh. Năm 2003 bắt đầu trong tiếng giày đinh, tiếng xe tăng tập trận, và những tiếng kêu gọi hoà bình. Thế giới lo lắng nhìn chính quyền Mỹ sửa soạn nướng người nướng của trong một trận chiến phiêu lưu. Với trị giá của một chiếc phản lực dùng để ném bom giết người, đốt nhà, có thể xây được bao nhiêu trạm xá, mua được bao nhiêu năm thuốc, cứu được bao nhiêu con người ?

Tháng 1.2003.

Đỗ Tuyết Khanh

Chú thích : Những thống kê và dữ liệu được lấy từ các tài liệu của các tổ chức UNAIDS, WHO, WTO, Médecins sans frontières, v.v.

Đi Lễ

truyện ngắn

Lê Minh Hà

Cơ quan tổ chức đi đền Bà Chúa Kho. Nhốn nháo suốt cả tuần lễ để ghi tên và nộp tiền xe pháo. Hạnh đăng ký hai suất vé. Bụng cũng không biết sẽ rủ ai.

*

Thằng em hơn tuổi con bà cô nhắng lên khi biết. " Tuấn. Để Tuấn đi với chị. Đi cùng cơ quan khỏi phải chạy xe một mình mất hết thì giờ vào chuyện vé vủng bến bãi ". Hạnh mừng rỡ. " Ừ đúng đấy ! Sang đó nghe nói đi một bước là hỏi vé một bước ". Lại dặn: " Dân tình cơ quan này hỏi gì cứ gật nhé ". Rồi thắc mắc : " Mà sao Tuấn hăng hái thế ? ".

Buổi sáng, hai chị em dặt dẹo mãi ở hàng phở và hàng nước, sát giờ xe chạy mới phóng tới cơ quan. Ô tô đã nổ máy ì ì. Dân tình ai đến trước ngồi trước rồi, hết cả ghế. Thằng em gửi xe máy, tỉnh bơ đưa Hạnh lên xe trước con mắt tò mò của mọi người. " Thế này ai dám bảo mình vừa bị bồ đá ". Hạnh nghĩ, cười thầm, rồi len thêm mấy bước đến sát chỗ thằng em đứng. Hai chị em nhìn nhau đồng lõa. Đầu Hạnh chỉ tới vai thằng em, lại còn ngoẹo xuống đầy vẻ tin cậy. Hạnh vừa ngửa mặt nói chuyện rủ rỉ với thằng em, vừa cúi xuống trả lời mấy chị đang yên vị trên ghế. Rất tự tin. Rất tự nhiên. Không ai có ý định xì xào với ai, chỉ xôn xao tiếng trách " Gớm cô cậu (gớm hai bạn, gớm anh chị) kềnh rềnh càng ràng ở đâu làm mọi người ngóng mãi ? ". Chốc mới có thêm một câu của cô bé mới về cơ quan làm hợp đồng : " Chị Hạnh giấu kỹ thế ! " Đôi mắt cô bé trong veo hết nhìn Hạnh, nhìn thằng em, lại nhìn sang mấy chị ngồi gần đang đãi giọng : " Chị Hạnh giấu bồ vì sợ có người mượn đấy mà ". Nghe đầy vẻ chọc ngoáy. Tự dưng Hạnh thở dài, muốn nhảy xuống xe về nhà nằm ngủ hay nghe mẹ lằn nhằn. Mẹ thì ít lâu nay chỉ có mỗi chuyện đó để lằn nhằn, rằng " tao thấy bạn con Hạnh đến chơi đứa nào cũng sấp sấp ngửa ngửa chồng chồng con con mà con Hạnh thì mãi chẳng thấy sóng thần rước đi cho ". Mẹ cứ nói quá lên vì lo lắng bực dọc, nhưng đã có lần Hạnh nghe mẹ rầm rì với bà cô, là mẹ cậu em đang đi cùng đây: " Cô xem bạn thằng Tuấn có đứa nào rấm được thì rấm cho con Hạnh. Nó phải tuổi không nên lấy chồng sớm, nhưng giờ thì cũng sắp toan về già đến nơi rồi. Con gái học thế thôi chứ học gì nhiều. Chỉ khổ ". Đã mấy lần Hạnh càu nhàu : " Người ta đau đẻ còn chờ sáng giăng, mẹ sinh con mà chẳng tính năm tốt, giờ lại kêu ca. Nhỡ có ai để ý đến con nghe mẹ than vãn thế lại tưởng con là cái nồi áp suất hỏng van trong nhà. Rồi người ta lại vênh vênh vác vác. Rồi con mẹ lại ế sưng ".Cứ đầu nghĩ lan man miệng đối đối đáp đáp mà xe đã tới ni lúc nào không biết.

*

Vừa xuống xe đã thấy mấy ông thanh niên quần bò dép tông đầy bụi ào tới " Đề nghị lái xe mua vé vào bãi đỗ ". Hạnh

phẩy tay, chọn một hàng nước đông mặt người cùng cơ quan ngồi kéo thằng em vào. Thằng em giầy ra giầy, kính ra kính, râu quai nón dậy muộn vội vội vàng vàng không kịp cạo, trông khá là trí thức thật, lại hơi bụi bụi, gọi cho Hạnh chén nước, tỉnh queo trước cái nhìn đầy vẻ kích động của mấy bà mấy cô đi cùng xe. Thằng em kỹ sư mới bị bật bãi khỏi một liên doanh mà chủ Đài Loan rút vốn đầu tư, đang dùi mài tiếp tiếng Anh và vi tính chờ cơ hội một liên doanh nào đó gọi đến xem mặt, có dạo máu làm thơ, độ này lại máu làm ăn, nhưng dỗ dành thế nào dân tình trong nhà và trong đám bạn bè cũng lắc đầu quầy quậy nhất định không chịu đầu tư. Ai cũng cười : " Đưa tiền cho cái thằng tập tễnh làm thi sỹ vay thì chờ đó mà xem nó trúng quả. Bằng thả chim khỏi lồng rồi lạch bạch chạy theo đuổi ! ". Đến đoạn này thì thằng em cáu lắm, nhưng cũng phải cười phân vân trước cái dự án làm ăn nhớn của mình.

*

Lúc còn đứng trên xe thằng em đã thì thầm với Hạnh : " Tuấn đi huy động vốn Bà Chúa Kho ". Giờ, uống xong chén nước, chàng ta lôi bà chị xềnh xệch ra chỗ bán đồ lễ và viết sớ. Ông viết sớ nhận tiền, khua tay thoắng vài thoắng trong không khí trước khi đặt bút. Nhoáng cái hai chị em đã nhận được một lá sớ nhìn khoong biết là được viết bằng chữ quốc ngữ xấu hay chữ Tàu đẹp. Cô bán đồ lễ hơi bị xinh, giọng êm như tiếng Dream đập hộp thứ thiệt, chỉ vẽ hết sức tận tình, rồi đưa ra hàng tệp đô la âm phủ, ngọt ngào: " Tốt lễ dễ van. Anh chị mua cái này được giá hơn vàng. Âm sao dương vậy. Em nghe ngoài Hà Nội giờ người ta tậu nhà tậu xe toàn dùng cái này chứ đâu còn dùng vàng phải không ạ ? ". Hạnh cầm mấy tệp, rút thêm thẻ hương. Thằng em nhặt thêm chai rượu con con như chai thuốc ho trẻ em, nhưng dán nhãn Lúa Mới đàng hoàng y như thật.

*

Đường vào đền là đường làng. Hẹp. Đông. Sơ sẩy là bị chen bật xuống rãnh lấp xấp một thứ nước khó định màu chảy từ những cái lỗ đục thẳng từ chuồng lợn các nhà ra. Đã thế sát cửa đền lại còn thòi ở đâu ra mấy bà nạ dòng, mặt mũi gân guốc, mắt nhìn như chuẩn bị bắt kẻ cắp, hoặc là chuẩn bị ăn cắp. Bà nào cũng áo cánh, băng đỏ đeo tay, không bán vé nhưng bắt nộp tiền công đức tại chỗ. Chẳng hiểu người của đoàn đội nào. Thằng em tận dụng chiều cao hơn người từ đầu gối trở xuống, phăm phăm đi tới, kéo phắt Hạnh theo. Chẳng hiểu sao càng gần tới đích Hạnh càng băn khoăn không hiểu sao mình lại đem thân vào đây.

*

Nơi đền phủ giờ mới thật. Bao nhiêu người phục vụ tận tình. Thiếu mâm thiếu đĩa bày lễ ? Xong ngay ! Người đông như kiến. Khói hương mù mịt. Mãi mới kiếm được chỗ đứng cho yên để van vái. Thằng em bao quát xung quanh xong, hạ lệnh : " Làm theo thiên hạ ! ". Rồi vẫn từ cái tầm cao ấy tăm luôn được một đứa bé cho thuê mâm đĩa đang len lỏi mời chào. Hai chị em bày đủ lệ bộ vàng hương rượu, thêm đĩa xôi và túi hoa quả Hạnh mang theo. " Thế nào nữa ? ". Hạnh hỏi. " Tuấn nói rồi mà. Làm theo thiên hạ ! Tuấn đội lễ hướng vào trong đền, chị Hạnh khấn. Rồi hoán vị. OK? Chứ chị làm sao chen vào kia được. Hương khói thế chị thở sao nổi ! ".

Khấn vái xong nhoáy cái đã không thấy thằng em đâu. Hạnh loay hoay với đống đồ lễ, không biết làm cách nào trả được mâm đĩa cho con bé đang chầu chực khách từ một chỗ nào đó trên sân đền. Một lúc mới thấy đầu thằng em lấp ló sau các mâm đồ lễ ngất ngưởng. Hạnh cáu: " Lễ bái kiểu gì thế ? Còn phải hóa vàng...' Thằng em thì thầm : 'Tuấn vừa xin tiền đài. Tối nay về kịp Tuấn sẽ tỏ tình. Thế nào bé cũng gật ! " Hạnh cười : " Tuấn bảo đi xin Bà Chúa Kho cho vay vốn cơ mà ! ". Thằng em cũng cười : " Thì tiện thể. Cũng một công xin ".

*

Chen ra vất vả ngang chen vào. Thằng em tiếc rẻ chỉ cho Hạnh : " Chị Hạnh xem kìa. Thiên hạ lễ vàng lễ tiền nhiều chưa ! Mâm nào cũng đầy ự đồ lễ. Tuấn dại quá. Đã xin Bà cho vay mà lại không dám hỏi vay nhiều ". Rồi giảng giải : " Lúc đứng ở chỗ xin tiền đài Tuấn thấy người ta bảo muốn vay bao nhiêu thì phải lễ Bà bấy nhiêu vàng mã. Chẳng hạn chị Hạnh muốn xin bà cho vay một triệu đô, chị phải lễ đúng một triệu đô âm phủ. Chị em mình lúc nãy mua có năm xấp tiền, tổng cộng có mười ngàn đô. Mà chẳng biết hàng mã có tính gian không ? ".

*

Vào quán, hai chị em gọi bánh giầy giò chả bù hôm qua ăn chay trước khi đi lễ. Vừa ăn vừa gật gù : " Ch ở đây ngon thật. Chẳng pha phách gì, mà nhìn miếng chả thật mặt chứ không màu mè điêu toa ". Rồi ngạc nhiên : Hàng ăn vẫn chất phác thế này mà sao dân ở đây làm tiền người đi lễ *kinh khủng khiếp* thế. Hạnh mua mười cái chả về cho mọi người trong nhà, rồi nhìn quanh quẩn. Nắng. Bụi. Người nhô nhốp. Chẳng có một tý gì ra vẻ ngày xuân. Thằng em cười, thì thào thông cảm : " Chị muốn sè sè nấm đất bên đường phi không ? Chỗ nào cũng người với người thế này thì quên đi. Lên xe chờ mọi người ra nốt rồi về cho sớm chợ ".

Đang gà gật trên xe thì tiếng người làm hai chị em choàng tỉnh. " Gớm hai em hạnh phúc quá. Nhưng mà chị vừa nhìn mặt hai em, thấy em gái đây sắp có hạn đấy. Đưa mười ngàn đây chị sang lời cho mà nghe ". Cái giọng eo éo xói thẳng vào đầu, lôi tuột Hạnh khỏi cơn mụ mị. " Không cần đâu. Hết hạn nọ đến hạn kia, xem làm gì cho mệt. Chị hỏi cậu này có muốn nghe thì xem cho cậu ấy ". Tuấn, dở thức dở ngủ, khoát tay : " Chạy trời không khỏi nắng. Xem xét cái gì."

*

Xe chuyển bánh lúc hai giờ chiều. Mọi người râm ran bàn tiếp về sự ghé Đền Ghềnh và Phủ Tây Hồ. Hai chị em ý nhị trả lại ghế cho những người đã chiếm chỗ từ buổi sáng. Hạnh đứng, lần này gần như là trong vòng tay thằng em, ngực áp vào thanh chắn buồng lái, nghe cậu em cúi xuống thầm thì : " Về chị Hạnh phải trả công Tuấn làm *chân gỗ* cho chị hôm nay trên cả tuyệt vời đấy nhé ! ". Hai chị em cười với nhau trước hàng dãy mắt làm ra vẻ thản nhiên. " Chị Hạnh này, mình vay Bà Chúa Kho năm nay là kiểu gì mùa lễ sang năm cũng phải sang lễ tạ không là toi đặc đấy. Dân tình bảo Bà thiêng lắm. Vay gì được nấy. Vay tiền dương mà được trả bằng tiền âm. Hay nhỉ ! Mà lúc ở đền chị Hạnh khấn gì đấy ? ".

Thằng em lắc lư người theo nhịp xe xóc, cúi sát Hạnh. Hạnh nghe rất rõ câu hỏi. Khấn gì à ? " Đủ thứ ". Hạnh thì thào. Không dám nói là lúc đó chẳng dám xin gì. Người ta đến Bà Chúa Kho để vay tiền. Vay tiền dưng trả tiền âm. Có ai đi xin vay tình. Mà có vay được thì trả bằng gì. Vay tình dương tr tình âm? Đã chắc gì trắng nợ.

LMH – 2000

Con dê chín mùi

Đặng Tiến

Bùi Giáng chăn dê, tranh *Đinh Cường*

Miền thôn dã quê tôi thường nghe câu hát ru em âu yếm và lạ lùng :

Ru em buồn ngủ buồn nghê
Con tằm chín đỏ, con dê chín mùi (muồi)
Con tằm chín đỏ để lại mà nuôi,
Con dê chín mùi làm thịt em ăn.

Lời ru thân thuộc, ngọt ngào lẫn chút huyền bí đong đưa giữa giấc trưa quạnh vắng. Ý nghĩa của nó chờn vờn trong ánh nắng, gắn bó với bóng tre, đụn rơm, đọt xoài, lá mít. Câu hát dỗ dành giấc ngủ trẻ thơ, phất phơ một ít mộng mị người lớn, là thành phần một thực thể thôn trang. Nó hồi âm cuộc sống thực tế và tâm linh. Tách rời khỏi môi trường " *một buổi trưa không biết tự thời nào* ", " *quạnh vắng bên trong một tiếng hò* " thì câu hát vô nghĩa, vô lý – trừ phi ta cố công phân tích từng hình ảnh thành biểu tượng, tách lìa ra khỏi trí tưởng đơn giản của nông thôn.

Giáo sư Bửu Cầm, tại giảng đường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, năm 1962, có đưa ra giả thuyết : đây là câu hát vọng lên từ thuyền đò :

Ru con buồn ngủ buồn nghê
Con này mới théc (ngủ) con tê dậy rồi

Lời ru chập chờn loang trên sông nước và ngọn gió vô tình đã thổi lệch đường viền của những âm hao, tạo ra những *con dê chín mùi*.

***

Năm Mùi, còn gọi là năm Vị : *Mùi*, Vị (năm, viết với bộ mộc) là hai từ đồng nghĩa, nhưng có thể xem như một từ với hai cách phát âm khác nhau : **vị** là cách đọc hán việt, **mùi** là cách đọc việt xưa (hay cổ Hán Việt có từ thời Đường). Còn mùi, vị hiểu theo nghĩa cảm xúc bằng mũi và lưỡi là hai từ khác nghĩa, nhưng cùng một gốc từ nguyên. Ngày nay, trong tiếng Hán Việt, chữ **mùi** chỉ có nghĩa niên lịch, ngày giờ, còn chữ **vị** thì nhiều nghĩa, thông dụng và kết hợp rộng rãi hơn. Ở Trung Quốc, tiếng Quảng Đông phát âm giống nhau : Quý Mùi (mei6) mùi lai (vị lai), nơi khác phát âm là Vị (wei4). Tiếng Việt nói : Ất Mùi hay Ất Vị, nhưng không nói tuổi Vị, giờ Vị.

Dê là một biểu tượng phong phú, xuất hiện lâu đời từ thời tiền sử loài người, trong đời sống vật chất và tâm linh. Sách *Lĩnh Nam Chích Quái* ở chương đầu tiên, về họ Hồng Bàng, đã kể lại rằng từ thời xa xưa ấy, người Việt trong hôn nhân, đã biết " *giết trâu dê làm đồ lễ* ". Nghĩa là con dê đã được nuôi làm gia súc và sử dụng vào việc tế lễ, nhưng không lấy gì làm bằng. Sử sách ghi lại rằng, thời Hán, 200 năm trước công nguyên, Lữ Hậu đã cấm xuất khẩu ngựa cái và dê cái sang Nam Việt để giới hạn việc chăn nuôi ở phần đất do Triệu Đà chiếm cứ.

Vào giữa thế kỷ 16, trong bài *Đào Nguyên Hành*, Phùng Khắc Khoan (1528-1613) tục gọi Trạng Bùng đã tả cảnh nông thôn Việt Nam :

Trâu bò, gà lợn, dê ngan,
Đầy lũ đầy đàn, rong thả khắp nơi.

***

Từ Đông sang Tây, biểu tượng dê phong phú và phức tạp. Từ dê đực sang dê cái hình tượng đã đổi giá. Dê cái là hình ảnh đáng kính yêu trong các huyền thoại phương Tây, là nghĩa mẫu của thần Zeus, là bóng dáng con người gian nan vượt núi trèo non đeo đuổi cuộc sống và lý tưởng ; sừng dê cái biểu tượng sức sản sinh phồn thịnh.

Ngược lại, dê đực tượng trưng cho mãnh lực và nhu cầu tính dục. Một chàng dê có thể đơn thân độc cước phục vụ cho cả đàn dê cái mà không mấy cực nhọc. Trong các xã hội xưa, đạo đức và tôn giáo tìm cách kìm hãm bản năng tính dục, thì sinh lực của chàng dê bị bêu riếu, phê phán, bị sử dụng như một thứ " dê tế thần, dê sứ giả " (bouc émissaire, scape coat) để ổn định xã hội. Trong khi đó, thịt dê vẫn được trân trọng " rượu nồng dê béo " vì được xem như có chất bổ dương. Chê cười dê, nhưng mong khoẻ như dê.

Người đàn ông hiếu dục, Tây phương gọi là Satyre, Việt Nam gọi là dê, dê xồm, dê cụ, dê được dùng làm động từ " dê gái ". Trong trò chơi đánh đề, mỗi con số đề có vẽ hình một súc vật : số 35 kèm hình con dê : do đó " băm lăm " có nghĩa là hiếu sắc. Và hình tượng dê, trong nghĩa tiêu cực, chỉ áp dụng cho đàn ông. Đàn bà thì gọi là ngựa. Nghiệm cho cùng hai con vật đều bị hàm oan. Con người cũng là hàm oan của quyền lực : các đấng thần linh, mẫu hậu, đế vương thì không ai dám nói rằng dê rằng ngựa.

Trong huyền thoại Hy Lạp con dê đực còn là hình tượng của thần Pan, thủy tổ của mục đồng, ngày xưa là kẻ chăn dê ; Pan sống trên non cao, thổi sáo làm bằng ống sậy để tưởng nhớ giọng nói của người yêu đã lẫn hồn vào lau lách. Dê còn làm hình tượng cho Dionysos, thần chủ của rượu nho, mặt nạ và sân khấu, do đó bi kịch, một thể loại văn học lớn lao của nhân loại, tiếng Hy Lạp là *tragôidia* bắt nguồn từ *tragos*, nghĩa là con dê đực. Vậy bi kịch là khúc dương ca, nói cho văn chương. Gọi là tiếng be he thì là vô lễ, nhưng không phải là vô lẽ.

Trong tín ngưỡng dân gian, con dê có mặt trong bảng tử vi phương Đông lẫn phương Tây. Trong lịch Trung Quốc, dê tượng

trưng cho năm Mùi ; trong lịch phương Tây, Dê tên là Ngư Dương sừng dê đuôi cá : *capricorne* là một trong 12 chòm sao trên hoàng đạo, ứng vào ngày đông chí ở Bắc bán cầu : ngày bắt đầu dài. Trong niềm tin dân gian, đây là điềm lành.

***

Năm bộ da dê
Bá lý Hề, năm bộ da dê
Từ chàng ra đi
Mổ con gà mái
Nồi cơm gạo đỏ
Chừ thương thì thương
Ngày nay giàu sang
Chàng quên chăng chàng

Đây là một câu hát trong bộ truyện Đông Chu Liệt Quốc. Bá Lý Hề là nho sĩ nghèo, bốn mươi tuổi phải bỏ nhà ra đi tìm công danh, có lúc phải ăn mày, cuối cùng đi giữ trâu và chăn ngựa cho vua Sở. Tần Mục Công biết tài, muốn rước về, nhưng sợ vua Sở phỗng tay trên, chỉ chuộc bằng năm bộ da dê. Bá Lý Hề về Tần, làm tể tướng, tuổi đã bảy mươi. Người vợ già lưu lạc và nghèo khó, tìm đến xin làm gia nhân, rồi thừa dịp hát bài hát nói trên, kể lại chuyện tiễn chồng ba mươi năm trước và Bá Lý Hề nghe lời hát đã nhận ra người vợ tao khang. Câu chuyện lý thú và cảm động, và chứng tỏ là trước công nguyên, việc nuôi dê đã phổ biến, da dê đã là hàng hoá thông dụng. Dĩ nhiên Đông Chu Liệt Quốc là tiểu thuyết viết sau này, nhưng cũng dựa vào tư liệu lịch sử.

Cùng thời chiến quốc (453-221 trước công nguyên) sách Trang Tử đã có kể chuyện người bán thịt dê nước Sở, có công phò vua, nhưng từ chối công khanh. Sách Liệt Tử, cùng thời, kể chuyện một con dê mất, nhiều người đi tìm, nhưng không kiếm ra vì đường đời lắm ngã rẽ.

Trong điển cố phổ biến, có chuyện vua Tấn Vũ Đế đi xe dê vào hậu cung và các cung nữ rắc lá dâu trộn muối để cho dê dừng lại. Nên Nguyễn Gia Thiều (1741-1791) trong Cung Oán Ngâm Khúc đã có câu :

Phải duyên hương lửa cùng nhau
Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào

và nhiều lần dùng chữ hán *dương xa*.

Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) không cần dùng đến điển cổ ngoại nhập, mà chỉ sử dụng thành ngữ treo đầu dê bán thịt chó :

Lận thế treo dê mang bán chó
Lập danh cỡi hạc lại đeo tiền

(*lận* nghĩa là lừa dối, trong từ gian lận, biển lận) câu thơ đồng thời chứng tỏ thành ngữ nói trên phải có từ lâu, và con dê là món hàng phổ cập.

Tuy nhiên trong dân gian, nổi tiếng nhất là chuyện Tô Vũ chăn dê. Thời Hán Vũ Đế (141-87), Tô Vũ đi sứ Hung Nô, bị vua Thuyền Vu bắt giữ, đày lên miền Bắc Hải chăn dê, hẹn khi dê đực đẻ con mới được phóng thích, và loan tin Tô Vũ đã chết. Mười chín năm sau, Hồ Hán giảng hoà, sứ nhà Hán bịa đặt chuyện vua Hán nhận được thư Tô Vũ buộc vào chân nhạn, Thuyền Vu hoảng sợ mới trả Tô Vũ. Trong cõi lưu đày, Tô Vũ đã kết bạn với một con vượn cái. Chuyện Tô Vũ, với nội dung cảm động và nhiều tình tiết éo le đã là một đề tài nghệ thuật, cho nhiều tranh tượng, và điệu hát dân gian.

***

Lê Thánh Tông (1442-1497) đã có hai bài Vịnh Tô Vũ, trong Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập :

Biển bắc xuân chầy dê chẳng nghén
Trời nam thu thẳm nhạn không thông

Phải chăng đây là lần đầu, con dê, và tên dê, xuất hiện trong văn học quốc âm, nếu quả thật là thơ Hồng Đức. Vì bài này lại thấy trong truyện nôm Tô Công phụng sứ, khuyết danh, gồm có 24 bài đường luật, tương truyền có từ thời Mạc, thế kỷ 16, nhân chuyện Lê Quang Bí đi sứ Trung Quốc, bị nhà Minh giữ lại 18 năm ở Nam Ninh, giống Tô Vũ ; truyện có những câu hay :

Hơi dê hãy ngấu manh tơi lá
Tuyết nhạn còn in cái tóc lông

Ý nhắc hoàn cảnh người chăn dê sống chung với dê, quần áo đượm mùi dê, lông tóc trắng màu lông nhạn nơi Bắc Hải.

Trong Hồng Đức Quốc Âm thi tập, còn có hình ảnh con dê độc lập, đi thẳng từ thiên nhiên vào thi ca, mà không qua điển cố văn học, trong bài Tương Phùng :

Ong già buông nọc châm hoa rữa
Dê yếu văng sừng húc dậu thưa

Nếu quả thực là tác phẩm Lê Thánh Tông, hay một người nào khác trong nhóm Tao Đàn, thì câu thơ Việt Nam, từ thế kỷ 15 đã sắc cạnh, súc tích và hiện đại. Nó sẽ tái sinh trong hai câu cuối một bài thơ được gán cho Hồ xuân Hương, đầu thế kỷ 19, Mắng học trò dốt :

Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ
Lại đây cho chị dạy làm thơ
Ong non ngứa nọc châm hoa rữa
Dê cỏn buồn sừng húc dậu thưa

Hai câu trước chỉ được phần đanh đá. Hai câu sau giàu hình tượng sắc sảo, nhưng không do Hồ xuân Hương sáng tạo ; bà có công điều chỉnh một số chữ nôm tinh vi và tinh quái. Đặc biệt câu cuối hàm súc, đa hiệu. Tách rời khỏi văn cảnh và câu chuyện mắng mỏ người khác, dê cỏn buồn sừng húc dậu thưa có thể mang ý nghĩa khác, đa mang chút âm hao u hoài, xa vắng.

***

Ta có từ " lục súc " để chỉ sáu con vật được chăn nuôi trong phạm vi gia đình nông dân : trâu, ngựa, dê, gà, heo, chó. Nhưng đây là thành ngữ Trung Quốc, có trong sách vở từ thời đầu công nguyên.

Truyện Nôm *Lục Súc Tranh Công* của ta cũng dựa theo sử sách Tàu, chứ thật ra việc nuôi dê không mấy phổ biến. Trong truyện ngụ ngôn nói trên ra đời tại Huế, vào thời nhà Nguyễn, con dê chỉ được sử dụng trong việc tế lễ :

Dê vốn thật thuộc loài tế lễ
... Để hòng khi tế thánh tế thần,
... Hễ có việc lấy dê làm trước,
Dê dâng vào người mới lạy sau.

Nhưng lịch sử, tình cờ, đã tạo hai hình ảnh dê thật đẹp trong thơ Bùi Giáng và Lê Đạt.

Cuộc kháng chiến chống Pháp đã đưa Bùi Giáng đi " *chăn dê một đoạn đời 15 năm ở núi đồi Nam Ngãi Bình Phú* ", như ông kể lại trong bài thơ *Nỗi lòng Tô Vũ* (Mưa Nguồn - 1962). Một bài thơ hay, thi vị và đằm thắm. Đàn dê trong thơ Bùi Giáng tự do nhảy múa, tha hồ *be he, bé hé, bế hế, bê hê*, tung tăng những bộ lông rực rỡ, trong chiếc vòng nhiều màu sắc do nhà thơ *thoăn thoắt bện* :

Này em Đen chiếc vòng vàng tươi lắm
Này em Vàng chiếc trắng há mờ đâu
Này em Trắng chiếc hồng càng lóng lánh
Này đây em Hoa Cà hỡi ! chiếc nâu.

Và nhà thơ bỏ công ghi chú : " Dê Hoa Cà có sắc lông lổ đổ tía hồng xem như hoa cà vậy. Đẹp vô cùng. Nhất là buổi chiều, sắc lông óng ả dưới nắng vàng – xa xa hình bóng dê rực rỡ nổi bật trên sườn núi xanh lơ. Dê Hoa Cà còn gọi là Dê Sao, vì lông lổ đổ sáng như sao... Cái lần đầu, thuở 20 tuổi trao cái vòng ngọc cho vị hôn thê mà không cảm động bằng lần đeo vòng cho dê vậy "(tr.151).

Ngẩng đầu lên nhìn anh mờ mắt lệ
Từ lần đầu vòng ngọc tuổi hai mươi
Trao người em trăm năm lời ước thệ
Đây lần đầu cảm động nhất mà thôi.

Vòng em xong, vòng anh dành riêng chiếc
Dành riêng mình – dê hỡi hiểu vì sao ?
Vì lòng anh luống âm thầm tha thiết
Gán đời mình trọn kiếp với dê Sao.

Nhìn anh đây các em Vàng Đen Trắng
Tía Hoa Cà lổ đổ thấu lòng chưa ?
Từ từ đưa chiếc vòng lên thủng thẳng
Anh từ từ đưa xuống cổ đong đưa

Và giờ đây một lời thề đã thốt
Nghìn thu sau đồi núi chứng cho ta
Cao lời ca bê hê em cùng thốt
Hòa cùng lời anh nghẹn nỗi thiết tha.

Về vẻ đẹp của một loài súc vật, và tình người với nó, tưởng trong văn học không mấy khi có những trang đằm thắm và tráng lệ như trong thơ Bùi Giáng.

Mươi năm trước, Bùi Giáng đã tự nguyện đi chăn bò, chăn dê trên rừng núi Trung Trung Bộ. Mươi năm sau, nhà thơ Lê Đạt bị khổ sai làm một việc tương tợ, trong chương trình lao động cải tạo sau vụ án Nhân văn Giai Phẩm, tại vùng đồi núi Chí Linh, Bắc Bộ, từ tháng 8-1958 đến tháng 2-1959. Phải chăng trong thời kỳ này ông đã sáng tác, hay thai nghén bài *Ông cụ chăn Dê* trong tập thơ *Bóng Chữ* (1994) mở đầu bằng chân trời mông lung :

Ông cụ mịt mù dê phía núi
Ríu rít làng và khói xóm lưng

Thơ Lê Đạt tân kỳ, đôi khi cầu kỳ, nhưng có nhiều đoạn trong sáng :

Đàn dê bỏm bẻm trăng
Mấy lũn cũn dê con
Chân tân tất trắng
Vểnh râu thang gọi
Be he ông

Bỏm bẻm trăng là một hình ảnh sáng tạo độc đáo, vừa cụ thể vừa thơ mộng, gợi hình : một khuôn mặt già hom hem, nhá bánh tráng nướng, đối lập với đám dê *lũn cũn* – mà Hồ xuân Hương gọi là "*dê cỏn*" – *chân tân tất trắng*. Từ ngữ "*tân tất*" mới mẻ, táo bạo, sang trọng. Có lúc Lê Đạt đồng hóa đàn dê với sao trời, hay "*Bóng Chữ*" lay động trên trang giấy

Đếm đi đếm lại
Một con dê trắng... hai con trắng dê
Ba con dê trắng
Dê hằng hà nghìn lẻ vỗ bạch đêm
Ơ những con A, con Bê, con Xê
Con Dê
bản trang trang trắng thảo thơm

Cũng như trong thơ Bùi Giáng, không mấy khi trong ngôn ngữ, bình thường hay văn học, con dê được trọng vọng như vậy.

Và đây là niềm tin cuộc sống, ở vũ trụ và con người, qua tiếng be he đón xuân :

Rừng động xanh
Ai đừng được xuân
Mấy dê non buồn sừng húc gió
Cẳng lên cỡn lên
Be he xuân
(tr. 58-61)

Phải đặt bài thơ vào những năm 1958-1959 gian lao của tác giả, đồng cảnh với nhiều bạn văn bạn thơ đồng hội đồng thuyền khác, mới thấy được sức sống mãnh liệt của con người qua văn học và biết trân trọng tiếng nói của văn học.

Từ con dê non ngây thơ khao khát tự do, chết vì tự do, trong truyện ngắn của Alphonse Daudet, đến hình ảnh con dê chon von trên đỉnh núi, tận cùng của *dấu thỏ đường dê, chim kêu vượn hú tứ bề núi non*, trong truyện Lục Vân Tiên, chúng ta tìm thấy một hình ảnh dê hiền lành, kham khổ, nạn nhân của phong tục, lễ nghi và bia miệng.

***

Nhân chuyện dê năm Mùi, chúng ta ôn lại một số chuyện văn học và văn hoá.

Thành ngữ và thành kiến " *dê băm lăm* " có lẽ chỉ xuất hiện trong dân gian về sau, do ảnh hưởng phương Tây. Trong văn chương truyền khẩu hay văn bản xưa chúng ta không gặp những câu xúc phạm đến dê. Ngược lại những thành ngữ như " *treo đầu dê bán thịt chó* ", hay " *kêu như dê tế đền* " tạo hình ảnh đáng thương một con vật hiền lành, vô tội, oan khuất, bị lợi dụng hay hy sinh – và từ thuở Hồng Bàng thời nảo thời nao.

Ngược lại, ngày nay chúng ta đang có những bài thơ hiện đại xuất sắc, khôi phục danh tiết cho con dê, mà chúng ta nhớ lại nhân ngày Tết Quý Mùi.

Đồng thời, lần theo " đường dê " – mà Nguyễn Trãi ngày xưa có lần gọi là " *dương trường đường hiểm khúc co que* " – chúng ta ghi dấu vài bước chân trong quá trình Thơ Quốc Âm từ buổi sơ nguyên, đến những bài thơ Việt Nam hiện đại nhất.

Đặng Tiến
Xuân Quý Mùi, 2003

Con dê của cụ Sĩ Ghềnh

CAO HUY THUẦN

Tranh Đỗ Phấn - 2003

Học trò ngày nay chắc chẳng mấy ai biết cụ Sĩ Ghềnh. Cái tên gì mà lạ tai ! Tây chẳng ra Tây, ta chẳng ra ta. Cụ Sĩ Ghềnh, cô cậu còn không biết, nói gì đến chuyện con dê của cụ. Ôi, con dê trắng mượt mà, sổng chuồng vui chân trên núi, gặp chó sói, đánh nhau với nó suốt đêm, đến gần sáng mới chịu để cho nó ăn thịt. Học trò ngày xưa đọc chuyện này gần như thuộc lòng, vì ông nhà văn ở trên cái cối xay gió kia kể chuyện hay quá. Chuyện hay đến nỗi không ai dám kể nốt chuyện cụ Sĩ Ghềnh nuôi dê. Vâng, cụ có nuôi thêm một con dê nữa sau khi con dê kia bị chó sói ăn thịt, nhưng con dê này vô danh vì, như vừa nói, chẳng có ai bạo gan viết cho nó một dòng. Giữa dê với nhau mà cũng phân biệt đối xử... Đã thế, cứ kể xem sao.

❖

Cụ Sĩ Ghềnh ngẩn ngơ mấy ngày sau khi mất dê. Sáng sớm hôm sau, khi thấy con Bạch Dương không về chuồng nữa, cụ trèo lên núi, lang thang tìm kiếm. Bất chợt cụ thấy một mảng lông trắng loang lổ máu phơ phất trên bụi gai. Cụ thở không ra hơi : " Bạch Dương ơi... Bạch Dương ơi..."

Thế mà tài tình thật, chỉ mươi ngày sau, chẳng biết từ đâu cụ kéo về nhà một con dê khác, cũng lông trắng mượt mà, cũng mắt nâu hiền hậu, cũng gót đen bóng loáng, cũng cặp sừng cong bề thế. Lại cũng ngoan ngoãn, dễ thương, thích vuốt ve, mơn trớn. Chao ôi, sao mày giống con Bạch Dương thế, tao đặt tên cho mày là Dê Tuyết nhé – cụ Sĩ Ghềnh lẩm nhẩm chuyện trò với con dê như vậy.

Khu vườn của cụ xanh um cỏ non. Vẫn với cái cọc ấy, với dây thừng ấy, cụ thả dê trong vườn sau khi cẩn thận kiểm soát từng ly từng tý cái nút dây thắt ở cổ xem đã thật chắc chưa, cái cọc đóng xuống đất có lung lay chút nào không. Con dê nghe mùi cỏ non, mũi phập phồng, nhảy thoắt một cái từ trong lòng tay cụ Sĩ Ghềnh khiến cụ suýt ngã. " Mẹ mày ! Tha hồ mà nhảy cỡn ! "

Cụ Sĩ Ghềnh hớn hở như thấy con Bạch Dương trở về. Cụ nhìn cả ngày không chán con dê tơ ve vẫy đuôi gặm cỏ no nê. Cả ngày cụ cứ " mẹ mày " âu yếm với nó : " Mẹ mày, thiên đường đấy nhé ! Đừng mơ tưởng đâu đâu, con ạ."

Cụ Sĩ Ghềnh lầm rồi ! Cỏ lúc nào cũng xanh hơn ở bên kia hàng dậu, và thiên đường luôn luôn là cái chốn ấy, chẳng phải chốn này. Từ khi con dê với không tới những ngọn cỏ đong đưa trước mũi nó vì vướng sợi dây căng thẳng nơi cổ, cỏ chung quanh cái cọc chẳng còn mùi vị gì nữa. Mũi lại phập phồng, lưỡi liếm qua liếm lại không ngừng, nó cố bứt sợi dây, vươn dài cái mõm đàng trước, cố liếm sợi xanh xanh kia, nhưng chỉ liếm được ánh nắng. Cụ Sĩ Ghềnh thấy thế giơ hai tay lên trời, tuyệt vọng : " Dê Tuyết, mày lại muốn lên núi hay sao đấy ? "

Tội nghiệp con dê, chiến đấu mãi với sợi dây, cổ nó trầy da, rướm máu. Cụ Sĩ Ghềnh không biết làm gì hơn là dỗ dành như đã dỗ dành con dê trước :

– Dê Tuyết, tao nới rộng thêm sợi dây cho mày nhé !

Con dê lắc đầu, buồn bã. Cụ lại dỗ :

– Hay là tao nới rộng hàng rào để mày rộng chân hơn nhé !

Cụ Sĩ Ghềnh lẩm cẩm rồi. Nới rộng dây hay nới rộng hàng dậu thì có khác gì nhau ? Con dê thở dài. Nó thở dài giống hệt cụ. Cụ lại thở dài giống hệt nó :

– Thế thì mày muốn gì ?

Con dê ngước mắt nâu nhìn cụ, năn nỉ :

– Cháu muốn cụ nhổ đi cái cọc cho cháu.

Cụ Sĩ Ghềnh thả bát sữa đang cầm trong tay xuống đất, sữa vung ra tung toé :

– Mày muốn tao nhổ cọc ? Nhổ cọc thì làm sao mày ở với tao ? Có cái cọc thì mới có tao có mày, không cọc thì tao hết là tao, nghĩa là mày cũng hết là mày, chính danh định phận thế quái nào được !

Con dê khẩn khoản :

– Trời sinh cụ ra, sinh cháu ra, chứ đâu có sinh cái cọc ! Cái cọc là cụ sinh ra ! Con chim đâu có cần cái cọc, vậy mà nó cứ ở hoài trên nóc nhà cụ. Núi cao kia đâu có cái cọc, vậy mà mây nào cũng tụ về đó. Hễ cụ muốn được thì cụ mất. Đừng sợ mất thì cụ được.

Cụ Sĩ Ghềnh trố mắt nhìn con dê. Con này ăn nói hay nhỉ. Mày là dê hay mày là cụ đồ non đấy ? Hay là mày đang lừa tao để kiếm đường lên núi đây ? Có cái núi nằm sẵn trong đầu lũ dê chúng mày chăng ?

Cụ ngồi bịch xuống đất, ôm cổ con dê :

– Này, Dê Tuyết, tao dời hàng dậu ra đến tận chân núi nhé !
– Không, cụ ạ.
– Tao nới rộng dây thừng xuống tận cánh đồng dưới kia nhé !
– Không, cụ ạ.
– Tao nới rộng dây thừng đến tận chân trời nhé !
– Không, cụ ạ.
– Đến tận vô tận nhé !
– Không, cụ ạ. Hễ có cái cọc thì không có vô tận. không có cái cọc thì ngay trước mắt cũng là vô tận. Cụ nhổ cái cọc thì

cháu nằm ngay đây cũng thênh thang như đang ở trong vô tận vô cùng.

Cụ Sĩ Ghềnh vỗ nhẹ mấy cái vào đầu con dê :

– Thế thì tao biết cái cọc của mày rồi. Không phải cái cọc đàng kia đâu ! Cái cọc trong đầu mày đấy ! Tao phải tìm cách đuổi cái cọc ấy ra khỏi đầu mày. Này nhé ...

Cụ đi vào nhà rồi trở ra với một phong thư trên tay.

– Này nhé, Dê Tuyết, mày là con dê suy nghĩ, cái đầu mày làm việc nhiều lắm đấy. Vậy tao cho cái đầu mày làm việc thêm nữa nhé. Suy nghĩ thì mới biết đắn đo, con ạ. Thì mới biết mày sẽ làm gì ! Đây là thư của một ông nhà văn vừa gởi cho tao từ cái cối xay gió của ông ấy. Ông ấy kể chuyện con Bạch Dương bị chó sói ăn thịt. Chó sói là kẻ thù của mày đấy, không phải cái cọc đâu. Cái cọc là bạn chí thân của mày, là kẻ che chở, bảo vệ mày. Rời khỏi cái cọc ấy à ? Ban đầu thì mê ly lắm, nhưng không có cái gì qua nhanh như hạnh phúc đâu, mày ơi. Tao đọc cho mày biết nó qua nhanh như thế nào để mày tha hồ tư tưởng, cây sậy nhé !

Cụ Sĩ Ghềnh mang kính vào, sửa gọng kính ngay ngắn trước mũi, đằng hắng mấy cái, đọc từng đoạn trong phong thư :

" *Khi con dê trắng lên đến núi, tất cả cây cối đều mừng rơn. Chưa bao giờ mấy cây thông già thấy một con dê đẹp như vậy. Vạn vật đón con dê như đón một bà hoàng nhỏ. Cây dẻ cúi mình xuống tận đất để vuốt ve nó với mấy chiếc lá ở đầu cành. Mấy cánh hoa búp vàng nở ra trước mỗi bước chân của con dê và dồn hương thơm từ đáy nhuỵ để dâng hương cho nó. Cả trái núi mở hội mừng con dê ... Và cỏ nữa, chao ôi là cỏ ! Cỏ ngập đến tận sừng ! Ngọt, bùi, thơm, sắc, trăm ngàn giống cây dại trộn lẫn nhau ! So sánh làm sao được với thứ cỏ trơn nhẵn chăm bón ngoài vườn ! Và hoa ! Hoa xanh cánh lớn, hoa tím cuống dài, cả một rừng hoa dại lên men ngây ngất... Con dê trắng say hoa lá lăn trong lá hoa, bốn vó chổng lên trời, trượt dài xuống dốc, làm tung tóe lá khô và hạt dẻ rơi... Rồi, thoắt một cái, nó xoay ngược trên bốn chân, phóng như bay, đầu đón gió, băng qua truông, qua lùm cây, tung lên mỏm đá, nhào xuống suối khe, lúc trên cao, khi dưới thấp, chỗ nào cũng có nó... Tưởng chừng cụ Sĩ Ghềnh có mười con dê trên núi...*"

Cụ liếm ngón tay, lật qua trang thư khác. Cụ đọc say sưa, vừa đọc vừa làm điệu bộ với con dê, như một kịch sĩ. Này, Dê Tuyết, mơ mộng thêm nữa nhé :

" *Con dê nhảy phóc qua nhiều suối lớn làm bọt nước tung tóe như bụi. Ướt đẫm, nó ngã mình trên phiến đá nhẵn, phơi mình dưới mặt trời. Vào giữa trưa, đang lúc tung tăng như thế, con dê bỗng thấy mình lạc giữa một bầy sơn dương đang nhai nhoc dại dòn tan. Các chàng mắt hổn đắm say ngắm cô bé lông trắng, rồi hào hoa giành nhau trao phần nho ngon nhất cho cô. Hình như một chàng sơn dương đen nhánh được may mắn lọt vào mắt nâu của nàng. Cặp tình nhân dẫn nhau lẻn vào rừng cả một hai giờ đồng hồ và nếu ai muốn biết chàng và nàng thầm thì gì với nhau thì cứ hỏi dòng suối lắm chuyện đang ẩn mình chảy róc rách dưới rêu kia ...*" Dê Tuyết, mày ngủ đấy à ?

– Không, cháu chỉ lim dim ...

– Mày đúng là dê, mới nghe đến chàng đã nhắm tít cả hai con mắt... Nhưng, tao đã nói rồi, nhanh như chớp ! Hết ngày rồi ! Gió trở lạnh, núi tím thẫm, chim về tổ, hu ! hu ! chó sói tru lên rồi ! Dê Tuyết ơi, bây giờ mày vểnh hai tai ra mà nghe cho rõ nhé. Nãy giờ tao chỉ mới mào đầu thôi.

Cụ Sĩ Ghềnh đặt những trang thư đã đọc rồi xuống cỏ, chỉ cầm trong tay trang còn lại thôi. Cụ đọc chậm rãi, như rót từng chữ vào tai con dê :

" *Con dê bỗng nghe đàng sau tiếng lá cựa mình. Nó ngoảnh lui, thấy trong bóng tối hai vành tai ngắn dựng thẳng với hai con mắt sáng quắc. Chó sói ! To tướng, ngồi thẳng trên mông không nhúc nhích, con sói nhìn chăm chăm con dê trắng bé bỏng, miệng thưởng thức trước vị ngon. Biết dê sẽ vào miệng, sói không vội vã ; nhưng khi con dê quay đầu lại, con sói cười tàn bạo :* " *Ha ! ha ! cô dê bé của cụ Sĩ Ghềnh* ", *rồi nó thè cái lưỡi đỏ dài thườn thượt liếm quanh mồm. Con Bạch Dương thấy chết đến nơi rồi. Trong giây phút, nó nghĩ : trước sau gì cũng chết, thôi nằm xuống để con sói ăn thịt cho xong. Nhưng nó lại nghĩ : không, để xem ta có cầm cự đến sáng chăng. Trấn tỉnh, nó lấy thế tự vệ, đầu cúi xuống, sừng giương ra... Con sói tiến tới, cặp sừng nhỏ của con dê lượn qua lượn lại... Nó chống cự suốt đêm như thế, thỉnh thoảng lại nhìn sao nhấp nhánh trên trời, tự nhủ :* " *Miễn rằng ta cầm cự cho đến rạng đông...*" *Trên trời, sao dần dần tắt. Con Bạch Dương đâm sừng nhiều hơn, con chó sói cắn xé nhiều hơn... Một tia sáng nhạt hiện ra ở chân trời... Tiếng một con gà khan giọng vang lên từ thôn trại.* " *Sáng rồi !* ", *con dê thầm nghĩ ; nó chỉ đợi có thế thôi để chết. Nó nằm dài trên đất, phơi bộ lông trắng mỹ miều loang lổ máu... Con chó sói dẫm lên con dê, ăn thịt.*"

Cụ Sĩ Ghềnh xếp phong thư bỏ vào túi áo, tinh ranh quan sát phản ứng của con dê. Cụ xoa tay thầm nghĩ : thế là con chó sói đã đuổi cái cọc ra khỏi đầu nó rồi. Đánh cuộc với cả cái núi, cụ đoan chắc trong đầu con dê bây giờ chỉ có cái lưỡi và hàm răng.

Cụ lại lầm to ! Không có con chó sói nào trong đầu con dê cả. Trong đầu nó bây giờ chỉ hiện ra hình ảnh linh động của con Bạch Dương khi chạy nhảy cũng như khi nằm chết. Nó nghĩ : tại sao cụ Sĩ Ghềnh bắt nó phải lựa chọn giữa cái cọc và con chó sói ? Nếu nó là con Bạch Dương, chẳng lẽ nó không có cách cư xử nào khác sao ? " Cái đầu mày suy nghĩ nhiều lắm đấy ", cụ Sĩ Ghềnh đã nói thế. Có nhiều gì đâu ! Chỉ mỗi câu hỏi ấy thôi mà trăn qua trở lại mấy ngày rồi. Con dê bỏ ăn. Vắt sữa không ra một giọt. Nó sẽ làm gì nếu nó là con Bạch Dương ? Ối, cụ Sĩ Ghềnh ơi, sống làm sao nổi với cái chữ " sẽ " mà cụ cột chặt vào đầu cháu thế này ! Cháu nằm đây mà tưởng đã lên núi trăm lần rồi ! Con Bạch Dương có nghĩ như cháu đâu. Nó làm là nó làm. Nghĩ gì là làm nấy, làm ngay. Cho nên nó nhởn nhơ. Còn cháu...

Nhìn con dê đăm chiêu, ban đầu cụ Sĩ Ghềnh tưởng nó trúng kế. Cụ nghĩ thầm : giá tao đeo cặp kính vào mũi mày thì mày thành viện sĩ thật đấy ! Nhưng sau đó thì cụ đâm lo. Nó nghĩ gì mà bỏ ăn ? So với con dê, tư tưởng của cụ vẫn còn dừng lại ở cái cọc. Cho nên cụ quyết định nhổ cọc, xây hàng rào lên cao. Trong quan hệ với dê, lịch sử sẽ ghi cụ Sĩ Ghềnh là người

tiên phong trong chính sách phóng khoáng. Nhưng tính lơ đãng của cụ đã thành chuyện cười của hàng xóm rồi : buổi trưa đó, cụ chở rau quả xuống chợ, ra đi hấp tấp thế nào quên đóng cổng vườn, và con Dê Tuyết bỗng vô tình thấy mình đứng bên kia hàng dậu.

Nó đứng tần ngần một lát, chưa biết sẽ làm gì. Sẽ làm gì giữa cái cọc và núi rừng, giữa cặp sừng và răng nhọn ? A, đứng ở giữa thì làm sao mà đi ? Đi phía nào ? Lên hay xuống, ra hay vào, trái hay phải ? Con Bạch Dương chỉ có một đường là phóng. Cái núi là bước chân của nó, nó phóng đến đâu thì đấy là cái núi của nó. Còn nó, Dê Tuyết, cái núi nó thuộc nhẵn rồi. Hoa thơm, cỏ sắc, cây dẻ cúi mình xuống vuốt ve... nó có thể đọc làu làu cả phong thư. Cả con sơn dương đen bóng sắp toan tính rủ rê nó vào rừng sâu, nó đã biết trước. Trên kia, không phải là cái núi của nó mà là cái núi của con Bạch Dương nằm lù lù trong đầu nó. Phóng lên núi có khác gì phóng vào cái đầu của nó ?

Con dê đang tần ngần bỗng mắt nó chợt bắt gặp tấm lông trắng loang lổ máu treo trên cửa ngõ. Cụ Sĩ Ghềnh cứ tưởng mình túc trí đa mưu ! Khi nãy, lúc ra đi, cụ quên đóng cửa mà lại nhớ treo bộ lông thê thảm của con Bạch Dương để tăng cường tư tưởng chính thống trong đầu con Dê Tuyết. Cụ lại lầm to ! Tay cụ có thể chạm vào lửa, nhưng xin cụ tuyệt đối tránh chạm vào tự ái, dù là tự ái của dê. Như bị ong chích vào mắt, con dê vẫy đuôi, bước tới. Nó lên núi.

Cái núi là bức thư. Nó bước đi, tai cứ nghe giọng đọc kịch của cụ Sĩ Ghềnh. Nó thấy tất cả. Chỉ không thấy núi rừng mở hội đón nó. Hoa vàng, hoa tím rung rinh ngay trước mõm nó, nhưng mỗi đoá hoa chờ nó đi qua để nở ra và dâng hương từ đáy nhuỵ thì nó không thấy. Nó cũng nằm ngửa, đưa bốn cẳng lên trời, trượt xuống dốc, nhưng lá khô, hạt dẻ bay tung toé thì có gì vui ? Nó nhảy qua suối, nhưng quên mất tính nhảy cỡn, nên rơi giữa lòng nước, suýt trôi. Cũng trên phiến đá phẳng ấy, nó nằm dài phơi lông, mặt trời vẫn mặt trời ấy, nhưng đâu là mặt trời đồng loã tham gia hết mình vào ngày hội của núi rừng ? Và cỏ... Quả thật vừa lủi trong cỏ ngập sừng vừa nhai cỏ dại ngọt sắc thú vị hơn là đứng tênh hênh gặm cỏ trơn trong vườn cụ Sĩ Ghềnh ; nhưng đang nhai như thế bỗng con Dê Tuyết nhớ đoạn con Bạch Dương đánh nhau với chó sói : " *Ồ, con dê bé bỏng, nó bé thế nhưng nó dũng mãnh lạ thường ! Hơn mười lần, vâng, tôi nói thật đấy, hơn mười lần nó đẩy lùi được con sói, con sói phải lùi để lấy sức. Trong hơn mười lần đình chiến ấy, tuy mỗi lần không lâu hơn một phút, con bé tham ăn kia còn ngoạm vội một mớ cỏ ngon, rồi nó trở lại trận chiến, miệng đầy cỏ...* " Nó đang nhai cỏ ấy, nhưng đâu phải cỏ ấy ; cỏ ấy trong miệng con Bạch Dương cũng tích cực tham gia vào ngày hội.

Con Dê Tuyết nằm dài nhìn mặt trời bắt đầu xa núi. Nó biết nhẫn đằng kia bầy sơn dương đang nhai lá nho dòn tan, nhưng đâu rồi tính động cỡn bẩm sinh trong da thịt nó ? Ngày của nó sao mà nhạt thếch. Ngày trong thư sao mà tràn đầy ! Phải chăng vì cái đầu của con Bạch Dương nằm nơi bốn cẳng, cái mũi, cái lưỡi, nên nó trở thành hoa, lá, suối, khe, trên cao, dưới thấp, mùi thơm, vị ngọt, nhai, lăn, nhảy, phóng... Vì cái đầu của nó như thế nên nó sống hết mình, ngay cả trước khi chết vẫn tham ăn thứ cỏ thân yêu của nó. Cái đầu của nó cũng là cái sừng nên nó múa, lượn, đâm, thọc, đẩy, húc... Nó sống trong chính hàm răng con chó sói. Răng sói cũng đang mở hội với nó.

Trong im vắng của buổi chiều, bỗng tiếng tù và vọng lên từ dưới xa. Đó là tù và của mục đồng lùa bò về chuồng. Cùng lúc, văng vẳng tiếng lục lạc leng keng từ khu vườn của cụ Sĩ Ghềnh, van lơn, nài nỉ, tha thiết. "Leng keng, Dê Tuyết ơi... Leng keng, Dê Tuyết à... Về đi con ơi... Về đi con à... ". Con dê lắc đầu : " Vô ích, cụ Sĩ Ghềnh ạ, cháu không về đâu, cái cọc là kẻ thù của cháu, dù có con chó sói... ". Nhưng con dê cũng không muốn bắt chước con Bạch Dương. Ngày của nó chẳng vinh quang gì để đổi lấy cái chết. Nó đã sống gì với cái núi đâu để chấp nhận chết trong răng nhọn ?

Thốt nhiên một tiếng lá cựa mình. Không cần ngoảnh lui, nó biết chó sói đã ngồi thẳng trên hai mông, sau lưng nó. Thoắt như chớp, đầu nó được quét sạch trơn, không nghĩ gì nữa. Nó phóng ! Nó chỉ còn là bốn cái cẳng. Như tên bắn, nó phóng qua bụi cao. Như tia chớp, nó nhảy qua suối rộng. Nó tung qua phải, nó phóc qua trái. Nó biến sau bụi rậm, rồi nó hiện nguyên bộ sừng ở tít đàng xa. Con chó sói đuổi theo hụt hơi, nhiều lần lạc hướng, tưởng mất hút bóng dê. Với sức chạy khiếp vía như thế, giá như con dê chạy xuống phía dưới, chắc nó đã chui tọt vào vườn cụ Sĩ Ghềnh rồi. Nhưng bốn cẳng của nó từ chối chạy xuống, cứ một hướng vọt lên, lên cao. Bây giờ, con dê đã lên gần đỉnh. Càng lên cao, bụi rậm càng thưa, dốc đá càng dựng, con dê lồ lộ phơi thân trước mõm chó sói. Cả hai đuối sức, con sói thở hồng hộc, con dê khuỵu chân. Nhưng nó đã đứng trên đỉnh núi ! Trên chóp núi ! Phía dưới, trời tối mịt, lác đác vài chấm đèn. Nhưng trên cao này, ánh sáng vẫn còn. Ráng mây hồng trên đầu như vẫn còn níu một chút nắng nhạt. Tiếc ngày, một cánh chim còn bay. Hay thật, cùng một giây phút cả, nhưng dưới kia là tối, trên này là sáng. Con dê đứng nhìn bốn phía. Trời đất lồng lộng. Gió thổi phần phật như mời nó bay theo. Đầu nó nhẹ bơn, như mây, như đang bay. Thân xác nó dường như sắp tan vào bao la. Hạnh phúc ơi, tự do ơi, nếu nó được tan biến như hơi sương trong trời đất này ! Trong cái núi này mà bây giờ đã là của nó ! Của nó, bởi vì nó đã trả lại cho dưới kia cái đầu chật ních của kẻ khác. Với cái đầu nguyên thuỷ của nó, nó cũng đã có một ngày riêng, chớp nhoáng nhưng đầy ắp. Ai dám bảo cái đầy của giọt sương khác cái đầy của biển khơi ! Vinh quang của nó tột bậc, vì nó là cái đỉnh của đỉnh núi. Ngọn núi nhờ nó mà cao thêm được bốn cái chân và một cặp sừng. Chết trong vinh quang đó có khác gì vinh quang đang mở hội đón nó ?

Nó quay đầu, giương sừng thách thức con chó sói đang sấn tới. Chưa bao giờ có chuyện con dê thắng con chó sói trong lịch sử núi rừng, nhưng nguyên tắc nào chẳng có ngoại lệ ? Thế thì, ngoại lệ là đây, mày sấn đến đi ! Trông mày cũng đã thiểu não lắm rồi, chân mày mới vấp ngã nữa... Cách ba bước, con sói nhảy chồm lên ; con dê, nhân cái nhảy vội quá đà, húc tung con sói trên bụng nó, cả hai mất đà, lăn qua bên kia triền núi dựng đứng, rơi giữa bao la. Giữa bao la...

CAO HUY THUẦN

Nhân đọc cuốn

Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam (tập I)

của Lê Mạnh Thát

NXB Thuận Hoá - 1999

(có thể đặt mua tại hiệu sách *Việt*, 146, Bd Vincent Auriol, Paris13e)

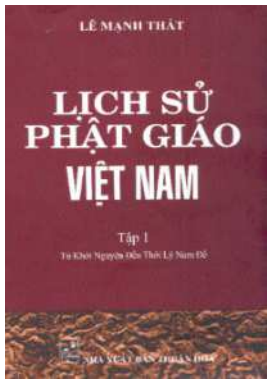

Văn Ngọc

Phật giáo Việt Nam là một bộ phận của nền văn hoá Việt Nam. Do đó, lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng nằm trong lịch sử văn hoá Việt Nam, và đương nhiên, nó là bộ phận của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Cuốn Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam của Lê Mạnh Thát (tập I), dày trên 800 trang, đi sâu nghiên cứu Phật giáo Việt Nam từ nguyên thuỷ đến thời Lý Nam đế (544), cũng là thời điểm ra đời của dòng thiền Pháp Vân. Ngoài những vấn đề thuộc về giáo lý thuần tuý và về triết lý của đạo Phật, tác phẩm đã nêu lên một loạt vấn đề cơ bản về nguồn gốc của Phật giáo Việt Nam, về niên đại xuất hiện của nó ở Giao Chỉ, và những người Phật tử Việt Nam đầu tiên ; về bản sắc và vị trí của nó đối với Phật giáo Ấn Độ và Trung Quốc, cũng như về việc nó đã góp phần " bản địa hoá " ảnh hưởng của hai nền văn hoá này vào những thế kỷ đầu công nguyên.

Nội dung tập I này của tác phẩm quả là hấp dẫn, không chỉ đối với các Phật tử, mà còn đối với tất cả những ai quan tâm đến những vấn đề lịch sử, nói chung, vấn đề nguồn gốc và niên đại, nói riêng : từ nguồn gốc chung của một cộng đồng văn hoá, đến nguồn gốc của từng lãnh vực tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật, v.v.

Với một sự hiểu biết uyên bác về Phật giáo, tác giả đã trình bày, phân tích và tổng hợp những thông tin lấy từ những nguồn tư liệu, kinh sách quí hiếm, và ông đã trình bày vấn đề một cách có hệ thống, với nhiều giả thiết táo bạo.

Tuy nhiên, những tài liệu sử sách, nhất là những tài liệu sử sách của Việt nam và của các nước láng giềng có liên quan, đều có những giới hạn nhất định : không phải nguồn tài liệu nào cũng có một độ tin cậy có thể chấp nhận được, và nhất là không mấy khi có được một nguồn tài liệu đầy đủ, thông suốt, liên tục. Nhiều mắt xích còn thiếu vắng trong chuỗi những chứng từ cho phép nêu lên dù chỉ là những giả thuyết.

Mặc dầu vậy, tôi vẫn cho rằng cuốn LSPGVN (tập I) của Lê Mạnh Thát là một đóng góp quí báu cho những bước đầu tìm hiểu Phật giáo Việt Nam một cách có hệ thống, cũng như cho việc tìm hiểu một số vấn đề của văn hoá Việt Nam và của lịch sử Việt Nam, nói chung. Là sách biên khảo, nhưng cuốn LSPGVN có một ưu điểm khá hiếm hoi, là nó vô cùng hấp dẫn, đương nhiên nhờ ở nội dung của cuốn sách, nhưng chủ yếu là nhờ ở cách trình bày sinh động của tác giả.

Với vốn hiểu biết rất giới hạn của mình, và với tư cách một độc giả bình thường, dưới đây tôi chỉ muốn nêu lên một vài nhận xét chung và một số điểm trong những vấn đề đã được tác giả trình bày, mà tôi cho rằng còn chưa đủ chứng cứ để thuyết phục.

Nhận xét thứ nhất : về mặt quan niệm chung của tác phẩm, trên 836 trang của cuốn sách, tác giả đã dành quá ít trang cho việc trình bày bối cảnh chung của xã hội Việt Nam ở mỗi thời kỳ lịch sử, để trong chừng mực nào " giải thích " những sự kiện, những biến thiên liên quan tới Phật giáo vào những thời điểm đó.

Nhận xét thứ hai : là cách đặt vấn đề của tác giả đôi khi hơi " duy ý chí ". Điều này người đọc có thể cảm nhận được khá rõ trên nhiều chương của cuốn sách, nhất là trên các vấn đề liên quan đến " danh dự Việt Nam ", từ vấn đề nguồn gốc Phật giáo Việt Nam, niên đại Phật giáo truyền vào Việt Nam, đến sự tồn tại của ngôn ngữ tiếng Việt thời Hùng Vương (bài *Việt Ca*), và việc dịch kinh thẳng từ tiếng Phạn sang tiếng Việt [?], và từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc (bởi Khương Tăng Hội), rồi đến sự cố " Sáu lá thư " và ảnh hưởng của chúng lên nền nghệ thuật tạo hình và âm nhạc của người Việt, v.v.

Đi vào cụ thể, tôi thấy có những giả thuyết mà tác giả nêu lên thiếu hẳn chứng cứ khoa học để có thể đứng vững được.

Về niên đại xuất hiện xưa nhất của Phật giáo ở Giao Chỉ, tác giả dựa vào truyện *Nhất Dạ Trạch* trong **Lĩnh Nam Trích Quái** (bản thời Trần, thế kỷ 13, hoặc bản thời Lê, thế kỷ 15), ghi việc thời Hùng Vương, có Chử Đồng Tử, được nhà sư Phật Quang, người Thiên Trúc, truyền dạy giáo lý đạo Phật tại núi Quỳnh Viên, ở phía nam cửa Sót (phía bắc Hà Tĩnh).

Truyện *Nhất Dạ Trạch* trong **Lĩnh Nam Trích Quái** viết như sau : "*... Đồng tử bèn cùng thương nhân đi buôn bán lênh đênh ra khắp nước ngoài. Có núi Quỳnh Viên trên núi có am nhỏ. Thương nhân ghé thuyền vào lấy nước. Đồng Tử lên am dạo chơi. Trong am có một tiểu tăng tên Phật Quang truyền pháp cho Đồng Tử. Đồng Tử ở lại để nghe pháp, đưa vàng cho thương nhân đi mua hàng. Đến lúc thương nhân trở về lại tới am đó chở Đồng Tử trở về nhà. Nhà sư bèn tặng cho Đồng Tử một cây gậy và cái nón, vừa bảo : " Các việc linh thông đều ở đó rồi ". Đồng Tử trở về, đem đạo Phật nói hết với Tiên Dung. Tiên Dung giác ngộ, bèn bỏ cả quán chợ nghề buôn để cùng Đồng Tử du phương tìm thầy học đạo* ". (LSPGVN, tr.19-20)

Sự kiện này, theo **Lĩnh Nam Trích Quái**, đã xảy ra vào thời " *cháu đời thứ ba của vua Hùng Vương* ", nhưng lại không ghi rõ Hùng Vương nào, đời thứ mấy, và như chúng ta biết, trong **Đại Việt sử ký toàn thư**, có ghi : triều đại Hùng Vương gồm 18 đời và trải dài trên 2622 năm, điều mà tác giả cũng cho là vô lý, nhưng lại giải thích rằng : " *Mỗi triều đại Hùng Vương có thể có nhiều đời vua cùng mang một tên hiệu, chẳng hạn như Hùng Duệ Vương thứ hai, thứ ba, v.v.* ". Rồi căn cứ vào những di tích của văn hoá Ấn Độ ở vùng Nha Trang : chiếc bia làng Võ Cảnh viết bằng chữ Phạn (thế kỷ 2 sau C.N.), tác giả suy luận ra rằng sự việc ở núi Quỳnh Viên đã có thể xảy ra ở " *thời Hùng Nghị Vương thứ nhất hoặc thứ hai, tức khoảng thế kỷ 2-3 tr.C.N.* " (LSPGVN, tr.25), vì theo ông, để cho Phạn văn trở thành một ngôn ngữ được khắc trên đá vào thế kỷ 2 sau C.N., nền văn minh Ấn Độ, chủ yếu là Phật giáo,

ắt đã phải được truyền bá tại vùng đất này trong một thời gian tối thiểu vài ba trăm năm.

Trong **Đạo giáo nguyên lưu**, viết vào năm 1845, nhà sư An Thiền, dựa vào **Lĩnh Nam Trích Quái**, lại kể như sau : " *Thời Hùng Vương, núi Quỳnh Vi, có đồng tử lên thảo am. Trong am có nhà sư tên Phật Quang. Đó là người Thiên Trúc, tuổi hơn 40, truyền pháp cho Đồng Tử một cái nón và một cây gậy, nói rằng :* " *Linh dị và thần thông ở đây cả* ". *Đồng Tử đem đạo Phật truyền cho Tiên Dung. Vợ chồng Tiên Dung bèn học đạo. Đến buổi chiều ngày trở về, giữa đường cần làm nơi tá túc, bèn dựng gậy che nón, đến canh ba thì thành quách lâu đài, màn gấm màn the, kim đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ đầy cả sân chầu...*". (LSPGVN, tr. 26).

Địa danh Quỳnh Viên, còn được ghi trong một bài thơ của Lê Thánh Tông trong **Minh lương cẩm tú** viết về 13 cửa biển của nước ta :

"*... Di miếu còn truyền nay Vũ Mục*
Danh sơn vẫn nhắc cổ Quỳnh Viên..."
(LSPGVN, tr. 14)

Tuy nhiên, từ truyền thuyết Chử Đồng Tử thời Hùng Vương đến Lĩnh Nam Trích Quái hay đến bài vịnh của vua Lê Thánh Tông, cũng đã trải qua ít ra hơn một ngàn năm rồi ! Dựa vào văn bản cổ nào, vào bằng chứng cụ thể nào mà vào thời Trần hay thời Lê, người ta đã có thể kể lại một chuyện xảy ra cách đó đã trên một ngàn năm ở núi Quỳnh Viên ?

Như vậy là ở đây còn tồn tại một nghi vấn lớn, mà chỉ có thể giải đáp được bằng những phát hiện khảo cổ học, hoặc bằng những chứng cứ khác cổ hơn, và xác thực hơn.

Tuy nhiên, qua cách trình bày của tác giả, người ta có thể nghĩ rằng, vì núi Quỳnh Viên ở về phía nam cửa Sót, mà từ cửa Sót trở về phía nam trước kia là miền đất thuộc vương quốc Chiêm Thành, nhà sư Nhật Quang có thể là người Chàm hoặc người Ấn Độ, và như vậy là rõ ràng Phật giáo đã được truyền vào nước ta trước tiên từ phía nam [Kết luận này có thể là đúng, mà cũng có thể là sai, dẫu sao,những chứng cứ mà tác giả đưa ra không đủ tính xác thực để giả thuyết có thể đứng vững - V.N.].

Mặt khác, tác giả lại dựa vào bài thơ của thiền sư Chân Nguyên (1647-1728) trong **Thiên Nam Ngữ Lục**, để làm bằng chứng cho sự tồn tại của ngôi chùa Trúc Viên ở núi Thầy, Sài Sơn, Sơn Tây, vào thời Lữ Gia, sau khi ông này bị quân của Hán Vũ đế đánh bại, tức khoảng năm 110 tr. C.N. :

"*... Non Sài tuyệt chẳng vào ra*
Thấy còn một dấu vườn là Trúc Viên
Đìu hiu ngoài cảnh thiền thiên
Thuở trưa quyên khóc, thuở đêm hạc sầu "
(LSPGVN, tr. 25)

Về niên đại nhân vật Chử Đồng Tử, tác giả căn cứ vào thời điểm xuất hiện của Phật giáo ở Ấn Độ (528-529 tr. C.N.) và thời điểm đạo Phật được truyền bá đi các nước xung quanh (247-232 tr. C.N.) dưới thời vua A Dục, khi ông vua này truyền lệnh cho các phái đoàn tăng lữ đi khắp nơi để truyền bá đạo Phật, trong đó đặc biệt có phái đoàn Sona đi về vùng Đất Vàng. Song, vùng Đất Vàng này có phải là vùng Đông Nam Á không ? Đây là một vấn đề còn đang được tranh cãi [?].

Vẫn với mục đích tìm tòi những dấu tích xưa nhất của việc Phật giáo du nhập vào nước ta, tác giả sẽ còn dẫn chứng bằng những tài liệu như **Giao châu dị vật chí** của Dương Phù (khoảng đầu thế kỷ 2 sau C.N.), hoặc **Giao châu ký** của Lưu Hân Kỳ (360-420 sau C.N.).

Trong **Giao châu dị vật chí**, có nói về chuyện hoa Uất Kim Hương như sau : " *Uất Kim đến từ nước Quyết Tân [?], người ta trồng trước để cúng Phật, vài ngày thì héo, sau đó giữ lại, màu nó vàng rộm, cùng với nhuỵ hoa phù dung và sen non tương tự, có thể dùng để ướp rượu* " (LSPGVN, tr. 28). Tác giả giải thích : nếu **Giao châu dị vật chí** của Dương Phù bảo rằng "người ta" trồng Uất Kim Hương để cúng Phật, thì "người ta" đây chính là người nước ta [!].

Trong **Giao châu ký** của Lưu Hân Kỳ có nói về thành Nê Lê (Địa Ngục) do đoàn truyền giáo của vua A Dục dựng, có quan hệ với chùa Tây Thiên (chùa Địa Ngục), vùng núi Tam Đảo. Nhưng đây cũng chỉ là một thông tin không kiểm chứng được, ngoại trừ bằng khảo cổ học, hoặc bằng những nguồn tài liệu nào khác, mà Ấn Độ hoặc Trung Quốc có thể có ?

Chung qui, niên đại cũng như sự tồn tại của Chử Đồng Tử vào thời Hùng Vương, vẫn chỉ là dựa trên truyền thuyết và những đoán định mơ hồ, đời này qua đời khác, chưa có một cơ sở khoa học nào để có thể tin cậy được.

Vấn đề ngôn ngữ Việt thời Hùng Vương cũng đã được tác giả đề cập đến như là một " tiền đề " để giải thích việc các nhà sư Giao Chỉ đã có thể dịch thẳng kinh Phật từ Phạn văn sang tiếng Việt từ khoảng những năm đầu công nguyên [!].

Bài " *Việt Ca* " được tác giả giới thiệu như một bài ca của người Việt và được ghi lại bằng " một thứ tiếng khác tiếng Trung Quốc " trong tập **Thuyết Uyển** (18-12 tr.C.N.) của Lưu Hướng, một vị quan đại phu đời Hán Thành đế. Nhưng người ta lại không được thấy cái thứ tiếng đó viết cụ thể ra sao, mà chỉ thấy các bản dịch và phiên âm sang tiếng Sở và tiếng Việt ngày nay mà thôi. Trong LSPGVN, tr. 39, tác giả viết :

"... Người Việt ôm mái chèo ca. Lời ca nói :
Lạm hề biện thảo
Lạm dư xương hộ
Trạch dư xương châu
Châu khăn châu
Yên hồ tần tư
Tư mạn dư
Hồ chiêu thiền tần dũ
Sấm thật tuỳ hà hồ
Dịch ra tiếng Sở :
Kim tịch hà tịch hề khiển trung châu lưu
Kim nhật hà nhật hề đắc dự vương tử đồng chu
Mông tu bị hảo hề bất tí cấu sĩ
Tâm cơ ngoan nhi bất tuyệt hề tri đắc vương tử
Sơn hữu mộc hề mộc hữu chi
Tâm duyệt quân hề quân bất tri
Dịch sang tiếng Việt hiện đại :
Chiều nay chiều nào hề nhổ dòng trung châu
Ngày nay ngày nào hề được cùng thuyền với vua
Được ăn mặc đẹp hề không trách nhục hổ
Lòng từng ngang mà không dứt hề biết được vương tử
Núi có cây hề cây có cành
Lòng thích vua hề vua chẳng rành "

Tác giả lại trích dẫn một đoạn văn trong **Tiền Hán Thư** để thông tin thêm về bài " *Việt Ca* " này : " *Nguyên trước Thành đô hầu Thương thường bệnh, muốn tránh nóng, theo vua, mượn cung Minh Quang, sau lại đục thành Trường An dẫn nước sông Phong đổ vào hồ lớn trong nhà mình để đi thuyền, dựng lọng lông chim, trướng màn vây khắp, chèo thuyền hát lối Việt* " (Thành đô hầu Thương, tức Vương Thương (?-14 tr.C.N.), làm đại tư mã đại tướng quân, phụ chính cho Hán Thành đế những năm 17-14 tr. C.N.). Tác giả lại còn cho rằng : " *Việc Thương lấy thuyền cho dựng lọng lông chim gợi cho ta hình ảnh các thuyền với người mặc áo mũ lông chim trên những hoa văn trống đồng Ngọc Lũ, một trống đồng có niên đại gần gũi với Vương Thương...*" (LSPGVN, tr. 41)

Lạ quá, làm sao mà hình ảnh "*dựng lọng lông chim, trướng màn vây khắp*" lại có thể gợi cho ta nghĩ đến "những người mặc áo mũ lông chim, trên trống đồng Ngọc Lũ " được nhỉ ? Và rồi, giải thích làm sao được mối quan hệ giữa Vương Thương, một vị quan đại thần nhà Hán và chiếc trống đồng Ngọc Lũ của nền văn hoá Đông Sơn ? Không kể là còn vấn đề niên đại của chiếc trống đồng Ngọc Lũ : không thể nào khẳng định rằng nó có " *niên đại gần gũi với Vương Thương* " được, vì niên đại của nó các nhà khoa học cũng chưa ước lượng được là vào thế kỷ nào trước Công Nguyên !

Tôi không có đủ hiểu biết về Phật lý để đi sâu vào phân tích những chương rất hấp dẫn mà tác giả đã dành cho sự tích **Lục Độ tập kinh**, với Khương Tăng Hội ; Khâu Đà La và Man Nương ; Mâu Tử và **Lý hoặc luận** ; sự kiện **Sáu lá thư**, và các nhân vật đã đóng những vai trò quan trọng trong sự phát triển và truyền bá Phật giáo ở đất Giao Chỉ, như : Đàm Cao, Pháp Minh, Lý Miễu, Đàm Hoằng, Huệ Lâm, Đạo Thiền, v.v.

Nhìn chung, ngoài vấn đề nguồn gốc xuất xứ và niên đại của Phật giáo Việt Nam ra, các vấn đề khác thuộc về giáo lý và kinh điển của Phật giáo đã được tác giả trình bày một cách kỹ càng, khúc chiết, với một lượng thông tin phong phú và nhiều ý tưởng mới mẻ. Tuy nhiên, ra khỏi những vấn đề thuộc về giáo lý Phật giáo thuần tuý, có một vài vấn đề thuộc lãnh vực lịch sử, và nhất là lịch sử nghệ thuật, trong đó tác giả đã có những nhận định và kết luận hơi vội vàng, đặc biệt là vấn đề nghệ thuật Phật giáo ở **Tiên Sơn**.

Nguyên Tiên Sơn là tên một ngôi chùa, mà theo tác giả, nổi tiếng ở Giao Chỉ vào thế kỷ 5. Trong **Cao tăng truyện** (khoảng 530) có ghi là nhà sư Đàm Hoằng, từ Trung Quốc sang đã đến ở ngôi chùa này. Chính ở nơi đây mà Đàm Hoằng đã tự thiêu vào năm 455, sau vụ Sáu lá thư, và đây cũng là nơi mà sau đó các vị cao tăng như Huệ Thắng và Đạo Thiền đã được giáo dục và tu dưỡng. Tuy nhiên, địa điểm đích thực của ngôi chùa này lại là cả một mớ giả thuyết, một sự đoán định còn rất mơ hồ ! Theo tác giả, thì chùa Tiên Sơn ở ngay cùng địa điểm với ngôi chùa Vạn Phúc (hay Phật Tích), mặc dầu không có bằng chứng nào cho phép khẳng định điều này.

Ta hãy nghe tác giả trình bày vấn đề như sau : " *Trên di chỉ của chùa Vạn Phúc (tức chùa Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc), dựng từ thời vua Lý Thánh Tôn, năm 1057, một số di liệu khảo cổ học đã được khai quật, trong đó có một số bệ đá với những hình chạm khắc đáng chú ý. Theo Bezacier, niên đại của ngôi chùa Vạn Phúc không lên xa quá năm 865, khi Cao Biền dựng chùa Kim Ngưu [?]... Ngày nay với sự phát hiện ra ngôi chùa Tiên Sơn [giả định qua kinh sách ?-V.N.] , chúng ta bây giờ có thể đẩy lai lịch ngôi chùa Vạn Phúc về những thế kỷ thứ 5, nếu không là sớm hơn [!!]. Vậy thì những bệ đá tìm được tại chùa Vạn Phúc có thể là những gì còn lại của ngôi chùa Tiên Sơn và phải thuộc thế kỷ 5 [?]. Coi những bệ đá ấy là của chùa Tiên Sơn và đặt nó vào thế kỷ 5 sẽ soi sáng cho ta nhiều vấn đề hiện đang phủ kín [!!!]* (LSPGVN, tr. 796) (Những dấu hỏi và chấm than trong ngoặc kép vuông góc [ ] là của người viết bài này).

Đọc đoạn văn trên người ta không khỏi kinh ngạc về cách lập luận của tác giả ! Tác giả lại còn viết : "*... Với tình trạng trí thức, tín ngưỡng cùng học thuật vừa mô tả , nhân dân ta vào thế kỷ thứ 5 đã thừa sức tạo dựng nên một nền nghệ thuật như nghệ thuật Tiên Sơn với những bệ đá tìm thấy* " [!] (LSPGVN, tr.799).

Tuy nhiên, ta cũng không cần bàn cãi dông dài về cách suy diễn có phần nào duy ý chí này của tác giả. Điều đáng bàn luận là : lấy những bệ đá chân cột của chùa Phật Tích mà niên đại là thế kỷ 10-11 gán cho chùa Tiêu Sơn giả định ở thế kỷ 5, thì quả là hơi táo bạo ! Những bệ đá chân cột này có những hình chạm khắc mà chúng ta đã biết từ trên nửa thế kỷ nay, và cho đến nay ai ai cũng đều nhất trí rằng đó là phong cách nghệ thuật thời nhà Lý, với nét vẽ, nét khắc mềm mại, với ảnh hưởng rõ rệt của nghệ thuật Chàm, từ nhịp điệu của các nhạc công, hay nhạc thần, đến hình lá bồ đề và hoa sen cách điệu hoá. Hơn nữa, mặt trên của những bệ đá chân cột này lại còn có những cánh sen chạm khắc hình **rồng** phong cách thời Lý. Nếu bảo đây không phải là nghệ thuật thời Lý thì tất cả những hình chạm khắc rồng trên các công trình thời Lý như ở chùa Bà Tấm (Hà Nội), chùa Thầy (Hà Tây), chùa Tường Long (Hải Phòng), chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh), chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (Thanh Hoá), chùa Đọi (Long Đọi sơn, Nam Hà), v.v. cũng đều không phải là nghệ thuật thời nhà Lý hay sao ?

Bệ đá chân cột chùa Vạn Phúc, được đại trùng tu dưới thời nhà Lý (thế kỷ11).

Hình chạm khắc rồng thời Lý trên bệ đá chân cột chùa Vạn Phúc (Phật Tích)

Mặt khác, khẳng định rằng đây là nghệ thuật Tiên Sơn ở thế kỷ 5, thì phải chứng minh được rằng ai đã là người chủ công trình, và ai đã thực hiện được những tác phẩm chạm khắc này ở vào một thời điểm lịch sử mà đất nước Giao Chỉ chưa có nhà nước, chưa có những điều kiện để có thể đi mời, hoặc ép buộc những nghệ nhân ở nước ngoài tới làm việc cho mình, như trường hợp vua nhà Lý đã bắt nghệ nhân từ Chiêm Thành về, mà sử sách đều có ghi chép.

Hình chạm khắc trên bệ đá chân cột chùa Vạn Phúc (Phật Tích),, Hà Bắc (cho tới nay vẫn được các giới am hiểu cho là đã được thực hiện vào thời nhà Lý, với ảnh hưởng của nghệ thuật Chàm). Hai bên là các nhạc thần. Ở giữa là hình lá bồ đề, bên trong có hình hoa sen, hình tượng ẩn dụ của Phật.

Về những đóng góp của " **Sáu lá thư** " về mặt nghệ thuật, tác giả có quá lời chăng khi nói rằng : " *Rõ ràng những lá thư ấy đóng góp không ít cho sự hiểu biết của ta về cơ sở lý thuyết nằm đằng sau những phát biểu nghệ thuật vĩ đại thần tình của nền nghệ thuật Việt Nam và Phật giáo Việt Nam tại chùa Tiên Sơn* " ? (LSPGVN, tr. 581) . Theo tôi nghĩ, việc thể hiện Phật bằng " hoa sen nằm giữa lòng lá bồ đề " là một cách ẩn dụ như nhiều cách ẩn dụ khác. Chùa Một Cột xây dưới thời vua Lý Thái Tông (1049) đã chẳng là một ẩn dụ sao ? Theo trích dẫn của chính tác giả, trong **kinh Pháp Hoa**, được Đào Thanh cho dịch sang tiếng Trung Quốc từ năm 255, có chỉ rõ : " *Đức Phật đồng nhất với xác thân nhiệm thể. Nhưng với xác thân nhiệm thể, Ngài trở thành bất khả tư nghi, vượt mọi diễn đạt tượng trưng hình ảnh, Ngài vượt lên hết mọi thứ, và mọi thứ không thể tượng trưng Ngài, nên chỉ có thể diễn đạt bằng ẩn dụ.* " (LSPGVN, tr. 580).

Nếu trong **kinh Pháp Hoa** đã có ghi rõ ràng điều ấy, và chính nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ cũng đã tuân thủ ngay từ thời xây dựng các ngôi chùa ở Sanchi không có tượng Phật (thế kỷ 3 tr.C.N. – truyền thống này mãi đến thế kỷ 1 sau C.N. mới bị bác bỏ), thì hiện tượng không thể hiện hình Phật trên bệ đá của chùa Tiên Sơn, mà niên kỷ theo tác giả đoán định là thế kỷ 5, hoặc của chùa Vạn Phúc (Phật Tích) thời nhà Lý, cũng chỉ là một sự bình thường, không có gì đáng được coi như là một sáng tạo mới mẻ, nhất là về mặt lý thuyết ! Mâu Tử, trong " **Lý hoặc luận** " (198 sau C.N.) cũng định nghĩa Phật như sau : " *Phật là nguyên tố của đạo đức, là đầu mối của thần minh. Nói Phật có nghĩa là Giác, nhanh chóng biến hoá, phân thân tán thể, hoặc còn hoặc mất, hay lớn hay nhỏ, hay tròn hay vuông, hay già hay trẻ, hay ẩn hay hiện, đạp lửa không bỏng, đi dao không đứt, (ở dơ không bẩn, gặp hoạ không mắc), muốn đi thì bay, ngồi thì phóng quay (loé sáng), nên gọi là Phật vậy.*" (Mâu Tử, **Lý hoặc luận**, điều 2) (LSPGVN, tr.121).

Về âm nhạc, tác giả cũng có xu hướng khẳng định, hoặc đưa ra những giả thuyết còn táo bạo hơn nữa ! Chỉ cần căn cứ vào bốn chữ "ca tán tụng vịnh" trong **lá thư thứ tư** của Thích Đạo Cao đáp thư của Lý Miễu (LSPGVN, tr.421), và những hình chạm khắc trên bệ đá giả định là của chùa Tiên Sơn, mà tác giả đã có thể xây dựng cả một lý thuyết về nền âm nhạc Việt Nam nói chung, và nền âm nhạc Phật giáo nói riêng ở vào những thế kỷ 5 và 6 ! Trên thực tế, câu văn trong bức thư của Đạo Cao (nếu đã được dịch một cách chính xác) không chỉ gồm có bốn chữ trên, mà nằm trong ngữ cảnh sau : " *Rằng, lấy muôn điều lành làm lời dạy thì đường đi không phải là một. Có kẻ ngồi thiền trong rừng rú, có người tu đức ở bên cạnh thành, hoặc cung kính chắp tay, hoặc ca hát tán tụng ngâm vịnh, đều là những việc tai mắt cùng biết, và người thực hành chúng cũng rất nhiều. Đó là bến bờ của sự thọ ngộ...*" (LSPGVN, tr. 421-422).

Trong chương bàn về âm nhạc (LSPGVN, tr.581-600), tác giả đã trở đi trở lại nhiều lần để chỉ trích nhà nhạc học Trần Văn Khê, chỉ vì trong cuốn " La musique vietnamienne traditionnelle ",1962, xuất bản ở Paris cách đây 40 năm, ông Khê đã viết : " *Pendant cette période obscure, aucun document ne nous permet d'avoir une idée sur la musique vietnamienne* " (" *Trong giai đoạn tối tăm mù mịt này* [của lịch sử Việt Nam, từ 119 tr.C.N. đến 939], *không có một tài liệu nào cho phép có được một ý niệm về nền âm nhạc Việt Nam* [cổ đại] "). Tôi cho rằng điều ông Khê nói, vào thời điểm ấy, không những khiêm tốn, đứng về mặt cá nhân ông, mà còn đúng với sự thật nữa !

Nghiên cứu những vấn đề lịch sử Việt Nam là một điều khó, vì điều kiện tư liệu giới hạn, các ngành liên quan trực tiếp, như khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, v.v. hãy còn bị hạn chế về phương tiện điều tra, nghiên cứu, để có thể giải đáp những nghi vấn còn tồn tại trong nhiều lãnh vực.

Do đó, một công trình nghiên cứu lịch sử đôi khi chỉ có thể đưa ra những giả thuyết. Điều đó không tổn hại gì. Đó là một cách tranh biện, trao đổi bình thường, trong tinh thần dân chủ và khoa học, nhằm mục đích tiếp cận và tìm hiểu sự thật. Điều đáng ngại không phải là những giả thuyết, mà là những thông tin không chính xác, không đủ độ tin cậy, và những lập luận, suy diễn duy ý chí.

Văn Ngọc

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA
Tel (714) 965-4651 ♦ Email : hopluu@saigonline.com
http://www.hopluu.org/

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*

♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Thơ Đỗ Quang Nghĩa

Giếng Ngọc

* Giếng Ngọc I

Mỵ Châu thả những chiếc lông ngỗng
nàng còn biết gì trong cơn bấn loạn ấy ?

Lông ngỗng làm sao đánh dấu được đoạn đường.

Tất cả những chiếc lông ngỗng đều bay lên trời
khi lưỡi gươm kia hạ xuống.

Trọng Thuỷ không bao giờ trở lại Âu Lạc,
nhiệm vụ hoàn thành.

* Giếng Ngọc II

Trọng Thuỷ trở lại Âu Lạc trong một ngày mưa
vua cha sẽ trao chàng cai quản xứ sở này
những chiếc lông ngỗng bết lại, ướt đẫm
chàng biết Mỵ Châu không còn.

Những đêm sao đầy trời
giếng Ngọc vọng trầm tiếng máu
nước mắt hai hàng
Mỵ Châu ở đâu?
Chàng biết Mỵ Châu đang chờ.

Đàn ngỗng trời khào lên tiếng đáp
tất cả đã hết rồi.

* Giếng Ngọc III

Mỵ Châu không chết
An Dương Vương tự thấy lỗi ở mình
gươm báu cốt dùng khi tự sát.

Rùa thần mang chiếc xác còn ấm đi vào đại dương.

Quá khứ không còn, cuộc đời sang trang
Trọng Thuỷ tìm thấy Mỵ Châu một ngày sau đó
hai người sinh rất nhiều con
họ trở thành thuỷ tổ một dân tộc bán khai.

* Giếng Ngọc IV

Trọng Thuỷ không bao giờ quên một lần
Mỵ Châu gọi chàng là chim Lạc.
Chàng những muốn cưỡng lại mệnh cha
muộn rồi
bí mật của nỏ thần đã được gửi đi.

Ba ngày sau thì Mỵ Châu chết
suốt một vùng cỏ lụi, trái mùa.

* Giếng Ngọc V

Mỵ Châu biết Trọng Thuỷ muốn gì
cha nàng bảo " *tương kế tựu kế* "
Mỵ Châu giữ mình được ba năm.

Đêm hạ rằm
Mỵ Châu lả vào lòng chàng
khi xem đôi hạc múa trên bãi cát sông Hồng
huyền thoại đã không ra đời nếu không có những ngọn
gió khởi từ dòng sông mẹ.
Mỵ Châu hiến mình cho chàng,
biết rằng lơ lửng trên cao là cái chết.

Tình yêu.

* Giếng Ngọc VI

Khi gươm thần hạ xuống An Dương Vương nhận ra
mình lầm
ý nghĩ ấy vụt hiện cùng vệt loé sáng của lưỡi gươm
dưới ánh chiều tà
ông theo rùa thần như chiếc bóng
tại sao đến tận cuối đời ông vẫn nghe theo lời kẻ khác
thành bại lẽ nào chỉ bởi một nguyên do.

Đột nhiên ông kinh hãi rùa thần
ngọn lửa nghi ngờ âm ỉ cháy.

Tóc trắng khuất dần dưới biển xanh.

* Giếng Ngọc VII

Gươm thần nằm 10 năm trên đất
đấy là 10 năm thanh bình
Âu Lạc tưng bừng như một đoá sen.

Từng chứng kiến tuổi trăng tròn của Mỵ Châu
- đêm nàng hiến thân cho chồng -
gươm thần thấy phận mình như que củi.

Ngày hôm sau,
ánh hào quang toả ra từ người đàn bà Âu Lạc đẹp hơn
tất cả những gì gươm thần đã thấy
trong cuộc đời vĩnh cửu của mình
thoáng u ẩn trong mắt nàng nhưng gươm thần không để ý.

Cho đến ngày phán xử cuối cùng.

* Giếng Ngọc VIII

Rùa thần chứng kiến tấn bi kịch Âu Lạc bằng con mắt
của rùa
con mắt được ghép bởi những thể thuỷ tinh có mặt cắt
ngũ giác
với rùa không có người Âu Lạc đẹp nhất
cha con Mỵ Châu là hai hình nhân.
Như thế mới thành thần, dù trên trời, dù dưới bể
các thần chỉ có một giải pháp cho mọi sự.

Dưới đáy biển
đám ngọc trai vụng về hớp những giọt li ti
- máu của Mỵ Châu không tan mà phân ra trong nước
như những viên thuỷ ngân đỏ thắm -
nhưng điều đó không can hệ đến thần.

Ba năm sau Âu Lạc coi Triệu Đà là vị vua của mình.

LÊ THÀNH KHÔI

đọc quyển *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*

của TRẦN NGỌC THÊM

Chương 2 (*) tìm hiểu những giá trị văn hoá nhận thức, nghĩa là những triết lí giải thích bản chất của vũ trụ, cấu trúc không gian và thời gian. Theo Trần Ngọc Thêm (TNT), *âm dương ngũ hành* có nguồn gốc ở phương Nam, *bát quái* thì nguồn gốc phương Bắc, tuy người Hán (TNT dùng chữ " Hoa tộc " không đúng) " đã có công rất lớn trong việc tổng hợp tri thức rồi hệ thống hoá và phát triển chúng " (tr.98).

Lập luận của TNT không thuyết phục tôi vì những lẽ sau này :

Lẽ thứ nhất rất đơn giản là không thể khái niệm hoá nếu không có chữ viết. Một vật cụ thể ai cũng nhận được không cần phải nghĩ xa xôi. Từ thượng cổ *ở đâu* cũng biết phân biệt nam nữ ngày đêm vì đó là tự nhiên thôi (trời sáng trời tối). Ngày đêm, sáng tối đưa đến đen trắng : ngôn ngữ nào cũng có tối thiểu là 2 màu đen và trắng (TNT dẫn khảo sát của Berlin và Kay, tr. 135). Đó cũng là nghĩa đầu của âm và dương : *âm* là sườn núi tối (mặt trăng), *dương* là sườn núi sáng (mặt trời). Nếu nói " gốc " thì âm dương là nhận thức của mọi người chứ không phải của riêng Đông Nam Á hay Tây Bắc Á.

âm

dương

(chữ Hán giản thể)

Trừu tượng hoá âm dương để thành một triết lí thì phải có chữ viết. Chữ viết không những có chức năng truyền thông rộng hơn là tiếng nói, mà còn cho phép trữ kiến thức, tăng thêm nó, phổ biến nó, và nhất là phát triển tư tưởng phê bình và khoa học. Tôi không nói là một xã hội truyền khẩu không biết phê bình. Nhưng họ chỉ biết phê bình cái gì họ nghe và thấy. Nghe một nhà hùng biện có thể bị lôi kéo mất óc phê bình. Chữ viết cho phép đọc từng dòng từng chữ, đọc đi đọc lại, có thời giờ ngẫm nghĩ suy luận, đối chiếu nhiều ý kiến. Và chữ viết cho phép trừu tượng hoá, mở đầu cho khoa học. Không có chữ viết không có khoa học, đó là một sự thật không ai chối cãi. Nhất là toán học, một dụng cụ chủ yếu của khoa học. Ta có thể làm vài tính thường trong óc. Nhưng tính phức tạp thì không được, phải viết trên giấy. Triết lí cũng vậy (chưa nói đến triết học). Triết lí cần chữ viết để trừu tượng hoá quan niệm thông thường, để dựng một hệ thống có quy củ, để xem xét, phê bình, sửa đổi.

Người Việt dù có 20 chữ hay 200 chữ cũng không đủ để trừu tượng hoá âm dương thành triết lí. Người Hán thì có thể vì có chữ từ thế kỉ 16, đến thế kỉ 11 trước C.N. đã có 5000 chữ. Chữ " văn " trong văn hoá hay văn minh không có nghĩa là " đẹp " như TNT viết tr.27, mà nghĩa là " chữ viết ".

Đi đôi với sự xuất hiện của chữ viết là sự xuất hiện của một loại người lấy chữ làm nghề. Đó là loại ***sĩ***, có người thì làm việc cho triều đình (soạn và giữ các văn kiện, bói toán, làm cố vấn cho nhà vua), có người thì dạy học, suy nghĩ, viết sách. Chỉ có nhóm này mới có thời giờ và tri thức để xây dựng một hệ thống tư tưởng triết lí. Mà nhóm này chỉ có ở người Hán.

Ở Việt Nam cũng như ở tất cả miền Nam sông Dương Tử không nơi nào có những điều kiện ấy, nhất là đủ chữ và người để nghiên cứu triết lí. Có "gốc" không đủ để đi đến một quan niệm và cũng không đủ để đi đến một khái niệm. Nhất là khi "gốc" là của toàn thế giới ! Trừu tượng hoá " nữ " = " tối ", " nam " = " sáng " không phải văn hoá nào cũng làm (hay làm được).

Và nói như TNT rằng ngũ hành và bát quái là sản phẩm của hai dân tộc khác nhau vì có sách chỉ nói đến bát quái không nói đến ngũ hành, hay vì trong ngũ hành và bát quái cùng một số hiện tượng (đất, nước, lửa) có những tên khác nhau, do đó phải xuất phát từ hai kiểu tư duy khác nhau, thì đó là chuyện thường trong văn học. Ở một trình độ nào đó trong một nước, về một vấn đề có nhiều ý nghĩ khác nhau, cùng một chữ có nhiều cách hiểu. Trong một nước Pháp có bao nhiêu sách khác nhau nói về tư tưởng của Marx ! Khổng giáo và Phật giáo cũng thế. Ở Tây Tạng có 4 phái đều được coi là chính phái của Phật giáo !

Nói về nước Việt ta thì phải công nhận ta không có óc triết học (người Nhật Bản cũng thế). Ngoại trừ mấy thiền sư thời Lí-Trần, ta không có một nhà triết học nào cả. Lê Quý Đôn mà nhiều người gọi là một nhà triết học sự thật chỉ là một người sưu tập.

Một lẽ cuối cùng mà TNT không nhận thấy là một mâu thuẫn lớn giữa tín ngưỡng cổ của người Hán và người Việt. TNT viết (tr.99) : " đất được đồng nhất với mẹ, trời được đồng nhất với cha " (trong quan niệm của người nông nghiệp). Sự thật người Việt cổ coi trời là *mẹ* chứ không phải là cha, như trong câu :

Ông Trăng mà lấy Bà Trời

Chính TNT cũng nói đến Bà Trời trong Chương 4, §13,2, nhưng khi viết Chương 2 thì quên đi !

Chắc rằng ta nói Bà Trời, Bà Đất, Bà Nước, v.v., vì lúc bấy giờ ta còn ở chế độ mẫu hệ trong khi người Hán đã sang chế độ phụ hệ. Sau này bị Hán xâm chiếm và ảnh hưởng, ta mới sang chế độ phụ hệ và gọi Trời là Ông. Ở thời Thượng cổ ta gọi Trăng là Ông trong khi người Hán thì coi là âm (nữ) đối với mặt trời (dương).

Tất cả những lí lẽ trên đây đưa đến kết luận là triết lí âm dương ngũ hành là gốc Hán chứ không phải là gốc Việt.

Từ Chương 3 đến Chương 6, TNT lần lượt phân tích văn hoá Việt Nam : tổ chức cộng đồng (đời sống tập thể và cá nhân) ; ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Ở đây cơ sở lập luận vững hơn là ở hai chương đầu : TNT hiểu biết văn hoá Việt Nam nhiều hơn là văn hoá nước ngoài và lịch sử thế giới. Tuy nhiên vẫn có nhiều câu không đúng khi so sánh Việt Nam với Trung Quốc hay " phương Tây " và nhất là về phương diện phương pháp luận.

Trong Chương 3 : " Văn hoá tổ chức cộng đồng : đời sống tập thể ", khác với lời viết của TNT (tr.180), dòng họ rất quan trọng ở Tây Âu thời La Mã và phong kiến. " Cá nhân " xuất

(*) Trần Ngọc Thêm, ***Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam***, nxb Thành phố Hồ Chí Minh, in lần thứ ba, 2001, 690 trang. Phần đầu của bài phê bình này đăng trên Diễn Đàn số 125 (1.2003).

hiện từ thời Phục Hưng (thế kỉ 15), gia đình hạt nhân thì với chủ nghĩa tư bản và công nghiệp. Ở người slav dòng họ (zadruga) quan trọng cho tới thế kỉ 19. Trung Hoa cũng coi trọng gia tộc không kém Việt Nam, nhưng đó là gia tộc phía đàn ông, trong khi Việt Nam coi trọng cả hai dòng (nội và ngoại) tuy " nội " vẫn được trọng hơn " ngoại ".

Tôi không chắc là " ở Việt Nam làng và họ nhiều khi đồng nhất với nhau ". Nhiều tác giả thấy rằng phần đông các làng, nhất là ở trong Nam, gồm nhiều họ, dù rằng có một họ đã sáng lập. Ta có câu " láng giềng gần hơn họ xa ". Tiếc rằng không có thống kê về vấn đề này.

Ở tr. 181, về Tây Nguyên, nói về sự điều hành trong nhà dài của người phụ nữ chủ nhà chỉ đúng ở chế độ mẫu hệ thôi. Ngược lại, tr. 186, không phải chỉ ở phương Nam mới trọng tuổi già. Tuổi già được trọng ở mọi nơi không có chữ viết hay ít dùng chữ viết dù xã hội là du mục hay nông nghiệp, bởi lí do đơn giản là kinh nghiệm đến với tuổi tác. Khi mà chữ viết và học thức lan rộng, tuổi già không được trọng nữa vì người trẻ có thể biết nhiều hơn người già.

Tr. 190-1, tôi không biết tính tự trị có phải là một đặc trưng *cơ bản* của nông thôn Việt Nam không. Lần đầu tiên nói đến *xã* là về thời Khúc Hạo (907-917). Sử viết là Khúc Hạo chia cả nước thành lộ, phủ, châu, giáp, xã : mỗi xã có một người chánh lệnh trưởng và một người tá lệnh trưởng. Đến thời Lí, khu vực hành chính gồm có lộ, phủ, huyện, hương, giáp. Đời Trần có xã quan. Lê Thánh-tông lại đổi thành xã trưởng. Xã trưởng do dân chọn nhưng nhà nước bổ nhiệm. Cho đến 1732 nhà nước Lê Trịnh suy mới thôi kiểm tra và lúc bấy giờ làng mới hoàn toàn tự trị. Nhưng tự trị không có nghĩa là dân chủ.

Dân chủ là gì ? TNT không định nghĩa chữ ấy, chỉ kết hợp dân chủ và bình đẳng (tr.195). Nhưng có bình đẳng đâu ! Chính TNT cũng viết rằng có dân chính cư và dân ngụ cư, dân chính cư chia làm 5 hạng : chức sắc, chức dịch, lão, đinh, trẻ con. Hai hạng trên và một phần hạng thứ ba mới là quan viên. Thế thì có bình đẳng đâu ! Nếu là dân chủ theo nghĩa bây giờ thì ai là tráng đinh cũng phải có quyền bầu người lãnh đạo. Cho nên nói đúng hơn đây là một tập đoàn trị (oligarchie).

Theo TNT, tính cộng đồng và tính tự trị đưa đến hậu quả tốt và hậu quả xấu : óc ích kỉ, bè phái, v.v. Ở đây tôi thấy chủ quan quá. TNT chứng minh bằng một số ca dao hoàn toàn trái ngược. Ở đâu mà chả có người xấu người tốt ? Trong mức độ nào ? Đó là vấn đề. Bây giờ tâm lí xã hội học đã đưa ra một số biện pháp để biết rõ hơn (tôi không nói là với kết quả hoàn toàn khoa học, tôi chỉ nói là khách quan hơn, lúc mà mình làm đúng quy tắc) tỉ số những người nghĩ thế này thế khác.

Ở mục 11 : " Cách tổ chức quốc gia ", có nhiều câu đặt vấn đề (ngoài những điểm mà tôi đã phê bình). Tôi chỉ nêu vài ví dụ không bàn dài dòng :

Tr. 200 : " đơn vị trung gian giữa làng và nước không quan trọng... thể hiện ở chỗ tên gọi... luôn thay đổi " : chứng minh này không đủ và có thể chỉ bắt trước Trung Hoa (các tên đều lấy từ Trung Hoa).

Tr. 201 : " ở phương Tây, lãnh địa là trụ cột ổn định của quốc gia " : hoàn toàn sai ! Trái lại, các nhà vua luôn luôn ráng sức làm giảm bớt quyền lực của lãnh chúa để củng cố quốc gia. Vào thời kì phát triển tư bản đã hết lãnh địa và phong kiến từ lâu, nhà nước thống nhất chứ không phải là liên bang. Ở Đức có nhiều vương quốc, Phổ (Prusse) thống nhất thành một Đế quốc liên bang chứ không phải là một liên bang thực sự. Liên bang thật sự ở Âu Châu thế kỉ 19 chỉ có ở Thuỵ Sĩ do hoàn cảnh riêng của nước này.

" Ở Việt Nam... các làng phải tập hợp nhau lại thành 'nước'". Không đúng. Ở đây cũng như ở Trung Hoa hay Âu Châu, một sức mạnh ngoài làng (một anh hùng, một tướng mạnh) đã tập hợp các làng, các vùng thành nước.

Tr. 202 : " Ở phương Tây ranh giới quốc gia rất mờ ". Lại sai. Chính ở đây đã xuất hiện hộ chiếu. Từ khi có Cộng đồng Âu Châu, nghĩa là từ vài chục năm nay, những người trong Cộng đồng mới đi lại dễ dàng, những người ở ngoài vẫn phải xin thị thực.

"Giới tư sản các nước liên minh chặt chẽ với nhau" : phải thêm là để hợp tác và cũng là để cạnh tranh. Còn công nhân thì "tinh thần quốc tế vô sản" bây giờ không còn nữa !

Tr. 206 và sau, TNT đối lập Trung Hoa với Việt Nam cho là ta vì có gốc nông nghiệp nên có một truyền thống dân chủ hơn Trung Hoa là gốc du mục. Tôi thì thấy ở đâu cũng có vua tốt vua xấu. Vua ta đã theo Trung Hoa tự coi mình là thiên tử, mặc áo vàng, đặt quan chế theo kiểu Hán. Không phải chỉ vua ta mới " coi dân như con cháu mình ", người Hán cũng có câu " quan là phụ mẫu " của dân. Quan hệ huyết thống (vua anh - vua em, vua chị - vua em, vua cha - vua con) hay pháp lí (vua Lê - chúa Trịnh) không thể gọi là " lãnh đạo tập thể " được (2 người không phải là " tập thể " nhất là khi cùng dòng họ). Chế độ vua cha - vua con có thấy ở một số nước mà không gọi được là dân chủ (Nhật Bản chẳng hạn). Còn chế độ kiểu Vua Lê - Chúa Trịnh thì cũng thấy ở Nhật và nhiều nước trong đó có Pháp " gốc du mục ".

Tr. 213 : " Truyền thống dân chủ nông nghiệp còn thể hiện trong việc tuyển chọn người vào bộ máy quan lại ". Không thể nói thế được vì ta chỉ bắt chước Trung Hoa là nước đầu tiên có việc này, một nước mà theo TNT có gốc vừa du mục vừa nông nghiệp. Ở Triều Tiên " gốc nông nghiệp ", chỉ là quý phái mới được đi thi (thường dân không được). Ở Nhật cũng là một nước nông nghiệp, giai cấp thống trị là võ sĩ cha truyền con nối hay được người trên chọn, cho tới đầu thế kỉ 20.

Tr. 216-7 : TNT viết rằng " truyền thống thương nghiệp Việt Nam là gian dối ", tôi thấy rất là chủ quan. Một hai tục ngữ ca dao không là chứng minh được. Còn nói ở phương Tây xã hội trọng vọng và kính nể nhà doanh nghiệp hay thương nhân thì chỉ đúng từ thời Phục Hưng thôi, thời Trung Cổ họ bị khinh vì sự thống trị của đạo Ki-tô y như là với Khổng giáo ở Đông Á. Ở hai nơi giai cấp thương nhân đã nảy nở không phải nhờ tôn giáo mà mặc dù tôn giáo chống (tới một trình độ nào tiền mạnh hơn đạo).

Tr. 243 : Về lễ nam giao và lễ tịch điền, TNT lập luận rằng vì " tục thờ mặt trời có nguồn gốc ở phương Nam thì làm sao lễ tế Trời và Đất lại bắt nguồn từ phương Bắc được ? ". Người ta có thể trả lời rằng chữ và quan niệm " thiên địa nhân " và " thiên tử " xuất phát ở người Hán. Vua tế trời vì tự coi là con trời (thiên tử) có mệnh của trời trị vì thiên hạ (là đất dưới trời) nhiệm vụ đầu tiên là phát triển nông nghiệp. Có rất nhiều dân tộc thờ mặt trời : Amaterasu là nữ thần mặt trời ở Nhật Bản. Người Turc và người Mông Cổ (du mục) cũng thờ Trời nhưng là một thần Nam.

Trang 245 : " Rồng xuất phát từ Nam Á và từ đó đã đi vào văn hoá Trung Hoa " ? Khảo cổ thì có bằng chứng khác. Ở Trung Hoa, người ta đã đào được một số đồ bằng ngọc hình rồng thuộc văn hoá Hongshan (4700-2920 tr. C.N.) tỉnh Liaoning và Nội Mông Cổ. Hình rồng cũng có ở văn hoá Yangshao (5000-3000) và Taosi Longshan (2500-2000 tr.C.N.). Bên cạnh hình rồng có hình rắn trên đồ đất nung [1]. Ở Việt Nam không (chưa ?) tìm được hình rồng nào xưa như thế. Người Hán chẳng cần phải qua sông Dương Tử để biết rồng !

Tr. 272-3, chú thích 14 : Nước Sở thế kỉ 4-3 tr. C.N. dân Việt nhưng vua và quý tộc là Hán. Khuất Nguyên là người Hán không được vua nghe nên tự vẫn chứ không phải "bất bình với sự cai trị của vua nhà Hán" : nhà Hán lập nghiệp năm 206 tr. C.N., nghĩa là 70 năm sau khi Khuất Nguyên mất.

Tr. 288-9 : "Văn hoá gốc du mục trọng dương... thiên về văn xuôi". Sự thực phức tạp hơn nhiều. Có nơi bắt đầu bằng thơ, như ở Hi Lạp với Homère (*Iliade, Odyssée*) hay ở Pháp với *Chanson de Roland*, có nơi bắt đầu bằng vừa thơ vừa văn xuôi như ở La Mã với Lucrèce và Cicéron, v.v. Văn xuôi bắt đầu thịnh hành từ thế kỉ 18, nghĩa là khá xa với " gốc ".

Tr. 410 Ngọ Môn có thể được dịch bằng Porte du Midi và Midi cũng có nghĩa là hướng Nam (*Chú thích của DĐ* : TNT chê dịch như vậy là sai vì ông tưởng Midi chỉ có nghĩa là giờ ngọ).

Tr. 457 : Tượng Phật ở chùa Phật Tích trước đây Bezacier cho là tượng Adiđà, bây giờ Trần Lâm Biền và Chu Quang Trứ cho là tượng Phật Thích Ca, tôi nghĩ đúng hơn.

Tr. 467 : Quan Âm là Phật Bà không những ở Việt Nam mà cả ở Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản tuy rằng họ không " thiên về nữ tính ".

Tr. 482 và sau : TNT viết rằng Nho giáo " ra đời và nuôi dưỡng bởi hai dòng sữa : truyền thống văn hoá du mục phương Bắc và truyền thống văn hoá nông nghiệp phương Nam ". Trên đây tôi đã đưa ra nhiều chứng minh đối lập với thuyết " hai văn hoá " ấy. Ở đây chỉ cần nói rằng nhiều dân tộc du mục nhỏ ở phương Đông (chẳng hạn ở Trung Á) không có " tham vọng bình thiên hạ " còn " trọng sức mạnh " thì cũng thấy ở nước nông nghiệp (Nhật Bản chẳng hạn). Hay là nông nghiệp " phương Bắc " khác nông nghiệp " phương Nam " ? Nhật Bản khác Việt Nam vì có một chế độ phong kiến rất giống phong kiến Âu Châu. Do đó họ trọng sức mạnh, không trọng phụ nữ. Nhưng đó là kết quả chủa chế độ xã hội chứ không phải của nông nghiệp. Người ta cũng có thể lí luận như thế đối với " lối sống trọng tình " hay " tinh thần dân chủ ", hai ý niệm rất chủ quan, hay cho người làm văn viết truyện nhưng người khoa học thì nên tránh. Tôi không nói là không có người sống trọng tình hay không có tinh thần dân chủ. Tôi chỉ phê bình sự khẳng định khái quát là *nông nghiệp đưa ra* lối sống trọng tình và tinh thần dân chủ.

Tr. 579 " Hoa tộc (đúng hơn phải nói Hán tộc) đã thu từ phương Nam... cái rìu, cái nỏ, nghề nấu thuỷ tinh, phần nào nghề luyện kim đồng" : không đúng. Trung Hoa cũng có rìu (một vật ở đâu cũng thấy từ thời Thượng cổ : paleolithique = đá cũ, neolithique = đá mới), có nỏ (một lợi khí đã giúp Tần thống nhất Trung Hoa), biết luyện kim đồng trước người Việt (Đông Sơn sớm nhất là thế kỉ 6-5 tr. C.N., nhà Thương có đồ đồng từ thế kỉ 16-15 tr. C.N.). Còn nghề nấu thuỷ tinh, tôi không biết TNT dựa vào tài liệu nào mà nói người Việt biết nghề ấy. Theo tất cả các sách khảo cổ mà tôi biết, thuỷ tinh được phát minh ở Ai Cập và Mêzopôtami trước -1500, lan ra Tây Á vào thế kỉ thứ 6 tr. C.N., nghề thổi thuỷ tinh xuất hiện ở thế kỉ 1 ở đấy.

Để kết luận, tôi thấy quyển sách của ông Thêm có hai phần. Phần có giá trị là khi tác giả phân tích văn hoá Việt Nam. Có những trang rất lí thú về đời sống cá nhân, văn hoá ứng xử với môi trường : ăn uống, mặc, ở và đi lại, tuy có khi người đọc có thể không đồng ý về điểm này hay điểm khác. Phần yếu của quyển sách là khi tác giả khái quát mà không có chứng minh khoa học, đặt cơ sở lí luận trên sự phân chia hai loại hình văn hoá, trọng tĩnh và trọng động, theo nguồn gốc nông nghiệp hay du mục của nó. Lịch sử thế giới không chứng minh lí luận đó : phần lớn các văn hoá khi xuất hiện ở phương Đông cũng như ở phương Tây đều phối hợp nông nghiệp và du mục (tuy với trình độ khác nhau). Chỉ trong một số trường hợp vì hoàn cảnh địa lí khí hậu ta thấy chỉ có nông nghiệp (các đồng bằng Đông Nam Á Châu) hay chỉ có du mục (Trung Á, Trung Phi, bán đảo Ả rập v.v.). Đứng về phương diện phương pháp luận, để giảng nghĩa một sự kiện lịch sử xã hội, "gốc" không quan trọng bằng các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, đương thời. Gốc là một khái niệm khái quát quá, lờ mờ quá, nhất là một gốc du mục hay nông nghiệp đưa ra nhiều xã hội khác nhau. Nhiều ý niệm khác tác giả dùng cũng không ở trong phạm trù khoa học : tính âm, tính dương, tính tĩnh, tính động, của một văn hoá là gì ? Chữ tính hàm ý không thay đổi, hay không thay đổi trong một thời gian lâu, và có ở tất cả mọi người, dù là nam hay nữ, ở địa vị này hay địa vị nọ, ở đẳng cấp, giai cấp này hay đẳng cấp, giai cấp nọ. Sự thật thì cái gì cũng thay đổi, chậm hay nhanh. Có khi vì muốn đề cao văn hoá nước mình, tác giả đã quên nhiều sự kiện lịch sử. TNT cho rằng hai truyền thống quan trọng của Việt Nam là " dân chủ " và " trọng tình " (tr. 498) : " vua nông nghiệp... coi dân như con cháu mình " (tr. 206 : có bao nhiêu ông vua như thế ?) ; " các cuộc chiến tranh mà người Việt Nam từng phải thực hiện đều mang tính tự vệ (cả) với người Chiêm Thành " (tr.498). Năm 1471 Lê Thánh-tông đánh Chiêm Thành để " tự vệ " hay để mở mang bờ cõi ? Sau khi chiếm thủ đô Chăm, Lê Thánh-tông đã giết hơn 40 000 người và bắt hơn 30 000 người về để làm gia nô hay điền binh (*Đại Việt sử kí toàn thư*). Đó có phải là một hành động " trọng tình " không ? Tôi thì gọi nó là dã man, lấy làm hổ thẹn, chỉ biết... tạ lỗi với người Chăm. Gần đây cải cách ruộng đất có " trọng tình " không ? Và bây giờ các chủ nhân xí nghiệp " gốc nông nghiệp " đối xử với công nhân " trọng tình " hay " bóc lột " như người mác-xít vẫn nói ? Nói chung các văn hoá " gốc nông nghiệp " bây giờ " trọng tình " hay " trọng tiền " hơn ?

Ông Trần Ngọc Thêm còn nhiều thời giờ để đọc sách, nghiên cứu và suy nghĩ về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới và phương pháp luận. Với khả năng của ông, tôi tin rằng ông sẽ vượt các khuyết điểm hiện giờ và đóng góp nhiều cho nền khoa học xã hội và nhân văn của nước nhà.

LÊ THÀNH KHÔI

(1) Xem Yang Xiaoneng ed., ***The Golden Age of Chinese Archaeology***, Washington, 1999, tr. 83, 84, 109-110.

Thơ Phan Huyền Thư

Giấc mơ của lưỡi

Tôi sâm sấp mặt vũng
ngôn ngữ đang chết trên cánh đồng
gieo vần

Gốc rễ rên nỗi lưỡi hái cùn
Tôi khóc sứ mệnh
mầm tuyên thệ hạt

Vô sinh

Đám mây hành khất
không khóc cùng mặt trời
tôi nằm sấp ướt
từ ngữ nhập nhằng ma trơi
Khi lưỡi nằm ngoan trong miệng
răng ngủ vùi sau môi
nụ cười chết

Tôi nghe sấm phục sinh rền mặt đất
cơn mưa rào lân tinh
Nấm mộ nở vụt hoa Tử Huyền *

Và giấc mơ của lưỡi
bắt đầu mở nguyên âm

2.9.98

* hoa Tử Huyền : chữ của Nguyễn Huy Thiệp

Tuấn Ngọc buổi sáng *

Sóng sánh cà phê bạc hà khói thuốc
Tuấn Ngọc
trong quần nhợt nhạt nỗi hoang mang
bầy sẻ cũng hom hem **
đêm sương con dế buồn tự vẫn

Đành như chiếc que diêm
Tuấn Ngọc
cháy một cõi riêng

Nằm sấp úp mình lên
Tuấn Ngọc
thấy thiếu nỗi trên lưng
Nằm ngửa khép đùi khít
Tuấn Ngọc
thấy vắng khoảng trong cùng

Thôi uống sương con dế chẳng còn buồn
bầy sẻ cũ đã qua đời lặng lẽ
buổi sáng Tuấn Ngọc vào rất khẽ
như là chẳng ra.

11.97

* Tuấn Ngọc : tên một giọng ca hải ngoại
** Ca từ của Từ Công Phụng (phổ thơ Du Tử Lê)

Gió

Có những ngày
em rực rỡ một mình
tựa vai nắng chiều ngày khác
mặt trời lặn vu vơ

buồn rất trong
lấm tấm mồ hôi gương mặt hoài niệm
bện cúm mùa thu đỏng đảnh
em cốm mềm ủ lá sen khô

Người say về bến sông
đưa nắng gió hồi xuân tìm chồng
chắc buồn
rót một câu vào hang dế
trí nhớ hình chiếc kim khâu giầy
lũ dế ngộ độc than thở

Người xén cỏ
nhặt lên chiếc khuy ngà
không ngăn được gió
ngực hoàng hôn ùa ra

12.11.01

Mưa

Đoạn tuyệt ngày hôm qua
đầu giường sằng sặc giấc mơ mới

đông cứng nỗi buồn
ngọ nguậy trong đầu con mọt nghiến răng
thèm ý mới

đôi bầu vú thông minh
không cứu nổi cặp đùi dài ngu ngốc

chảy vào nhau
tình chảy vào sâu tràn trề lênh láng
mặt đất buồn

mưa gõ mõ cầu siêu
hồn phiêu diêu đèn nhang cửa ngỏ

buồn tập tễnh
về ăn giỗ mình

11.09.01

(trích từ tuyển tập " **26 nhà thơ Việt Nam đương đại** ", NXB Tân Thư , 2002)

MỘT NGÀY VUI TRÊN NGỌN... SẦU... ĐÔNG !

Thái Kim Lan

" Có hai hay ba điều tầm thường trong một ngày tưởng sẽ qua mau, nhưng bỗng dừng lại mãi mãi... giữa vui và buồn "

Suốt cả ba tháng mùa mưa, mái ngói của căn nhà kiểu Huế xưa – chỉ đỏ được một thoáng chốc phù du khi mới lợp – đã rêu phong mấy lớp ngả sang màu nâu – trong màn nước miên man đổ xuống từ bầu trời trắng đục thoáng hiện đàng xa như một nét thở dài u uẩn còn nén lại, lẩn quẩn chập chùng, tưởng như đã tan biến vào chốn hư không, nhưng lại vướng vất còn đó như một tiếng thưa " dạ có " sẽ sàng của người con gái Huế gia phong.

Trời càng mưa mái nhà càng " trần thân " ở đó chịu mưa, ngửa mặt hứng mưa, thầm lặng nghe mưa, quấn quýt với mưa... Cơn mưa như một dấu hiệu thời gian vô thường đến thí nghiệm sự bền bỉ của đời người mà mái nhà đang che chở... Ngoài tiếng mưa hình như chỉ còn lại sự yên tĩnh bơ vơ của căn nhà khép kín, mờ nhạt hiện hữu trong khu phố cổ nằm bên cạnh con sông nhánh Hương giang, tất cả đều thu mình lại nhỏ nhoi, như đang chờ một tia nắng ấm nào đó sẽ quay về từ năm tháng nồng nàn của những người yêu nhau mấy mươi đời thuở trước còn ủ lại nơi những góc buồng tranh tối tranh sáng...

Không hiểu sao khi nhớ đến " một ngày vui...", những ngày tháng ba trong mái nhà xưa lại hiện về trong ký ức.

Giêng hai còn rét mướt làm bất động cả cuộc sống trong căn nhà xưa cũ, vốn đã thấp lại càng thấp hơn, con người, đồ vật ở trong nhà xê dịch, chạm nhau như những chiếc bóng... Chỉ khi tháng ba về, cơn mưa đã ngớt, căn nhà mới ngẩng mặt lên một chút, ngóng những tia mặt trời hừng đông, ấy là lúc mái nhà được quyện bằng một vùng sương lam ẩm ướt pha lẫn với màu hồng nhạt ấm áp từ hơi ấm của căn nhà toả ra.

Cùng với khói sương nồng nàn... những ngày lập xuân đến thân thiết như tiếng gà canh năm vừa cất lên. Ai có ở Huế, nằm trong một căn nhà xưa ba gian, chân tay còn ấm áp trong chăn, canh năm nghe tiếng gà, đều chập chờn giữa mộng và thực nỗi niềm " sông có dài núi có xa chi mấy tiếng gà canh năm gọi gần với nhau đường lên Long Thọ đường về Đông Ba " (1).

Chưa kịp nghiêng đầu vào gối để nghe rõ hơn nhịp tim xao động theo với tiếng gà thì bàn tay ấm êm mềm mại của người chị đã nắm đôi chân nhỏ nhắn của đứa em gái, cùng một lúc với giọng nói trầm trầm nhỏ nhẹ " Dậy học bài ! ". Trong ánh sáng mù mờ của góc phòng Đông hiện ra trước đôi mắt mở hé của người em là nét môi thoáng nhẹ nụ cười với hàm răng đều sáng như ngọc, sóng mũi dọc dừa thanh thoát, đôi mắt bồ câu lấp lánh và mái tóc đen đang cúi xuống thật gần...thân ái.

Có một chút vui mơ hồ như cánh bướm mỏng đập nhẹ nơi tim. Khi đất trời còn mang mang chưa định hình rõ nét sau cơn mê ngủ, khi ngày chưa đến đêm chưa đi, khói sương còn là mộng ảo, tất cả tri giác con người còn ở nơi chốn vô danh, được thấy vẻ yêu kiều sơ thuỷ của một người rất thân ! Có phải hạnh phúc thật rất gần rất thường ? Mà vẫn như một nỗi ngạc nhiên !

Đêm đêm hai chị em chung nhau một giường, ôm nhau trong cơn mưa rầu rĩ của Huế, ru nhau khi gió đông phần phật rít qua liếp cửa lá sách, tóc xanh quấn quýt một thời với nhau trên cùng gối mộng, quen thuộc ngọt ngào hơi áo hơi chăn, biết hết nhau qua từng tiếng mớ ngủ, thuộc hết xương sườn xương sống của nhau những khi nghịch ngợm ôm nhau chọc cười. Vậy mà mỗi lần sau giấc ngủ dài, mắt nhắm mắt mở thấy gương mặt của chị cúi xuống trên mình, vẫn cái cảm giác hân hoan khó tả như mới gặp lần đầu, lâng lâng rờn rợn như niềm rung động của một người hoạ sĩ vừa bắt gặp đối tượng hiện thân của ý niệm " chân thiện mỹ " riêng biệt của mình hay của kẻ si tình gặp người trong mộng.

Ấm và êm buổi sáng tháng ba trời hết cơn buốt giá !

Nét nhân gian bỗng hé môi cười !

Dáng ngọc sáng ngời, buổi khai thiên hoa trời bừng nở !

Đã nghe tiếng nước sôi trong cù lao nơi gian nhà giữa khi hai đứa ngồi vào bàn học ôn bài buổi sáng.

Mụ Thay lục đục soạn ấm chén lách cách để châm trà, than hồng trong lò hắt lên dãy cột gỗ kiền kiền viền khung gian nhà giữa những đốm sáng lung linh, tiếng húng hắng của Bà vừa ngồi dậy đang được mẹ giúp bới tóc mặc áo, để ra sập dùng trà buổi sáng. Tiếng chuyên trà nước nhất nhẹ như một cung đàn tình tang, tiếng nói khẽ như hát mời bà dùng trà và tiếp theo là sự yên lặng của ba bóng người chập chờn trên vách đang uống trà buổi sáng.

Sự yên lặng như một nghi lễ hàng ngày khi nước trà thứ nhất được chuyên ra, chỉ trải dài bằng ba lần chạm môi nhấp trà từ cái chung nhỏ bằng hột mít, nhưng lại chìm xuống thật sâu làm cho hai chị em đang chăm chú học hay đang nói chuyện thì thào với nhau, bỗng dừng lại, ngưng thần lắng nghe và như cùng một lúc cảm thấy phút chốc rời khỏi thế giới thực tại, lạc bước vào một không gian sâu lắng thâm u huyền thoại, ở đó, – nếu có chi được gọi là náo động, – hương trà cùng hương hoa mộc quyện lẫn vào nhau đang bay lững lờ trong không gian.

Buổi sáng ở Huế thường bắt đầu bằng một thứ nghi lễ không lời như thế, dần dà hằn lên như nét chạm gỗ khắc đậm nét phong thái Huế xưa : nhẹ nhàng, mơ hồ, tĩnh lặng, trước khi tiếng chuyện trò, tiếng ghế bàn chuyển động cho một buổi ăn sáng trước giờ đi học bắt đầu.

Khi nước trà thứ hai được chuyên ra và được đem mời tất cả mọi người trong nhà vừa thức dậy, trông ra trời đã sáng lần. Ánh sáng mờ nhạt lãng đãng vờn trên mấy kiệu lớn cất nước mưa ở sân trong, mấy chú chim sâu bắt đầu lóc thóc trên nóc nhà, lao chao sà cánh nhỏ trên bồn nước, rỉa lông quệt mỏ. Từ bàn học nhìn qua cửa lá sách đã thấy o Liễu mở những tấm ván cửa trước nhà và cánh cửa chính bằng gỗ nặng nề, sửa soạn khay chén đi mua cháo gạo đỏ cho bọn học trò ăn điểm tâm trước khi đi học.

Mấy chị em thường ăn cháo gạo đỏ buổi sáng. Bà và mẹ bảo ăn cháo gạo đỏ hiền và bổ, ăn bún buổi sáng chua bụng, ăn xôi bắp nặng bụng, ăn cơm chiên nhiều mỡ sôi bụng, ăn xôi khô xót bụng !!! Mà cháo gạo đỏ hiền và ngon thật ! Nhất là

cháo của Mụ Thân ngồi ở trước cửa nhà ông Út thợ may, cách nhà mình mấy căn phía cầu Đông Ba !

Gạo đỏ được nấu thật nhừ, sữa gạo đặc quánh óng ánh màu hồng, hột gạo nở ra mộc mạc như bông cỏ lấm tấm trắng đẹp bình dị trong tô bát tràng hay trong chén đất đơn sơ. Muỗng cháo vừa đưa vào miệng đã nghe ngọt béo chất sữa trên đầu lưỡi, hột gạo mềm không cần phải nhai khó nhọc đã tan trong miệng, nghe ấm cả dạ dày và khoan khoái cả người. Cháo gạo đỏ thường được ăn với cá bống cát hay cá cấn hay tôm sông kho rim với ớt. Cá rim mặn sền sệt nước mắm ngon và đường bánh đen, con cá hay con tôm rút chất đường và chất nước mắm thấm cong ăn rất mặn mà thấm tháp. Cháo béo ngậy mùi hương lúa gạo đồng quê ăn với con cá kho vừa mặn vừa ngọt, thịt cá bống thơm vị đặc biệt , lâu lâu gặp miếng ớt cay xé lưỡi kích động như một nốt nhạc bất ngờ trong sự nhịp nhàng hài hoà của bài ca dao mẹ " cơm với cá như mạ với con ", vừa kích thích vị giác vừa làm khoái cảm đẹp lòng cảm quan của người sành điệu.

Mồ hôi đã lấm tấm trên trán của chị khi cháo ăn gần xong, đôi môi của chị mềm cắn chỉ như khi mẹ ăn trầu, nốt ruồi duyên đen " ham ăn " hiện rõ xinh xắn và tinh nghịch trên môi bên phải thách đố sự trêu chọc của lũ em. Chị ăn ngon lành nhất trong mấy anh em vì... " mụt ruồi trên mép là ăn thép cả làng ! " (2) và mặt chị hồng lên tự nhiên trông đẹp như một đoá hải đường trong vườn Linh Mụ.

Tản Đà đã nói về cái thú ăn ngon và người cùng ăn. Không biết trong đời ông đã từng ngồi ăn với ai ? Nhưng tôi thì biết chắc chắn rằng, những buổi sáng mai ngồi ăn cháo gạo đỏ " hiền và bổ " với CHỊ trước khi đi học đã là những giây phút " ngon lành " nguyên thuỷ nhất trong quãng đời thanh xuân của mình. Những năm tháng về sau, ở nơi Tây phương sung túc xa xỉ, đã nếm đủ cao lương mỹ vị, bơ sữa, nhiều khi ngao ngán trước những cỗ bàn béo bổ ngầy ngụa của tiệc tùng, vị giác của mình chợt thèm về những rung cảm đơn sơ đạm bạc của hột gạo de đỏ hồng màu máu thịt của đất ruộng xứ Huế và con cá bống cát nhỏ bé của cả bầu trời nàng Tấm, không ngấy lên tận cổ, không béo đến lợm người, chén cháo gạo đỏ mùi vị thiệt thà không pha chế rườm rà thường hiện về trong ký ức với đôi má hồng, giọt mồ hôi lành lặn của chị, biến thành một nỗi nhớ quay quắt của người từ quan lên đường trở về chốn cũ...

Giờ " ***soi gương*** " ***mặc áo*** thường là giờ riêng biệt của hai chị em sau buổi ăn sáng. Bộ áo quần vải quyến dài trắng sợi cô-tông hiền hậu thiên nhiên thường được xếp ủi tử tế vắt trên thành giường từ lúc nào khi người em rửa mặt vừa xong. Vẫn là những vụng về hầu như bẩm sinh của một người em có chị gái, mặc áo không xong mặc quần không lọt, không biết thắt giây lưng thế nào cho đừng dễ lỏng sút hay không chặt quá để bị vết lằn đỏ ngang lưng...

Chưa kịp vớ lấy chiếc áo như thường lệ, hôm ấy bỗng nhiên chị nói " Nì mặc vô cái áo cánh ni trước rồi mặc áo dài sau. Túi (3) qua chị mới thức may cho đó ". May vá thêu thùa nấu ăn là đam mê của chị, thức để học bài thì chị hay ngủ gục, nhưng thức để may áo hay thêu khăn quàng cổ thì chị có thể ngồi thâu đêm...Té ra cả đêm chị thức may áo cho mình ! " Tại răng ? Trời nóng mà !" " Nóng lạnh chi cũng phải mặc, áo lót đó tề ! Lớn rồi ! Không mặc áo lót là dị lắm ! Người ta thấy chừ..."

Tự nhiên nghe đỏ phừng mặt như khi bị chạm chỗ yếu của mình. Thuở ấy con gái nhỏ đến tuổi 13, 14 vẫn chưa biết mặc " đồ lót ", các thứ ấy là " của cấm " – không biết do mô lại có cái quan niệm kỳ quái xưa như " hũ nút " ấy ? – chỉ có người lớn mới đụng đến cái thứ " kỳ hình dị tướng " đó, cho nên nếu chạm tay tới nó thì coi như... đời hết ...thơ ngây ! Như một phản xạ tự nhiên đứa em đưa tay lên ôm ngực, chu hai môi nói khống tướng " Em không dị ! Chị dị ! " " Ừ thì chị dị, mi không dị ! Mà cũng phải mặc không thôi ốt dột. Mạ biểu đó tề ! " Chị tròng cái áo cánh lụa ngà lên đầu, kéo tọt xuống, gài nút trên bờ vai, xong lấy áo dài mặc cho đứa em hết đường phản kháng rồi đẩy ra trước chiếc gương lớn để chải đầu.

Sáng nào hai đứa cũng chải tóc trước cái gương lớn cũ kỹ. Nhìn vào gương không thích nhìn mình mà chỉ thích nhìn chị chải tóc. Chị lớn hơn tôi mấy tuổi nên ra dáng " thiếu nữ " lắm ! Tóc chị sây, đen, xoả kín bờ vai tròn trịa, không gầy còm như đứa em, trong gương trông chị óng ả, mỹ miều như tố nữ trong tranh. Chị lấy lược rẽ giữa mái tóc phân ra làm hai, chải một bên mái tóc dày ra phiá sau và kẹp bằng cái kẹp to bản mạ bạc trắng, cái kẹp phồng lên vì ôm cả mớ tóc con gái đang độ lớn. Kẹp xong chị quay qua, háy tôi một cái vì thấy mình đang đứng loay hoay với cái kẹp tóc vụng về không tém được mái tóc ra đàng sau. Miệng ngậm kẹp tay chải tóc cho em, chị lập bập " Mau lên, trễ rồi đó ".

Được người khác chải tóc hình như là một nỗi sung sướng xác thịt thầm kín thú vị của con người từ khi tổ tiên loài người còn là những chú khỉ ngây ngô ! Đứa em chúi đầu vào người chị để cho chị chải tóc, thủ thỉ " tóc chị răng mà dài mà mướt, da chị răng mà mịn ghê ! ". Chị cười, răng đều đặn lấp lánh trong gương, nét chi của chị cũng sáng rỡ như trăng rằm, đầy vẻ kiều mị phơi phới của người con gái tuổi dậy thì... đến nỗi có thể làm bồi hồi trái tim non nớt của người em. Mãi về sau tôi mới nghiệm ra rằng mình đã có diễm phúc làm kẻ ngưỡng mộ vẻ đẹp khôi nguyên của chị trong ánh sáng đầu tiên một ngày tháng ba ! Có phải trong cổ thi nhà thơ nào đó đã nói như một lời tán thán : "Buổi sáng gặp mỹ nhân, chiều chết cũng cam lòng ! ", nếu nhớ không sai, hình như vô thức của tôi cũng đã mơ hồ nghĩ như thế khi nhìn chị trong gương...

Bảy giờ rưỡi hai chị em dắt xe đạp ra khỏi nhà. Mụ Thầy đã bắc ghế cho Bà ra ngồi ở ngưỡng cửa, ngắm người đi qua lại. Ngày hai buổi bà ra ngồi trước cửa, không còn đi đứng bình thường nhưng vẫn muốn tham dự và " sống thêm " cái rộn ràng của mọi người trong phố Hàng Đường, chia một chút vội vàng của chú Nhân đẩy xe lam chở gạo ra chợ, nặng lòng với o Thu gánh hai thúng rau muống trĩu cả đòn gánh từ dưới Thế Lại lên, hối hả với chị Hoa bán bánh nậm bánh lọc tíu tít người mua, rồi người đi chợ, kẻ đi làm, học trò đi học... Sau cánh cửa gỗ im lìm, cả một bức tranh nhộn nhịp như khung cửi bày ra trước mắt. Bà thuộc tên từng người, nghề nghiệp, bà con gia đình cũng như giá cả các phẩm vật và nhất là vẫn còn tinh anh sắc sảo kiểm soát lũ cháu có tươm tất áo quần nón mũ khi đi ra khỏi cửa nhà đến trường...

Sau tiếng " thưa bà thưa mạ con đi học ", hai chị em dẫn hai chiếc xe đạp đứng song hàng với nhau bên vệ đường, không hẹn mà như cùng một nhịp, ngồi lên yên, quay người lại nhét tà áo sau vào giây thun chằn cặp vở để áo khỏi lọt xuống bánh xe, treo chiếc nón lá trước ghi đông, chân phải sẵn sàng đặt trên một pê đan, chân trái còn rà đất, người hơi nghiêng sang trái làm rõ đường eo của tấm lưng nữ sinh óng ả trong chiếc áo dài vải quyến trắng tinh, tay trái cầm ghi đông, tay phải cùng một lúc hất mái tóc loà xoà ra phía sau, ngước

mặt ra trước, chân phải ấn nhẹ pê đan, bánh xe từ từ lăn tới đàng trước... Hình như người cả phố sáng nào cũng ngưng vài giây hoạt động để thưởng thức động tác nhịp nhàng như múa của mấy cô học trò đi học trường Đồng Khánh trên dãy phố Hàng Đường. Từ dưới Cây Sanh Thế Lại lên đến cầu Động Ba cầu Gia Hội, nhà nào hầu như cũng có con gái đi học. Ở dưới cây Sanh, Mỹ Liên Thu Trâm, ở cách mấy nhà phía sau chúng tôi mấy chị Kim Cúc Kim Sa Kim Chi nhà bác Xuân, Bảo Trân Bảo Lộc nhà cụ Thượng Từ, ở đàng cầu Đông Ba, Phương Lan Xuân Mai nhà bác Phán bán mứt hột sen, Ngọc Bích nhà bác Trợ, Kim Trâm nhà hàng đồng cũng cùng đường đi tới trường Đồng Khánh...

Những tà áo trắng trong sương mai mờ nhạt bên cạnh những ngổn ngang hàng quán hình như đã là những đóm sao mai toả tin vui, mang đến một vài ý vừa nhẹ nhõm an lành vừa nên thơ thanh thoát, để người trong xóm có thể vui lòng bắt đầu một ngày thường nhiều cam khổ...

Chúng tôi đạp xe bên nhau nhẹ nhàng, áo trắng tung trong gió, gió ban mai phả vào mặt mát lạnh. Buổi sáng tháng ba non xanh như lộc cây bàng vừa chớm nụ, hơi ấm từ phía Thuận An dồn đến, hơi nước từ núi rừng Kim Phụng tràn sang, quyện tròn với nhau thành những vùng mây khói mờ ảo trên đường dọc theo sông. Qua khỏi cầu Đông Ba, bỗng thấy mình chơi vơi trong một vùng sương mù dậy hương thơm ngào ngạt đến ngây cả người. Chặng đường từ cầu Đông Ba lên đến cầu Gia Hội thời ấy không biết ai đã trồng ***một dãy cây sầu đông*** hai bên vệ đường. ***Tháng ba hoa nở,*** những cành cây chi chít hoa giao nhau trên không kết thành vòm che kín cả bầu trời. Hoa sầu đông màu trắng như sữa, giữa hoa lấm tấm những điểm nhỏ màu tím nhạt như những điểm sương tụ lại. Trong buổi sáng đầy sương mù, hoa với sương hòa lẫn với nhau không còn phân biệt màu sắc, trên đường đi mọi vật mờ ảo như một giấc mộng. Cả bọn con gái đạp xe đi như những chiếc bóng mơ hồ bồng bềnh, tà áo trắng ẩn hiện vô hình trong gió, không ai nói năng chi một lời, lặng lờ đi theo " tiếng " của hương thơm ngây ngất tẩm lên da thịt và tóc, cảm giác đê mê như đang trôi giạt trong những lớp sóng sương gió thổi ngược vào người. Thật là lạ lùng cảm giác buổi sáng đi trong sương mù và hương thơm những ngày tháng ba thời ấy ! Con người mình như được nhấc bổng lên khỏi yên xe để bay trong gió, bằng đôi cánh của hương thơm, bay nhẹ nhàng bên cạnh một bóng trắng khác cùng đi về một hướng. Có một thứ cảm xúc làm nổi " da gà ", một thứ khoái cảm nghe hương thơm và gió sớm chạm vào mặt, má, mắt, môi, thấm vào da thịt, một thứ khoái cảm nhẹ nhàng gây ấn tượng mình cũng đang hoà lẫn với hoa và sương...

" Trời mù sương như ri, trưa ni răng mạ cũng cho ăn cá nục chuối kho nước cho mà coai ! "(4) Tiếng của chị bên cạnh đưa tôi trở lại con đường xe đang đạp lên dốc cầu Gia Hội. Tôi nhìn sang chị, định chọc ghẹo cái nốt ruồi trên mép ham ăn, ngay cả trong sương mù mơ mộng tôi đang chân hỏng đất mà chị vẫn lành mạnh nghĩ về con cá nục ! Nhưng tôi nhớ mình đã sửng sốt bàng hoàng. Trong sương mù gương mặt chị ướt nhoè lấm tấm giọt sương, tóc mai vướng trên má não nùng, trên đôi mi của cặp mắt bồ câu đen láy ngày thường sáng như băng những giọt sương long lanh đọng lại như nước mắt. Lần đầu tiên tôi thấy gương mặt chị như từ một cõi xa mô đó hiện về, liêu trai, không thực và mệnh yểu. Cảm giác chỉ như một cơn rùng mình thoáng qua, rồi biến mất...

Hai mươi năm sau ở nơi phương trời Tây nghe tin chị mệnh vong, vội vã trở về mái nhà cũ. Tôi đã đứng rất lâu ở hiên nhà cạnh sân trong, nơi chúng tôi thường ngồi xổm cùng nhau đáng răng rửa mặt, nhìn đám mây buổi sáng bay qua mái nhà, khoảng trống mở ra vũ trụ bên ngoài của những căn nhà xưa khép kín, đưa tín hiệu cho những mơ mộng thanh xuân... Thấy lại bầu trời buổi sáng, nghe mưa gió ngoài hiên... Tấm gương cũ còn treo trong phòng thiếu nữ. Đêm trở về đầu tiên nằm ngủ trong chiếc giường thời trẻ hai chị em đã nằm, nước mắt trào ướt gối. Thấy hiện sinh của mình trở nên khập khiễng khi nhớ về mảnh đời quá khứ vắng bóng người đã chia chung cả quãng đời thơ ấu. Giữa đêm trong lúc mơ màng, nghe tiếng chị gọi tên mình vang dội cả căn nhà " Em... ơi ", chữ " ơi " ngân vang thăm thẳm từ cửa chính, – hình như chị đang đứng ngoài đường gọi vào nhà, – vang qua nhà trước, rồi qua nhà vỏ cua rồi qua sân, len lỏi vào nhà chính và vọng đến tận nhà sau nơi tôi đang nằm – nhà xưa ở phố Hàng Đường dài và sâu hun hút, thuở nhỏ chạy từ nhà trước ra nhà sau là cả một hành trình ghê gớm – Tôi cố vùng dậy chạy ra sân để trả lời chị mà không sao nhấc thân lên được, tôi vùng vẫy dồn hết sức lực trong cổ họng để bật ra một tiếng " ơi " trả lời cho chị biết là tôi đang ở trong nhà, nhưng không thể nào phát ra một âm thanh nào, tôi nghe mình gào lên trong cổ họng tiếng " ơi " để tiếp hơi cho chị, hòng đưa một chút sinh khí của mình để chị có thể đi vào nhà, như khi cả lũ con gái trường Đồng Khánh trong giờ nghỉ ra chơi " U mọi " (5) chị đã hít hơi dài để " ù " qua phe bên kia cứu tôi đang bị ở tù mà không được tắt nghỉn nửa chừng. Tôi nghe mình ú ớ mỗi lúc càng dữ dội để kịp ra tín hiệu cho chị biết là tôi vẫn còn đó, cố mãi mà không thốt ra khỏi miệng một âm nào, tôi dẫy dụa, đập tay chân, cuối cùng bật lên được một tiếng thét và giựt mình tỉnh dậy...

Tiếng gà canh năm cũng vừa cất lên đâu đó mơ hồ vọng về... Có nối lại được gần nhau hai bờ âm dương cách trở, để ngày vui còn đọng lại trên ngọn sầu đông nở rộ một ngày xuân sau ?

Nhân ngày giỗ chị, tháng mười âm lịch 2002

THÁI KIM LAN

(1) Lấy ý từ ca dao Huế :" Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Linh Mụ cang gà Thọ Cương"

(2) Nốt ruồi, tiếng Huế nói : " mụt ruồi"

(3) Tiếng Huế : Túi = Tối

(4) " Trời mù sương như thế này, thế nào trưa nay mẹ cũng sẽ cho ăn cá nục chuối kho nước cho mà xem ! "

(5) " U mọi " : một trò chơi phổ biến tại các trường của Huế : người chơi được chia làm hai phe, đứng về hai phía, ở giữa gạch một lằn dài phân biệt hai vùng lãnh địa. Người phe bên này phải dùng hơi " ù " để vượt lằn biên giới qua bên kia, nếu đứt hơi ở bên lãnh địa của địch hoặc bị bên địch bắt lại đứt hơi, không thoát được là bị địch bt bỏ tù. Nếu không tắt hơi mà " đụng " hay " sờ " hoặc " kéo " được người của phe bên kia, chạy về lại lãnh địa của mình, thì kẻ bị " đụng " sẽ là tù nhân. Có thể cứu người của phe mình bị " ở tù " bằng cách " ù " qua bên lãnh địa phe địch, xông pha qua mấy tầng người chặn lại, chạy đến đụng vào người phe mình đang ở tù rồi vượt qua nhóm người của phe kia về lãnh địa của mình mà không đứt hơi, mới cứu được. Những người qua cứu tù thường cao lớn, mạnh mẽ, có hơi dài và chạy nhanh. Phe nào bỏ tù phe kia nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

Mai Ninh

Chim Khuyên Lựu Đỏ

Hai bàn tay mùm mụp, mặt lưng sậm đặc cà phê, mặt trong lòng hồng hồng như da chuột mới sinh. Hai bàn tay cầm hai con dao sắt nhỏ nhọn đầu, phình ra bầu bầu gần cán, mài cứa vào nhau không ngừng, lật lên lật xuống. Bà cụ hấp háy cặp mắt, cố dán vào màn ảnh truyền hình để xem con mụ đang mài dao ấy sẽ làm gì. Nhưng máy quay phim chỉ kéo từ con dao lên tới cái cổ núc ních mỡ, cũng sệt màu cà phê ấy, rồi thôi. Màn ảnh đổi ngay sang mấy khuôn mặt trắng trẻo của ông tây bà đầm áo thụng xúng xính, xì xào trong khung cảnh một phiên toà. Bao nhiêu năm ở xứ này, có mấy lần bà cụ ngồi nghe tin tức của đài truyền hình, huống chi là chăm chú, chúi mũi thế này đâu. Chẳng là vài hôm nay, kể từ khi con bé cháu trong nhà chửi đổng : "*Thật mọi rợ, khốn kiếp, mấy thằng đàn ông ích kỷ, mà mấy con mụ đàn bà cũng ngu quá thể*". Bà cụ ngạc nhiên nhướng tai hỏi nó chuyện gì. Con nhỏ thường ngày tuy ăn nói chẳng mấy dịu dàng nhưng nào đến nỗi cất miệng chửi thề như thế, liền bê cái đĩa đựng vài cọng khoai chiên và một khoanh trứng vàng ngồi xuống chiếc ghế cạnh bên. Nuốt xong một miếng, bất chợt nó hạ giọng, biết bà cụ nghễnh ngãng lắm nhưng hình như cái chuyện sắp nói ra cần phải thầm thì :

– Toà sắp xử mấy người Phi Châu.

– Tại sao ? họ vượt biên à ? vượt biên thì đem trả lại, việc gì phải xử, mà lên cả ti-vi. Mẹ mày cũng vượt biên đấy cháu ạ, đừng có chửi thề, phải tội.

– Ôi, không phải chuyện đó. Họ thiến con nít, mà con nít con gái bà à.

– Trời.

Nhưng con bé cháu mau quên, mấy bữa sau nó đi chơi luôn nên bà cụ một mình vào ra, chờ giờ tin tức. Chuyện quan trọng thế này hẳn nhiên họ phải kể cho rành rẽ, phải cho mọi người biết toà xử mấy cha mẹ Phi Châu ấy thế nào. À, tụi đàn ông xứ đó không chấp nhận cho giống cái được có cảm thú, ham muốn tình dục nên nghĩ ra phải thiến chúng. Mấy bà mẹ tuân lệnh tự mình thiến con, những đứa bé từ một hai tuổi trở đi, vì tin rằng đó là luật trời ngàn xưa. Nữa, bà cũng muốn biết thiến con gái là thiến làm sao. Hai lưỡi dao cong cong, đầu nhọn hoắt cạ xoèn xoẹt vào nhau, mài cho bén trước khi cắt. Cắt vào đâu ? Xoáy vào đâu ? Bà chợt rùng người, ấp vội tay vào chỗ rẽ hai chân, ấp thật chặt. Từ lâu rồi, bà không nhìn xuống thân thể mình, lâu lắm, xa lắm. Xa và heo hút như ngọn đèn lắc lư cuối con ngõ tối ấy, đã mấy mươi năm.

*

Cơn mưa dầm suốt mấy ngày càng xông mùi ẩm từ chăn chiếu trong căn phòng nhỏ. Mẹ nằm không bước ra ngoài, chẳng biết có ngủ được chút nào chăng. Chỉ thấy thỉnh thoảng tiếng sột soạt xuyên qua vách ván. Hẳn mẹ quơ tay tìm cây quạt nan hay cái túi vải đựng tiền giờ đã nhẹ bâng, bèo nhèo như bao tử rỗng của thây người đói. Ngồi nhặt những hạt sạn trong mớ gạo hẩm, tôi lắng nghe tiếng sóng. Nhưng mưa đập trên mái tôn trôi cả lời thì thào của biển. Không được ra nhìn sóng phủ dập rào rào, người tôi lụi xuống, nặng nề. Thằng em út lầm bầm :

– Tối nào chị cũng ra biển, không ở nhà chơi với em.

– Chơi gì. Anh Chương về mà em chưa làm bài xong là bị khõ vào đầu.

– Cứ đi đêm có ngày gặp cô hồn.

Tôi nghiêm mặt :

– Ai dậy em nói vậy.

Thằng Bá chỉ hất cằm về bức tường ngăn với căn hàng xóm, rồi rút cổ còng vai, chấm chấm cây bút vào lọ mực, nói nhỏ :

– Chị nhớ xin me mua vở mới cho em, gần hết giấy rồi. Ngòi bút nữa, đã toè hết cả.

Không đừng được, tôi đặt tay lên mái tóc mềm của nó, hai mọng mắt lại cay sè. Nhà bên kia có tiếng rít thuốc lào sòng sọc của ông cụ. Ông ta cũng đem vợ con từ bắc vào tới đây rồi dừng lại vì người vợ ngã bệnh đột ngột qua đời. Cô con gái duy nhất lớn hơn tôi hai tuổi thường đi khuya, khi trở về lắm lần cô nổi hứng, ngang nhiên huýt gió âm điệu chào cờ của Tây. Dạo sau này chêm thêm vài câu gì ê a ồm ồm. Thằng em bảo đó là bài hát Nhật Bản và chắc miệng thán phục, con gái mà biết huýt gió. Ông cụ động mở miệng là mắng chửi con, nên em tôi đứa nào cũng học đủ những lời lẽ ông dùng lắm khi thô tục. Mẹ chắc chẳng hiểu hết, mẹ hay cau mặt và khua khua tay ý bảo mấy đứa con đừng nghe. Thỉnh thoảng ra vào, đụng đầu ông cụ ở thềm cửa, mẹ lảng ngay vào nhà. Bà vẫn thế từ bao giờ, không giao thiệp chung đụng với ai ngoài gia đình và hai ba người đàn bà Trung Hoa, cùng xứ sở. Vốn tiếng Việt của bà là chừng ấy câu để vâng dạ hầu hạ bố mẹ chồng và vài ba lời với con sen của ông bà nội tôi thôi.

Căn nhà Chương tìm thuê được cho chúng tôi không có lấy chút đất đen để trồng nổi một tụm cây hay dăm cọng hành. Sân trước sân sau là một thứ sạn đập nhỏ. Mái tôn chông chênh chõ xuống suốt con đường bụi cát. Nhưng biển ở ngay bên kia, tôi chỉ cần chạy băng qua hai lần đường sắt, chui qua mấy lùm sậy là có thể ngả người trên nệm cát trắng như đường, óng ả lân tinh dưới mặt trời. Đêm có trăng, cát thênh thang huyền hoặc, một giải lụa bao la êm ả bọc tâm hồn tôi từ lâu nay quặn rối những âu lo. Tôi thèm hình ảnh ấy và nghe tiếng tàu lửa giục giã từ bắc xuống ngang đây, rồi đổ về thị trấn lúc gần khuya. Con tàu trườn đi đem theo mơ ước, không chỉ của tôi mà cả mẹ đến ba đứa em trai và hai con em gái. Bảy người ấp ủ một ngày leo lên con tàu tiếp tục xuôi nam. Mẹ nói vào tới đó sẽ có những người họ hàng di dân đồng hương của bà giúp đỡ cho chị em tôi gầy dựng cuộc sống. Tôi cũng sẽ tiếp tục đi học như các em, như thầy vẫn bảo. Mẹ hi vọng, mấy đứa em hăm hở mơ mộng vào tương lai mẹ đã vẽ ra dưới ánh sáng nhỏ nhoi ngọn đèn dầu, chúng tôi nằm rúc bên nhau nơi

căn phòng sau sân nhà ông bà nội buổi tối cuối cùng. Chỉ có tôi, đứa con gái đầu lòng của mẹ, cơ hồ bị xâm chiếm dần bởi nỗi vô vọng. Tôi chẳng biết mình làm gì, chờ đợi gì, từ cái đêm ấy ra đi lúc gà chưa giục sáng. Vừa lận bọc thư mà nhiều tờ nước mắt nhòe dấu mực vào túi chiếc áo cộc mặc trong, vừa xốc thằng em út lên lưng, đầu ngoẹo trên vai nó vẫn tiếp tục ngủ say. Chương đi đầu dẫn đường, dắt tay con em nhỏ, Đô và Phượng là đứa em gái kế dìu mẹ bước theo, tôi cõng Bá sau cùng men vòng con đường còn tối một màu đêm. Cứ vài bước tôi ngoái lại, không thể thấy rõ mái ngói ngôi nhà ông bà nội sau rặng tre rung gió xôn xao, nhưng ruột bị thắt rút từng chập, tôi bắt gặp mình thập thò gỡ tờ giấy giắt giữa những thân tre xanh lục. Qua đấy, cặp mắt một người cũng xanh mướt nhìn tôi. Những dòng nước mắt nhỏ xuống không ngừng trên tấm áo len và cả trên cái tay nải đeo trước ngực. Theo mẹ và em bỏ trốn ông bà nội ra đi, tôi biết sẽ chẳng bao giờ còn bắt gặp một ánh nhìn sâu đắm như thế nữa.

*

Cuộc hành trình lếch thếch bao nhiêu dặm, tàu thủy, đường bộ, đò dọc, đò ngang đẩy chúng tôi tới miền giữa đất nước này. Chưa vào đến trong nam, mới được hơn nửa đường nhưng buổi chiều ấy khi Chương đặt mẹ nằm xuống cái chõng, tôi gỡ băng vải bó chân mẹ ra rồi oà khóc. Mẹ đã mệt ngất người, nghiến răng xoay nhẹ hai bàn chân mưng lở. Những ngón nhỏ xíu quặp dính như dán vào nhau. Bà ú ớ câu gì chẳng nghe ra, bàn tay dài vuốt hờ mái tóc tôi. Bỗng dưng ngửng mặt lên, tôi đanh giọng, nói như ra lệnh :

– Mình ở lại đây, không đi nữa, cho đến ngày...

Thực ra tôi chẳng biết đến ngày nào, và có phải trong thâm tâm tôi vẫn còn chút mơ ước được quay về bên bụi tre vườn sau ấy để tìm dấu mắt vẫn mãi theo tôi, trong cả những cơn mơ. Chương chống tay ưỡn lưng nghiêng vẹo, mặt nhăn nhó bởi cái đau vì cõng mẹ bao ngày dài. Nó không nói gì, nhìn qua mấy đứa em đang bỏ nào túi nào tay nải, nào chiếu xuống nền đất trước sự săn đón của bà chủ quán nước bên bãi vắng. Những sợi tóc Chương bay lên trong ngọn gió đặc mùi biển tanh nồng lúc bụng cồn cào đói. Phút chốc tôi thấy khuôn mặt hai mươi hai tuổi đầu của nó già cỗi, rồi rùng người chẳng biết mặt mình hơn Chương một tuổi ra sao. Buổi tối hôm ấy, khi mẹ và các em đã ngủ, tôi đi xuống bờ biển, Chương bước theo. Hai chị em đứng đó, chẳng hiểu bao lâu. Con trăng nhoè nhoè mấp mé đầu bóng ngọn núi trước mặt đã vòng ra sau lưng khi bất ngờ Chương nói :

– Về thôi. Ngày mai chị xem me còn được bao nhiêu đưa em đi thuê chỗ ở. Em sẽ xin việc đi làm. Đừng khóc nữa.

Tôi nấc lên :

– Nhưng còn cái Tú Tài, thầy đã trối..

Chương gắt :

– Thầy nằm dưới đất thầy cũng phải biết ! Học nữa làm gì, với bằng thành chung cũng được lắm rồi.

*

Da ngăm hơn người Hà Nội bình thường, mắt một mí kéo xếch lần dài khi cười, người thâm thấp, nhưng cô con gái ông cụ có vẻ gì mềm mại đong đưa của mấy người đàn bà cặp kè với ông Tây mà một lần tan trường trời mưa trút nước, phải đứng trú dưới gốc cây tôi mới được quan sát kỹ. Cô đi khuya nên ban ngày ngủ trừ. Chiều rửa bát trông qua hàng rào sân sau, cô đang gác chân lên vại nước, tay cầm khăn lau suốt từ bàn chân lên tới bẹn, tóc rũ đen bóng. Mặt nâu rạm nhưng đùi hồng tròn trịa. Thoáng thấy tôi, cô cười cười bỏ ống quần xuống, lại sát hàng rào nói chõ sang :

– Chân đằng ấy dài nhỉ, trường túc bất chi lao. Nhưng tớ thấy đằng ấy cực thân lắm, hầu mẹ hầu em. Cái tướng cao cao đài các thế phải diện đẹp mới đáng.

Tôi ngập ngừng :

– Em cũng có áo lụa đẹp, nhưng giờ đâu mặc được nữa.

– Ừ, ăn còn chẳng đủ mặc làm gì.

Rồi cô chỉ bâng quơ về phía phố chợ :

– Bán đi, vào trong xóm ấy bán đi, khối đứa mua, được khối tiền. Mà áo cộc hay áo dài ?

– Áo Lemur.

– Lơ muya là áo gì ?

Tôi bật cười :

– Bố em may cho dịp Tết, áo dài Cát Tường Lemur nổi tiếng Hà Thành chị ạ.

– À... thế thì càng nên bán.

Có tiếng ông cụ ném ra từ thềm sân :

– Hừ, bán, bán cái chôn mày con ạ.

Tôi vội vàng lỉnh vào nhà, nhưng tối hôm ấy, không ra biển, lẳng lặng lục tìm cái làn mây. Lót giữa mấy lớp áo, chiếc áo dài lụa bạch tà viền những đường *feston* cong cong mềm mại, óng như ánh trăng trên mặt biển.

Lần Tết ấy, tôi hai mươi, bố về sớm hơn mọi năm, không đem theo bà vợ chính thức do ông bà tôi cưới hỏi sau này. Bố đưa cho tôi một gói tiền bảo dẫn theo Phượng năm đó mười sáu tuổi đến địa chỉ một người đàn bà ở phố nhà Chung. Tôi không bao giờ biết quan hệ giữa họ ra sao, nhưng ngưỡng mộ sự lịch thiệp dịu dàng và nhất là con mắt tuổi ấy còn trong, đầy thương cảm mà thẳng thắn của bà ta. Hai chị em đi theo đến hiệu may, con Phượng chỉ thấy cửa hiệu và những hàng vải tươi thắm là rụt người không dám bước vào. Hôm trở lại thử áo lần cuối, hai chị em nhìn nhau trong gương ngỡ ngàng, rồi cùng cười bẽn lẽn, sung sướng. Đấy cũng là lần đầu tiên tôi ý thức được nhân dáng của mình cùng cái đẹp của hai vành môi đầy con em gái, và cả cái tuổi mười sáu rạng rỡ này. Ông chủ hiệu ngắm nghía, tấm tắc tự khen đã khéo chọn loại tơ Hồng Kông mới sang, đứng áo hơn lụa ta. Người đàn bà quen bố giúp cài khuy, vuốt thẳng tà áo, hai tay giữ ngang eo tôi xoay một vòng trầm trồ :

– Cái mã này khối đứa chết, hai mươi rồi, lấy chồng đi con ạ. Rồi chép miệng : Đàn bà con gái chỉ có một thời, mày cứ ở nhà với mẹ đến bao giờ.

Tôi ngẩn ra, bà ta là ai, sao biết rõ về tôi như thế ? Mới hôm nọ, ngày giỗ cụ, một ông bạn đến chơi nhà, cũng làm quan với bố nhưng ngoài đời lại sống như Tây, áo vét, gi– lê,

cà vạt, trong khi bố vẫn áo đoạn đen rơi trên đầu gối. Ông vào lúc ba chị em tôi đang đồng nhau đứng lạy trước ban thờ, bố giới thiệu, ông ta bật kêu :

– Ôi chao, lớn thế rồi. Xong điệu bộ nghiêng người : – Chào " *Les trois grâces* " (*) !

Nhược, con em gái nhỏ bấy giờ mới hơn mười tự nhiên quay lại hỏi :

– *Les trois grâces* là gì hở thầy ?

Cả hai ông cùng bật cười trong khi bà vợ chú tôi đang ngồi gần đấy với hai đứa con gái mũi dãi trên đùi nguýt một đường dài : '' Tây với u''.

Bà nội trong phòng đi ra, cuốn tròn hai chân trên mặt gụ đen bóng, với cơi trầu, nhanh nhảu :

– Ấy, quan bảo, lớn thế rồi mà bảo gả chồng cho nó, vẫn chưa nghe.

Bà liếc về phiá mẹ tôi đang chúc đầu vào tủ, lôi ra chồng bát chiết-iêu để sắp sửa bày cỗ, giọng đay nghiến :

– Cứ giữ nó kèm kẹp để thành gái già nay mai.

Tôi muốn quay sang đáp lại rằng mẹ không can dự gì, chỉ có tôi xin bố cho được ở nhà trông em thay mẹ. Nhưng bắt gặp cái nhìn nghiêm nghị của ông, đành nín thinh.

Chiều mùng ba Tết, mưa phùn suốt tháng chạp đã ngưng từ đêm trước, mảng trời xanh lơ như lạc về tự ngọn núi nào xa thẳm. Gió bấc bỗng nhiên tha tội cho những cành lá xuân non. Sau khi đã cúng hoá vàng, bố tôi bảo ba chị em mặc áo mới, ông dẫn đi chụp ảnh. Đó là buổi chiều tôi gặp được ánh mắt trong sâu duy nhất một đời. Khi bước ra khỏi hiệu chụp hình, nắng ấm lay động không gian. Vắt chiếc áo bông lên cánh tay, nâng nhẹ tà áo dài mềm như mặt nước, tôi có cảm tưởng bị quan sát. Bên kia bờ đường một thanh niên diện âu phục trắng đang đứng trước quầy thuốc lá. ánh mắt anh chàng đã đâm xoáy vào đồng tử trước khi tôi kịp cúi gằm trên mớ xác pháo đỏ hồng, đã theo gió tụm vào bờ hè xanh từng viên đá. Đường mũi thẳng, khoé miệng xếch lên mỉm cười tinh nghịch, có gì như chế diễu. Bố giục anh xe đưa ba chị em về nhà, ông phải quay lại với bà vợ và hai con ở nơi ông trấn nhiệm. Nếu là mọi lần, tôi đã cồn lên nỗi gì vừa tủi vừa giận hờn, nhưng hôm nay chắc trời xanh hanh nắng, rưng hồn tôi xao xuyến. Hay vì tôi kịp thấy người thanh niên vội lên xe, đạp theo xa xa. Tôi luống cuống dí cả gót đôi guốc quai cườm Phi Mã thanh mảnh lên chân con em ngồi cạnh. Nó hét lên, thụi vào cạnh sườn mà tôi chỉ ngẩn ngơ, không phản ứng. Hôm bố đưa cho tấm ảnh một mình đứng dựa giàn hoa lủng lẳng những chùm nho giả tím mọng, tôi nôn nao gói ghém kỹ lưỡng trong tờ giấy, đợi khi những ngọn đèn đã tắt, men ra vườn sau, cài vào cành tre và gỡ lấy một phong thư để sẵn.

*

Từ buổi cô hàng xóm chỉ vẽ sân sau, ngày nào tôi cũng nghĩ đến chiếc áo, bỗng nhiên nó ám ảnh tôi như lòng mắt thiết tha ấy, mà càng nhớ thương tôi càng thấy mình rơi vào đáy sâu vô tận của nó, vì nhận biết rằng sinh ly đã là tử biệt. Tôi cũng nghĩ tới mấy con ngõ nhỏ khuất sau ngôi chợ chính. Ban ngày thảng hoặc tôi có qua đấy đôi lần, dãy nhà phố trệt, leo heo hai ba giàn hoa giấy trèo lên vài căn có gác cửa im ỉm khép. Lúc đầu tôi ngạc nhiên không hiểu vì sao ở đây ít người già và con nít như mọi nơi, cho tới khi cô con gái hàng xóm hinh hích to nhỏ vào tai làm tôi đỏ mặt. Cô bảo muốn nghe nhạc Tây, nhạc Nhật hay cả nhạc Tàu thì cứ đến đấy sau khi mặt trời đã nằm trong biển. Nhưng lúc ấy, tôi nào màng điều gì khác hơn là chạy xuống bờ cát. Chân trời mờ tối thật xa, lẩn sau một màn sương tím, mặt nước trong đêm sóng sánh vỗ về nhưng lại muôn trùng một niềm tuyệt vọng.

Có lẽ dù bị nao núng bởi hình ảnh số tiền lớn có thể bỏ vào cái hầu bao của mẹ giờ thắt gọn thành một nùi giẻ vô tích sự, tôi sẽ không bao giờ có can đảm men đến khu chợ ấy về đêm như đêm nay, nếu buổi chiều tôi không bắt gặp Chương đăm đăm, hai tay bóp nắn thái dương rồi gục mặt. Chương ngồi xẹp bên chái nhà, giữa tràng ho cứa cổ của mẹ từ cả tháng nay. Đường nhà tôi lên phố chỉ mờ mờ vài ánh đèn hắt ra từ mấy căn nhà chưa đóng cửa. Một hai cửa hiệu bán bánh trái vụn vặt và thuốc lá lẻ, vài gia đình đốt nhang muỗi bắc ghế hóng gió từ bên bãi thổi sang. Họ có thấy rõ tôi đâu, họ cũng chẳng biết tôi là ai. Tôi thường ít ra đường, loanh quanh cái chợ lẹp xẹp họp sau nhà, quanh quẩn chăm sóc mẹ và nấu cơm cho em. Thế nhưng, gói giấy lận trong chiếc áo rộng, cặp chặt vào nách, tôi cúi đầu, lủi đi như một con chuột chạy luồn qua những mảnh sân ẩm ướt tối.

Cứ ngỡ khác hẳn dãy nhà ven đường rầy mù mờ của mình, trung tâm phố chỗ nào cũng phải sáng ánh đèn. Không, khi tới sau viền chợ, nhìn vào mấy con đường nhỏ ban ngày đã có lần đi qua cho biết, tôi hụt hẫng. Chỉ hai cột đèn ở đầu đường rọi bóng khẳng khiu, cửa các căn nhà vẫn đóng. Giàn hoa giấy, sợi trầu bà liu điu phiền muộn, nhạt nhoà trong những lần sáng lọt qua liếp cửa. Mãi lúc bước hẳn vào con đường tôi mới giật mình bởi đủ thứ tiếng nhạc, tiếng nói, tiếng cười lẫn lộn. Thỉnh thoảng có cả giọng hát nghêu ngao như cô hàng xóm và tiếng hét oai oái, bỡn cợt. Sợ hãi tôi định quay lui, bỗng kèn kẹt, một người đàn bà son phấn, tóc phi dê, xô một ông Tây ra khỏi cánh cửa vừa mở. Tên Tây nặc mùi rượu, suýt đâm vào tôi nhưng kịp đứng dậy chửi mẹc mẹc rồi chập choạng bước đi. Thoáng thấy bóng tôi nép một bên, cô ta hỏi là ai, muốn đến làm ăn hả. Bấy giờ trực nhớ, tôi rút gói giấy trong người, giở ra trước cặp mắt mở to chiêm ngưỡng của người đàn bà. Những đoá cúc vàng thêu trên tơ vân sáng rưng lên, dù ngọn đèn căn nhà ấy chưa đủ hắt ra được nửa con đường hẹp. Rũ tung chiếc áo, xoay trước xoay sau, rít lên từng tiếng trầm trồ chu choa, người đàn bà không chờ đợi, vén tà áo bà ba hồng mỏng tanh, thò tay vào lưng tấm quần trắng lôi ra một cuộn giấy tiền. Trong khi cô đếm đếm, không hiểu sao đầu tôi như đeo chì, mắt dán vào hai đầu vú đen to như hai đồng tiền bèn bẹt trên bầu ngực ngộn nghẽn, muốn đứt tung hàng cúc bấm. Cầm chặt mớ tiền, chẳng biết là bao nhưng chắc nhiều hơn mình tưởng, tôi bước đi như chạy, quên cả trở ngược về, xuôi theo quãng đường còn đọng nước sau mấy ngày mưa. Chợt huỳnh huỵch chân người đằng sau, tôi chưa kịp quay lại thì đã bị đẩy nhào vào một bờ rào. Bóng đàn ông lướt qua, giựt mạnh nắm tiền trong tay tôi rồi lủi vào con ngõ băng ngang gần đấy. Tôi thất thanh kêu, nào có ai nghe. Nghiêng vẹo đứng dậy giữa đường, hổn hển thở. Tất cả những cánh cửa vẫn đóng như

không có sự gì xảy ra. Và sau những cánh cửa ấy, tiếng động bây giờ bung bung dữ dội không thể nào tả nổi. Âm ầm, thình thình, choang choang, rú, rít, xoay như giông gió âm hồn quanh tôi.

Chõm đầu tên đàn ông chỉ đến ngang viền mắt, nên đường ngôi chẻ giữa của hắn vạch thẳng ngay tầm nhìn. Hắn hì hục một tay tháo gỡ lưng quần, một tay bóp chặt ngực tôi, đầu đập vào đó hít từng chập. Trốn tránh lần da đầu trắng hếu trước mắt, tôi nhìn ra xa, con ngõ cụt lồi lõm những vũng nước càng heo hút, đầu đằng kia có mỗi bóng đèn ai treo lay lứt ngoài hiên. Quần rơi xuống đất, hắn kiễng chân lên, hai bàn tay ghì chặt kéo dang hai đùi tôi ra, cả người đè sát lưng tôi vào vách tường căn nhà cuối, hào hển vừa dúi vừa thốc mạnh vào bụng tôi. Bật một tiếng kêu xé, đâm thủng vòm trời nhung đêm xanh mướt trinh nguyên, tôi đứng thở. Nhắm nghiền mắt, mím chặt miệng nhưng cặp môi dầy nhẫy nước của hắn không ngừng bôi be bét từ cổ lên đầu mũi. Hắn ta tụt xuống rồi rướn lên, tôi cắn răng nhịn đau, người lạnh ngắt, nhưng vẫn ngạc nhiên, không hiểu sao gã Nhật thấp lùn cuống cuồng vật vã thật lạ lùng. Cuối cùng, cũng chẳng bao lâu, hắn ực một tiếng như bất thần bị dao đâm lút vào lưng, hàm răng nghiến một miếng vào bầu ngực tôi. Bấy giờ tôi hét lên lấy hết sức xô hắn ra. Rơi bệt xuống mặt đất như một khối thịt, mắt còn thao láo ngửng nhìn, miệng mấp máy : " Con gái đẹp... ". Xốc xong áo quần, tôi giựt thật nhanh những tờ giấy tiền hắn cầm giữa mấy ngón tay tròn ngủn.

Tôi không biết mình đã chạy hay lết, nhưng khi về đến trước căn nhà tối om đèn đóm, tôi mới đứng lại, sờ lên cánh tay gò má, cảm thấy một thứ gì như cát như sáp áp dính trên da. Bụng dưới xót buốt, tôi luồn tay vào trong quần, rờ rẫm hai bên đùi, chất keo nhờn bợn làm kinh hãi. Vội vàng nhét nắm tiền dưới kẹt cửa, tôi vùng chạy thẳng qua bên kia đường sắt, để nguyên quần áo lao vào nước. Khi trồi lên, cảm giác rát bỏng càng cứa vào da thịt, nhưng nhìn ra xa, mảnh trăng thượng tuần đã lên đang trải lung linh màn lụa trên mặt biển thì hồn tôi đắm xuống. Cơn đau thân xác này là để đền bù số tiền bán áo đã bị cướp. Thất thểu bước đi, những giọt lệ lọt vào giữa môi mặn đắng hơn bao giờ. Tưởng tượng đến gương mặt Chương sáng mai khi tôi nói rằng cái vòng ngọc cuối cùng của mẹ đem bán đã bị giật mất rồi. Lấy tiền đâu cho nó mua bộ áo quần tươm tất để trình diện quan Tỉnh, với hi vọng ông ta sẽ giới thiệu Chương vào làm một hãng buôn Tây. Không thể nói với Chương mình bán áo, nó sẽ hỏi bán cho ai, nơi nào. Tôi đi lang bang từ con đường này vào con ngõ nọ, bao hình ảnh chớp bưng bưng nhức buốt trong đầu. Khuôn ngực gầy lép của mẹ cứ chực vỡ ra trong mỗi cơn ho, tựa một sườn nhà gỗ mục chông chênh lỏng lẻo chỉ cần cơn gió tới là sụp đổ. Nét mặt nhăn nhó của mấy đứa em kêu thiếu vở, thiếu mực. Thế rồi, gã đàn ông hiện ra chẳng biết từ ngóc ngách tối tăm nào. Hắn đi sát bên cạnh, tôi né ra, nhưng giọng hắn nho nhỏ, điềm tĩnh không chút doạ nạt, vài câu tiếng Việt chập choạng ngô nghê, nhưng tôi đủ hiểu. Định cất chân chạy nhưng hắn đã chắn ngang trước mặt, móc túi quần xoè ra một nắm giấy bạc. Trong bóng tối mà sao màu giấy bỗng sáng rỡ quyến rũ vô cùng. Tôi nhắm mắt lại, và hắn đẩy tôi vào vách căn nhà ấy.

Giờ tôi cũng đang nhắm mắt, thả người lềnh bềnh trên mặt nước. Mới hôm qua tôi còn mơ ước giá được biển đưa về phương bắc, tìm lại cảm giác mơn man của một lưng bàn tay đã âu yếm khẽ vuốt lên gò má tôi nhè nhẹ trong đôi lần gặp gỡ vội vàng. Vậy mà lúc này đầu tôi, tim tôi hoàn toàn trống rỗng. Không còn hình ảnh gì, chẳng còn sức nặng nào, nước đang chờn vờn rửa sạch thân thể giùm tôi, tôi chẳng dám đụng sờ đến nó. Trôi đi, trôi đi và ra khơi. Bây giờ hư vô, vĩnh hằng và cứu rỗi là chân trời tím ngoài xa kia. Tôi sẽ đến chỗ không giới hạn đó, vì chỉ còn nơi ấy dung chứa linh hồn tôi. Nhưng có cánh tay ai níu lại, tiếng gọi chị thất thanh. Hai con mắt to hoảng của Bá sát ngay mặt. Hình như tôi đã mỉm cười với thằng bé. Hai chị em loi ngoi đi vào bờ, Bá nói ngây thơ :

– Em nằm đợi chị mãi, sốt cả ruột. Sao hôm nay chị ở biển lâu thế. Em chưa thấy chị làm ván nổi bao giờ nên sợ quá.

*

Ngày Chương đem về đưa mẹ món tiền lương đầu tiên, bà cầm lấy rồi dúi ngay vào tay tôi. Thằng Bá đang ngồi quạt cho mẹ sáng mắt lên, nhảy lưng tưng theo chân anh ra đứng ngoài thềm nắng, nói huyên thuyên. Dáng Chương thanh mảnh mà có gì hiu hắt, chúng tôi đều giống mẹ dong dỏng cao. Gió buổi chiều phất những bụi lau lẫn trong cát, bay khắp con đường. Chạy xuống sân sau, tôi dựa vào tấm phên ngăn thành phòng tắm. Nhiều ngày rồi linh hồn tôi trơ trơ, không còn cảm xúc, bây giờ nước mắt mới lại trào ra. Chương đã đến bên tự lúc nào, nó đưa hai bàn tay ôm xoay gương mặt tôi lại, nói như bao lần :

– Đừng khóc nữa. Một ngày mình sẽ lên tàu vào Nam.

Cảm giác bàn tay đàn ông chạm vào da mặt khiến tôi rùng mình, hất tay Chương. May nó không để ý, rút chiếc khăn trong túi thấm nhè nhẹ. Tôi ngượng, đáp mơ hồ :

– Chị khóc vì mừng.

Từ đấy dường như nước mắt tôi chỉ còn dành cho những lần tang chế đau thương. Mà trong mấy mươi năm đi qua, từ xuân xanh dòng tóc đến bây giờ xác xơ mái bạc, những cái chết như thế này nhiều lắm, vắt cạn, không ngờ. Tôi vẫn thường ra bãi khi chiều tối. Biển là tri âm, tôi không cần nói nhưng biển đã nghe, chẳng vặn vẹo, hỏi han, tra vấn, không trả lời mà đáp lại bằng lời rì rào ru vỗ. Càng ngày tôi càng bị quyến rũ bởi tiếng còi tàu, nhất là chuyến về qua đây trong đêm tối. Tia lửa lóe ra từ lò than cháy đỏ chập chờn từ xa, phút chốc đến gần như ước mơ lên đường ánh hiện. Mẹ cứ nhắc nhở mấy đứa em trai phải được học đến nơi, Chương ít nhất phải thi Tú Tài như thầy trăn trối. Tôi vẫn không hiểu tình yêu người tiểu thư Trung Hoa ấy cho bố mãnh liệt đến chừng nào để nhận chịu một số phận trêu ngươi, và cũng chẳng biết rõ vì sao chưa mãn tang chồng bà đã nhất quyết đem con ra đi dù hẳn biết con đường gian khổ.

*

Chúng tôi lên tàu ba năm sau, mẹ tạm khỏi bệnh và hai bàn chân đã lành, nhưng bà tiếp tục đòi bó lại. Bà sinh động hẳn lên khi vào tới cái thành phố đường rộng thênh thang, những cây me tán điệp thay cho hàng sấu và phượng thân quen. Chẳng lâu sau, mấy người Trung Hoa quen biết đến tận căn

nhà vách gỗ ngoại biên, đem gia đình tôi về một khu vực tập trung nhiều người đồng chủng của mẹ. Năm sau Chương thi đỗ, tìm ra việc lương cao nhưng lúc nào cũng đăm chiêu, càng ít nói. Đô bắt đầu đứng trước gương chải đầu bóng mượt trước khi ra đường. Bá cao hẳn lên, tinh nghịch, thông minh như bao giờ. Con em út được mẹ chìu nhất, ai cũng bảo Nhược khó tính và đỏng đảnh. Đứa em gái kế ngày một rực rỡ không khác màu hoa nó mang tên, Phượng không chịu đi học nữa, kêu rằng đã học hơn tôi là đủ. Nó bắt đầu ra ngoài nhiều, giao thiệp bạn bè, tiếng Tây, tiếng Tàu liếng thoắng, ca hát suốt ngày. Mẹ được giúp vốn mở cửa hàng tơ lụa. Bà đi đứng cầm chừng, chỉ để mắt trông nom. Phượng đảm đương giúp mẹ, càng có dịp phô trương tài ăn nói và sắc đẹp dương xuân của cô thiếu nữ Bắc–Hà trong vải vóc óng ả tươi thắm. Nó giục Chương lấy vợ, giục mẹ gả chồng cho tôi. Chương nhận lời lấy một cô gái miền nam chân chất, nhưng có con đầu lòng mà Chương vẫn chênh chao vẻ người thất lạc. Mẹ thở dài khi tôi ba lần từ chối lời cầu hôn. Đôi khi tưởng tượng ra phản ứng của mấy người đàn ông xin cưới đêm tân hôn tôi chỉ thấy hồn mình hoang trống. Nhưng tôi sợ đối diện với đôi mắt xuyên qua cành lá tre xanh, may thay dần dần nó dường như đã cố tình hút đi vào một mơ hồ xa thẳm.

Con Phượng nghi ngờ dò hỏi. Một hôm tôi đang thay áo, nó đẩy cửa vào, không ngượng ngùng kéo tôi ra trước tấm gương :

– Nhìn cái ngực chị kìa, nó vểnh lên, nó đòi sống đó. Chị biết gần ba mươi rồi không ? Chị lấy chồng đi, đừng cản đường em chứ.

Tôi hốt hoảng, sợ nó nhìn thấy vết răng tên Nhật năm nào, cuống quít che tay. Con bé nửa bực bội, nửa hối hận bỏ ra ngoài, tôi buồn bã nằm xẹp xuống giường nhưng không khóc. Ngó qua cửa sổ, hàng ngói cũ ngôi nhà bên kia vẫn xếp lớp im lìm, câm nín. Dù đã có những ngày nắng cũng biết làm rực sáng màu rêu, dù bao lần tôi đứng lặng nhìn tia mưa nhảy nhót không ngừng. Đúng thế, sự sống vẫn bật lên, nôn nả bắn tung những bong bóng nước trong suốt. Sự sống vẫn chờn vờn trước mắt tôi, trên thân hình uốn cong đầy đặn nổi chìm của con em. Tối tối, tôi nằm trong màn, tưởng tôi ngủ nó chẳng ngại ngùng tuột quần áo thản nhiên, vặn vẹo người rồi xoay theo một điệu nhảy đầm tưởng tượng. Không dám soi thân thể mình trong gương, không cả nhìn khi tắm, nhưng lúc bắt gặp hai trái ngực con em vun lên mịn màng nây nẩy dưới tia trăng chếch qua cửa sổ, tôi xoáy mắt đăm đăm. Nó cứ bảo, nếu chị chẳng là thân sậy khô thì căn cốt hẳn phải là sư nữ. Nó biết đâu rằng vòng bụng, cặp đùi nó càng chuyển động mềm mại bao nhiêu trong bóng trăng thì thân thể tôi càng dính cứng trên chiếc giường. Trí óc bắt thân xác tôi bất động như đá nhưng nó nào tê liệt. Gò ngực cương nhức, cặp đùi co giật, tim đập liên hồi, hai đường gân thái dương nhấp nhổm. Tôi gồng người chịu đựng cơn sốt dậy lên từ từng vùng cảm xúc lận bên trong. Nhưng đồng thời chịu cả cái đau chí mạng của mũi dao vạch thủng màng lụa trời sâu thẳm mong manh đêm ấy. Cũng may, sau cùng tôi thiếp đi với một mặt biển lao xao sóng vỗ. Để lúc tỉnh dậy lại bàng hoàng. Có những khoảng trong ký ức, dẫu thật dài và quan trọng trong đời vẫn không hiểu tại sao lọt khỏi trí nhớ như một lần dao đã chém ngang, chặt đứt, hất băng ra ngoài bộ não. Nhưng cũng chẳng biết vì sao có điều nhất quyết phải quên đi thì con người lại không làm nổi sự tẩy uế đó. Trong lớp sương khi loãng tan lúc dầy đặc, tôi tìm kiếm, xua đuổi, chụp với, trốn chạy mệt nhoài. Có cơn mơ tôi thấy mình ngồi trên bãi cát dưới một mặt trời rực đỏ. Tia sáng nhọn sắc, nóng bỏng, chiếu xoáy cho đến lúc không chịu thấu, tôi ngã gục thì nó dịu xuống, thu gọn thành một ánh xanh huyền ảo, cuốn rút lên trời rồi đọng lại thành một đốm sao xa tít. Từ buổi đó, đôi mắt năm xưa thỉnh thoảng trở về nhưng chỉ còn mang mang một nỗi ngậm ngùi. Năm tháng qua, tôi cặm cụi ngồi thêu trong sân nắng, hai con chim khuyên quen chốn, thường về nhảy chiu chíu trên cành lựu. Hoa rưng rưng mở ra ấp lại, đỏ hoang vết máu.

*

Hai thằng con trai tóc bờm thò đầu ra cửa kính xe nài nỉ : " Mày nhất định về sao ? Cái disco mới gần đây *hot* (**) lắm, thêm một tiếng đồng hồ nữa đi ! ". Con bé lắc đầu. Đèn đường chiếu trắng nuột cánh tay con nhỏ bạn kia đưa ra vẫy vẫy. Chiếc xe ồn ào phóng vọt đi trong khi nó vội vã lục tìm chùm chìa khóa trong túi xách, vừa lẩm bẩm : " Ái cha, hơn một giờ rồi, thế nào cũng bị chửi ". Đứng đợi chiếc thang máy hạ xuống từ tầng thứ sáu, tự dưng nó sốt ruột. Thực sự con bé mười bảy có sợ gì bà cụ rầy la, thường chưa thấy nó về là bà lo lắng không ngủ. Nó sợ chi, bà chỉ là người chị gái già của bà ngoại, không chồng không con nên theo mẹ sang đây. Mẹ đổi việc đi xa, nó chẳng chịu theo, làm sao có thể rời bỏ cái nôi Paris đầy sự sống và đám bạn bè thân thuộc này để về một tỉnh nhỏ ngu ngơ. Bà cụ tình nguyện ở lại với nó cho mẹ yên lòng. Hơn tám mươi vẫn còn ra vào nấu nướng, dù dạo sau hay bất thường kêu mệt. Bà không đi ra ngoài, ở miết trên lầu cao. Vào tuổi này mà sạch sẽ vô cùng, giữa mùa đông, tuyết trắng bông lạnh cóng vẫn tự tắm rửa mỗi ngày, chẳng để ai đụng đến người mình. Mấy lần bà cảm nặng, mẹ đòi thoa dầu bà cũng không cho. Gọi bác sĩ, bà đuổi hai mẹ con ra ngoài bảo rằng đã học đủ chữ Tây từ ngày xưa để khai bệnh.

Thang máy ngừng, con bé tra chìa khoa, vừa xoay vừa cố đừng gây tiếng động. Không ngờ đèn trong phòng khách còn hắt ra. Nó gọi :

– Bà chưa ngủ hả ? Con đã nói trước bữa nay về trễ rồi mà.

Chẳng có ai đáp, tiếng gì rè rè như muỗi như ong. Con bé bước nhanh vào, sững người trước cảnh tượng. Bà cụ ngồi ở ghế bành gần cửa sổ, đêm xanh đầy sao. Trước mặt là màn ảnh truyền hình đã hết chương trình chưa tắt, những lằn trắng đen nhảy nhóa. Nó lạ lùng nhìn hai bàn tay dài chụp lên nhau, đặt đúng chỗ giữa vùng chân dạng ra, vải gấm sa–tanh đen nhánh. Mấy ngón cong quíu, nửa như cào cấu nửa đậy điệm che giữ. Đầu tóc trắng phơ lệch nghiêng trên lưng ghế, có những rọc sợi sổ dài đang cuốn bay về hướng cửa.

Mai Ninh

_____

(*) Ba nữ thần kiều diễm, con Trời : Aglaé, Euphrosyne và Thalie, nhân cách hoá mùa xuân, sự duyên dáng và sắc đẹp trong huyền thoại tây phương.

(**) nóng, sôi động.

Nguyên Xuân

PHẠM HẢI ANH

– Mình cố gắng nhịn đến sáng mai được không ?

Ông đeo kính hỏi, mắt thất thần nhìn gương mặt méo mó đẫm mồ hôi của vợ. Bà đỡ gắt :

– Đau đẻ còn chờ sáng giăng. Đàn ông đàn ang mò vào đây làm gì ?

Ông đeo kính cum cúp đi. Đứng ngoài hành lang, chốc chốc thót người nghe tiếng rên la từ trong phòng đẻ vọng ra. Khi tia nắng đầu ngày chọc xiên qua lớp mây đông thì có tiếng trẻ con oe lên. Ông đeo kính nhảy chồm sung sướng:

– Nhịn được rồi ! Ra rồi !

Con bé được đặt tên là Nguyên Xuân. Bố mẹ đã đồng loã dành cho nó một ngày sinh đặc biệt : mùng một tháng một. Phía trước nó là một năm mới tinh khôi với nguyên vẹn mùa xuân.

Ở nhà thì Nguyên Xuân được gọi là Nhịn, có lẽ để vinh danh thành tích nhịn đẻ ba mươi sáu tiếng của mẹ. Nhịn được dạy dỗ rằng ở đời, có nhịn thì nên. Sau này Nhịn được biết thêm rằng nhịn nhà mình là gia giáo thâm thuý lắm chứ không phải nhịn bừa bãi vô tổ chức. Như mấy ông bà nhà quê dở buổi làm đồng nhịn dành cứt về nhà bón cây, đấy là thói nhịn tiểu nông. Hay như cô Dự hàng xóm, chồng say đánh ngày ba bận, nuốt nước mắt cắm mặt nuôi con, ấy là thứ nhịn đàn bà ngu muội. Nhịn nhà mình đây có chữ thờ đàng hoàng, nét mực Tàu đen xì, nền giấy ố vàng, đồ cổ xịn. Nghe bảo cụ tổ làm quan to, cuối đời ngẫm nghĩ, viết ra độc chữ ấy truyền lại cho con cháu. Cả họ thờ chữ ấy mấy đời, đến đời bố thì cuộn lại, sợ tàn tích phong kiến. Mấy năm sau này, bố lục đục lấy ra, treo lên. Đứng giữa cửa ngắm nghía, bố lớn giọng bảo chúng nó có sắm sa lông, cúp kiếc, giàn karaôkê ôkiếc gì gì thì được chứ đừng hòng sắm nổi truyền thống. Một chữ này của nhà mình, đố thằng trọc phú nào mua nổi. Nhịn hỏi đấy là chữ gì hả bố. Bố cũng không rõ lắm, chắc là chữ " Nguyễn ", họ nhà mình.

– Tao học chữ Tây chứ có học chữ Nho đâu. Để hỏi lại xem.

Bố đi hỏi khắp nơi, hoá ra đấy là chữ " Nhẫn ". Bộ " đao " đứng trên bộ " tâm ", " nhẫn " ý như cầm dao cắt gọt con tim nông nổi của mình, nhẫn nhục nuôi chí lớn. Bố vỗ đùi đánh đét, công nhận các cụ thâm thật. Chữ này phải lồng khung kính mà treo mới xứng. Nhưng hỏi giá mấy nơi làm khung đắt quá, mẹ cằn nhằn phí tiền, bố và chữ " nhẫn " đành chờ. Buổi trưa, Nhịn nằm ngọ nguậy trên giường, tay bị bố giữ chặt. Giá được đi chơi thì thích hơn nhưng bố bắt Nhịn phải ngủ trưa để lấy sức chiều học tiếp. Nhịn he hé mắt đếm những vệt cứt ruồi bám trên tờ chữ gia bảo, nhiều quá, lần nào cũng đếm dở dang là ngủ mất.

Gương mặt bố mẹ rạng rỡ tự hào khi đón Nguyên Xuân vào nhà mới. Từ lúc ở nước ngoài, Xuân đã được xem ảnh, nhưng thực tế vẫn làm choáng váng. Cái nhà ba tầng đồ sộ, mái củ tỏi Nghìn lẻ một đêm, cột chống Hi lạp, phòng ốc kiểu Tây nhưng trang trí nội thất Á Đông. Bàn ghế, tủ chè nhất loạt thửa từ Đồng Kỵ, gỗ gụ đen khảm trai óng ánh, tưng bừng những chim những hoa.

– Con thấy thế nào ? – Bố mẹ đồng thanh hỏi.

– Đẹp lắm ạ.

Xuân đáp, đưa mắt khắp phòng cố tìm một vật dụng quen thuộc.

– Bức thư pháp " Nhẫn " đâu hả bố ?

– Treo cái này hay hơn chứ ! – Bố chỉ tay vào bức thêu to bằng cái mâm treo cạnh tủ thờ, chữ " Phúc " vàng trên nền kim tuyến đỏ lấp lánh.

– Chữ này lộn ngược – Xuân nhận xét.

Bố đắc ý :

– Ăn nhau ở cái lộn ngược ấy đấy ! Phúc lộn ngược là " Phúc đảo ", đồng âm với " Phúc đáo ", là " phúc đến ", gọi phúc lộc đến nhà mình. Từ hôm treo nó lên, bố mẹ bán nhà cũ được giá, mua đất cát cũng gặp thời nên mới lên được cơ ngơi này đấy con ạ.

Ngày thứ hai, Xuân chắp tay sau lưng, đứng xa ngắm nghía cái nhà, càng ngắm càng tự hỏi sao lại củ tỏi, sao lại vôi hồng, sao lại cửa sổ xanh lá cây. Mẹ giải thích :

– Bố mẹ già rồi, mua nhà xây sẵn cho tiện. Mái củ tỏi hết mốt nên được giảm giá. Củ tỏi trên mái, mình trong nhà, có phải nhìn đâu mà sợ. Kệ thiên hạ.

Ngày thứ ba, Xuân đi vòng quanh nhà, cố không bình luận về tranh thảm Ba tư, chùm đèn thủy tinh mạ vàng sáng choé, nhưng không nhịn được lại hỏi :

– Cái tượng kia ai tặng nhà mình ?

Bức tượng nàng tiên cá đứng ưỡn vú dưới chữ Phúc lộn ngược. Bố tự hào :

– Bố mua từ tận Đà Nẵng đấy. Đá trắng nguyên khối quý lắm, ai cũng phải khen.

Nàng tiên cá tự biết mình trắng đẹp, ngoảnh mông vào ông Lộc bụng phệ tay nâng thoi vàng miệng cười hể hả. Cạnh ông này là ông Lã Vọng cù rù ngồi câu cá trên hòn non bộ xi măng, một anh nông phu nằm tênh hênh bên cây cầu, con trâu, mái chùa... tất cả to bằng nhau, cùng nép bóng cây si bonsai. Nhìn mãi thấy vui mắt.

Sang đến ngày thứ tư, Xuân đã tập được thói quen đi vệ sinh xong không giật nước. Bệ xí Thái Lan trắng tinh hiện đại nhưng giật nước ào ào tốn chết. Mẹ cẩn thận đặt cái chậu nhựa đầy nước và cái gáo bên cạnh, xong việc chỉ cần với tay múc đúng hai gáo dội là vừa đủ. Xuân cũng học cách vào nhà vệ sinh không bật đèn khi trời còn sáng và trong bóng tối nhờ nhờ tránh bước thẳng vào chậu nước dội, chậu rửa mặt, chậu ngâm quần áo bày la liệt như bát quái trận đồ trên sàn. Nhà có máy giặt nhưng mẹ thích giặt tay. Giặt máy tuy không phải động chân tay nhưng ngồi rỗi mà nghe nước chảy rồ rồ, máy quay rung tường nhà, tưởng tượng ra con quái vật phàm phũ mỗi phút ngốn bao nhiêu là điện, là nước, là xà phòng, gan vàng dạ sắt nào chịu

cho thấu. Nhưng thiếu nó thì không được. Ngày ngày, mẹ âu yếm lau bụi trên máy hút bụi, máy giặt, máy điều hoà, lò vi sóng, đầu video... Rồi mẹ bồi hồi ôn lại ngày xưa, nhà mình chỉ có độc cái tủ với cái phản. Căn phòng mười một mét vuông, sinh hoạt tất tật bên trong, kéo riđô để bố dạy học bên ngoài. Tối tối, hai mẹ con nằm trong giường, cấm nói chuyện sợ ảnh hưởng đến buổi dạy của bố. Con vân vê núm vú mẹ, món đồ chơi duy nhất. Khi ấy, mẹ ôm con vào lòng, ao ước có cái máy khâu để máy hàng thuê phụ bố đỡ vất vả. Mơ có một chỗ nấu ăn, rửa bát trời mưa không bị ướt đầu. Có tiền thì mình sắm cái chạn để chống chuột, mua cho hai bố con chiếc bàn học nhỏ kê ở góc kia. Rồi cả tivi, tủ lạnh. Căn phòng mười một mét vuông chật ních những đồ đạc mơ ước. Đến hôm mua được tủ lạnh, mẹ vui mất ngủ, nghĩ nhà mình thế là có máu mặt trong xóm, chẳng thiếu thứ gì. Mùa hè, cả xóm phải sang xin đá, mẹ xởi lởi đem cho, thật nở mày nở mặt... Mẹ kể, vừa kể vừa cười mình ngày xưa sao khổ thế, khổ mà không biết là mình đang khổ. Chiều muộn, bóng tối lan trùm căn phòng, Xuân với tay định bật đèn nhưng mẹ ngăn lại. Ngồi không có làm gì đâu mà bật đèn cho tốn điện. Xuân bùi ngùi nhìn mẹ ngồi trong bóng tối, kể mãi chuyện đổi đời. Cái xóm ngày xưa, theo lời mẹ, bây giờ nhà nào cũng triệu phú tỉ phú. Bố mẹ bán căn phòng nhỏ ở trung tâm, mua nhà ba tầng ven đô tưởng đã to nhưng thấm vào đâu so với nhà mặt tiền của các chú các bác. Động đến là trăm cây, nghìn cây vàng. Bà Sâm từ độ bán nhà đâm ra lên huyết áp vì lo trấn lột. Nhà mới của bà tường cao kín mít rắc mảnh chai nhưng vẫn phải nuôi thêm chó dữ. Hai con bécgiê lồng lộn đuổi nhau suốt ngày trong mảnh sân kín, mở cửa ra là nước đái chó xông lên người chết cũng phải tỉnh dậy. Bà Sâm lam lũ với hai con chó chả khác nào khi xưa phải tăng gia lợn trong nhà. Chú Thịnh cũng là tỉ phú. Chú mua hơn nghìn mét đất, xây tường bao, kẻ biển " Biệt thự Triệu Bông Hồng ". Chú Thịnh nguyên văn sĩ bỏ nghề về phụ vợ bán cháo lòng, còn tí máu văn chương trút cả vào cái biển, tô vẽ hoa hồng rực rỡ. Cũng phải tâm hồn lãng mạn lắm mới tưởng tượng ra được Triệu Bông Hồng giữa khu đất chó ỉa bên cống thối sông Tô Lịch quanh năm nghẽn đặc rác rưởi, xác mèo, chuột chết trương phềnh.

Thế là cả xóm lên đời hết. Chữ " Nhẫn " qua lần chuyển nhà thất lạc vào đâu chẳng biết, châm ngôn mới của bố nghe oanh liệt hơn : " Cứ đạn bắn xối xả là xong ". Túi bố luôn có " đạn ", là mấy tờ đô xanh xanh không phải để tiêu mà để làm " chúng nó " sợ. Bố uống bia để bụng phát triển tự nhiên. Bụng phệ cộng với đô la trong ví là tướng giám đốc, đi đâu cũng được vị nể khác thường. Mẹ không còn tiêu những buổi tối vào mơ ước nữa. Cái gì mua được bằng tiền thì đã mua rồi, mẹ đâm buồn. Thú vui của mẹ bây giờ là đi gọi hồn. Nói chuyện với người sống chán rồi, bây giờ mẹ chuyển sang tín nhiệm ma.

Bà Sâm giới thiệu cho mẹ một cô đồng rất giỏi. Bà là khách thường xuyên của cô đồng, hai tuần đến gọi hồn một lần, khi đi háo hức, khi về bâng khuâng. Mẹ úp mở bà ấy đang có bồ đấy. Bố bực dọc :

– Nhảm nhí ! Sắp xuống lỗ rồi còn bồ bịch gì. Đến tai chồng bà ấy thêm rách việc ra.

Mẹ hứ một tiếng :

– Tôi mắt thấy tai nghe nhé, không thèm đặt điều ! Ông có ở đấy đâu mà biết. Không tin thì tuần sau đi với tôi. Mà không, ông đi thì " họ " lại ngượng, vía dữ như hùm ấy. Thôi để con Xuân đi với tôi. Với lại cô đồng này cũng hay lắm, xem một lần cho biết.

Bà Sâm là chị họ bố, ngót nghét bảy chục tuổi. Bà thuộc loại phụ nữ cổ, chỉ chăm chăm chúi chúi vào chồng con, suốt ngày ru rú trong nhà. Con cái lớn dựng vợ gả chồng ra ở riêng hết, bà sống với ông chồng, tiền bán cái nhà cũ thừa ra, ăn đến chết cũng không hết. Chồng bà còn khoẻ, nhập hội " Ham sống sợ chết ", các cụ già rủng rỉnh, ăn chơi dối già, đi vắng suốt. Còn lại mình bà với hai con chó giữ nhà và màn hình tivi mở từ sáng đến khuya. Bà ngồi, cằm phị xuống tận ngực, chương trình gì cũng mở tới cùng nhưng không ai dám chắc bà đang thức hay ngủ bởi cặp mắt sụp mí, những nếp nhăn trên mặt không động đậy. Thỉnh thoảng như sực tỉnh, bà đấm thùm thụp vào cái chân bị thấp khớp, rên " Ôi giời " bình luận cho tất cả các chương trình từ hoạt hình, phim hài, bạo lực đến tin thời sự động đất, tăng năng suất lúa, cúp bóng đá, thăm viếng ngoại giao. Bà Sâm bây giờ cũng xoay ra bồ bịch thì khiếp thật, mà lại có ông già nào lãng mạn đến mức vắt ra được giọt tình ở bà lão bảy mươi như thế.

Nhưng mà có khi mẹ chẳng nói ngoa... Buổi sáng hôm sang rủ bà Sâm đi gọi hồn, Xuân kinh ngạc thấy một bà Sâm hoàn toàn khác. Tivi vẫn bật nhưng bà không xem mà lăng xăng đi lại. Đồ lễ đó chuẩn bị tươm tất. Gà quay, xôi gấc, hoa quả thượng hạng. Nhất là một bó hồng đỏ lộng lẫy, cành vừa mập vừa dài, mười bông như một, cánh nhung lóng lánh nước đọng, đẹp không chê vào đâu được. Mẹ ghé tai Xuân thì thào : " Hồng tặng bồ đấy. Bà này thế mà lãng mạn lắm ! " Bà Sâm hôm nay diện quần tây, áo nhung đen, tóc búi cài trâm, nom nhẹ nhõm, trẻ trung ra cả chục tuổi. Xuân nghi hoặc để ý bà đang trang điểm. Nhìn các bà già son phấn bao giờ cũng cảm động. Giống như hàng rau xót xa vảy đẫm nước vào mớ rau héo chợ chiều, biết chắc là vốn liếng sắp đi tong rồi nhưng vẫn cứ ngồi cố đến khi tàn bóng. Cái cách bà Sâm hôm nay chải chuốt không giống thế. Nó nắn nót, âu yếm trên từng nếp nhăn. Chưa hết, thay vì bôi dầu Nhị Thiên Đường như thường lệ, bà lại xịt tí nước hoa. Bảy chục tuổi, cả đời hết nuôi lợn đến nuôi chó mà bây giờ bỗng dưng thích nước hoa thì nhất định là có vấn đề.

Nhà cô đồng nằm sâu trong ngõ, trên gác. Cửa chính treo mành mành nhưng cửa sổ mở rộng nên thoáng. Chính giữa phòng là điện thờ, khói hương nghi ngút. Ánh sáng nhiều nên không khí không có vẻ âm u, huyền bí như Xuân tưởng. Bà Sâm nhanh nhẹn bày đồ lễ. Cô đồng dọn ra đĩa gạo, đĩa muối, chén rượu, thuốc lá, bình trà. Mẹ rút nén hương thắp, cắm vào cốc gạo để trước mặt cô đồng. Người nào việc nấy thành thạo, nhịp nhàng. Xong xuôi, ba người quỳ một hàng sau lưng cô đồng. Cô này xuýt xoa khấn vái, gieo âm dương rồi chắp tay, đầu gục xuống. Im phăng phắc. Xuân nhớ ông nội. Hôm ra thăm mộ ông, Xuân khóc. Khóc với người chết dễ hơn với người sống. Không cần giải thích, không cần kể lể, chỉ nước mắt mặn chát rơi xuống, thấm vào đất mộ. Thần giao cách cảm. Ông linh thiêng chắc hiểu vì sao Xuân bỗng dưng bỏ việc, ngàn dặm trở về... Cô đồng chợt rùng mình như có ai đẩy. Cô ngáp, mặt vếch lên bốn nhăm độ, cặp mắt khép hờ toàn

lòng trắng liếc xéo sang bên, dài dại :

– Trung. Trung đây.

Mẹ và bà Sâm nhìn nhau. Đồng thanh thưa :

– Dạ, không quen hồn nào tên là Trung cả.

– Trung họ Vũ. Tìm cô Bé.

– Dạ, chắc hồn nhầm người.

– Thôi thế hồn đi vậy.

Cô đồng lại ngáp. Rùng mình. Hồn đi. Nửa tiếng trôi qua, có hồn ông Lục tìm bà Tài, hồn cụ Tô tìm Uyên, hồn cô Vị, hồn bà cả Tẹo tạt qua chơi, không ai nhận lại đi. Mỗi lần hồn nhập, hồn đi, cô đồng lại ngáp. Miệng cô chắc là cửa để hồn chui ra chui vào. Xuân quỳ mãi mỏi chân, lơ đãng ngó ra cửa sổ, tưởng tượng các hồn đang đi mây về gió đông đúc. Mẹ thì thào : " Mãi chưa thấy ông Tuấn về. Mọi khi nhanh lắm cơ." Cô đồng lại ngáp :

– Tuấn đây.

Bà Sâm nhổm lên :

– Anh đã về.

Mẹ bấm tay Xuân. Hai mẹ con dỏng tai nghe. Bà Sâm trách :

– Hôm nay anh về chậm thế.

– Anh bận đi mua thuốc cho em. Qua đò đông phải chờ lâu quá. Thế hôm nọ ngã có đau không ?

Bà Sâm bắt đầu sụt sịt :

– Em vấp vào cái xích chó, chúi đầu xuống. May mà chỉ tím chân thôi chứ không gẫy xương.

Cô đồng dịu dàng :

– Anh đã gọi mà em không nghe. Anh đỡ cho em đấy. Thế em đó bóp thuốc chưa ?

Cô đồng cầm tay bà Sâm, nắn bóp nhẹ nhàng. Mắt cô đồng vẫn khem khép, miệng thủ thỉ :

– Anh thương em.

Nước mắt bà Sâm trào ra, giàn dụa :

– Sao không về thăm, báo mộng cho em ?

– Hôm nọ anh về, là con bướm nâu bay quẩn mãi trong bếp của em đấy thôi. Gớm hai con chó nó cứ vừa cắn vừa sủa. Mấy lần khác thì bà cô ông mãnh nhà em không cho anh vào.

Hồn khoe với bà Sâm đã xin được việc mới, lương khá lắm, bà không phải đốt tiền âm nữa. Hồn lại dặn kỹ tuần sau bà Sâm đi chợ, thấy chị áo xanh bán thuốc thấp khớp thì mua. Thuốc ấy đích thân hồn tìm cho bà, uống vào sẽ đỡ... Trời gần đứng bóng. Nắng chiếu qua cửa sổ sáng rực căn phòng. Xuân kinh dị nhìn bà Sâm với cô đồng ngồi miên man trong nắng, lời tâm sự nửa thật, nửa kỳ quái hoang đường.

Mẹ và Xuân hôm ấy về không. Thăm nom cũng có giờ, hồn ông bà nội ngoại chắc thấy tình yêu của bà Sâm mãnh liệt quá nên nhường. Mẹ cứ tấm tắc hồn thiêng thật, chuyện bà Sâm ngã, đến ông chồng kề bên cũng không biết, thế mà hồn nói vanh vách.Bà Sâm hỉ mũi, ngậm ngùi :

– Ông ấy theo tôi hơn bốn chục năm nay, chuyện gì mà không biết !

Mồ ma ông Tuấn si mê bà Sâm từ lúc bà còn con gái nhưng chả được xơ múi gì ngoài một tấm ảnh. Ông chết trận lúc mới hai tư, ảnh người tình trong mộng đút túi áo ngực cũng chôn theo. Cho đến năm vừa rồi đi gọi hồn, bà Sâm mới ngớ ra là mình được yêu suốt mấy chục năm. Hồn kể ra trăm ngàn kỷ niệm, bao nhiêu lần hồn luẩn quẩn bên bà những khi bà ốm đau, buồn giận chuyện chồng con. Một chồng, bốn con với bảy đứa cháu nội ngoại, thế mà ngẫm suốt đời, hoá ra không ai gần gụi bà như hồn. Mà cũng chỉ có ma mới chung tình vô điều kiện như thế ! Bà Sâm cảm tấm lòng ấy nên nhận lời yêu ma sau hơn bốn chục năm âm dương cách trở. Bà Sâm chia tay mẹ con Xuân, đi ngay ra Hàng Mã. Bà đã hứa với hồn là mua sổ tay và bút máy để hồn chép thơ, chắc là thơ tình.

Nhưng sổ với bút ấy không đến tay được hồn tình. Bà Sâm đang lom khom hoá vàng thì ông chồng ở đâu xồng xộc về. Ông túm tóc bà, lôi thẳng vào buồng. Này thì đồng cốt ! Này thì đú đởn ! Này thì nhân tình nhân bánh ! Không cần tra hỏi, cứ mỗi câu ông thụi cho bà một quả. Hai ông bà già, sức lực chẳng còn mấy, chỉ thấy xương với da đụng nhau lục cục. Bà Sâm không cãi, cũng không đỡ đòn, chỉ khóc. Bà càng khóc, ông càng điên tiết. Mấy chục năm cứ tưởng lấy được con vợ đức hạnh, nào ngờ nó bồ bịch ngay trước mũi ông, làm người ta đồn giăng giăng đến tai ông, rằng ăn ở với vợ ra làm sao mà bà ấy chán đến độ xoay ra mê một cô hồn. Yêu hồn thì làm sao ông kiểm soát được, ai mà biết đêm nào chúng nó cũng tình tẹo với nhau trên giường ông, ông sờ sờ ra đấy mà chúng nó làm gì ông cũng đành chịu. Khốn nạn quá ! Cái sừng vô hình bị ma cắm bốn mươi mấy năm chắc đã sum suê gốc rễ. " Mày yêu ma. Mày có giỏi ngủ với nó được không ? Nó có cái này không ? " Ông hùng hục trật quần, phô bày vốn quý hơn hẳn con ma. Nhưng bất chấp nộ khí xung thiên của ông, thằng cu – bây giờ gọi là ông lão cũng được – chỉ rủ xuống rất nhu mì. Hai ông bà nhìn chăm chăm vào nó một lúc. Nó rung rung dịu dàng, không ngẩng lên. Ông đỏ mặt, càng giận hơn, chửi : " Đồ ngu " rồi kéo phắt quần lên. Ông lao ra đá tung chậu vàng mã, đái thẳng vào ngọn lửa đang thoi thóp. Cuốn sổ thơ cháy dở dang thâm đen, những lời tình tự không chỗ đậu theo tàn tro bay tứ tung. Ông hầm hầm lên công an phường tố cáo cô đồng hành nghề mê tín dị đoan. Đòn dương đã vậy, đòn âm, ông thuê hẳn một thày pháp cao tay trấn bùa, mấy lá bùa đỏ ngoằn ngoèo dán từ cổng chính vào buồng ngủ. Ông còn đặt con dao dưới gối, doạ ma nào vớ vẩn mò đến ông chém chết. Họp gia đình, ai cũng trách bà dại dột, tin đồng cốt quàng xiên, cúng bao nhiêu tiền cho nó. Bà Sâm đổ ra ốm một trận tưởng chết. Hôm Xuân sang thăm, bà đã đỡ nhưng còn yếu, chỉ ngồi bất động trước tivi, đến cái câu " Ôi giời " mọi khi cũng không thấy bà nói nữa.

Xuân một mình tìm đến cô đồng. Biết là chẳng ích gì nhưng vẫn đến. Có một chút niềm tin dù là hoang đường vẫn còn hơn chẳng có gì. Nhà cô đồng khoá cửa im ỉm. Xuân về, ngang qua quán cà phê cũ. Nắng cuối thu lốm đốm rơi qua tán lim già, lá sẫm xanh, bí ẩn. Xanh như mười năm trước, khi Xuân nói " Em sẽ đi xa ", xanh như hôm qua Xuân lại nói " Em muốn trở về ". Hai lần cùng nói với một người. Hai lần người ấy chỉ nhìn Xuân thương xót, thương như Xuân nhìn bà Sâm tình tự với hồn ma. Xuân nhớ lúc ấy có một cái lá lim bay

tạt xuống mặt bàn. Nó nằm chơ vơ, con mắt xanh lặng lẽ. Mười năm có khi cũng rơi như thế, mười năm, là một phần mấy của cuộc đời ?

Xuân ra sân bay vào buổi chiều cuối năm rét ngọt. Xe băng ngang sông Hồng. Dưới chân cầu những xoáy nước đỏ quạch phù sa như vết thương hun hút. Một lá ngô già ngập ngừng nơi mé nước rồi thong thả xuôi dòng. Xuân ngoái ngược trở lại phía những cụm nhà lố nhố ven đô, cố tìm cái mái củ tỏi màu hồng, sao bây giờ ngó thân thương hơn mọi thứ khác. Gió lùa cay mắt. Ngước lên trời cao, chợt thấy mình không phải là người đàn bà cứng cỏi, mạnh mẽ như bạn bè vẫn bảo, chỉ là con bé Nhịn tay bị giữ chặt, buồn nhìn chữ " Nhẫn " bộ " đao " đè lên bộ " tâm " nghiệt ngã. Lưỡi dao vô hình cắt gọt con tim nông nổi, gọt bao nhiêu cho tròn một kiếp người ?

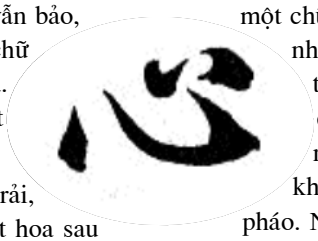

Xuân ngồi nhìn căn buồng mới thuê trống trải, trang trí duy nhất là cành hoa sữa đã rụng tiệt hoa sau chuyến bay gần trọn một ngày. Tay Xuân luồn trong túi áo mân mê cái chìa khoá ngôi nhà cũ. Nó không quá xa, nửa tiếng chạy xe, Xuân sẽ về lại đấy. Lò sưởi bập bùng, salon bọc da êm ái, và một người đàn ông quen thuộc. Anh ta sẽ đón Xuân vào, đại lượng như đón người đàn bà dại dột, vài năm một lần đem đời mình ra đập vỡ chơi rồi loay hoay hàn gắn lại. Sẽ không đả động gì đến chuyện Xuân đã bỏ việc, đã dọn đi..., những cơn đồng bóng đàn bà. Sẽ bình thản cùng ngồi xem tivi như năm ngoái, năm kia, như mười năm trước. Bình thản cho đến khi anh ta lột chiếc áo ngủ, ấn giúi Xuân xuống nệm. Vùi sâu, xoáy lút những nhát đâm ngoáy vào vết thương chưa bao giờ khép miệng giữa hai người... Xuân rùng mình, rút hẳn chìa khóa ra khỏi túi, tìm một phong bì. Nắn nót viết lên địa chỉ căn nhà cũ. Bỏ chìa khóa vào. Dán kín.

Khi Xuân từ bưu điện trở về thì pháo lác đác rộ lên. Sắp giao thừa. Xuân mở gói quà mang theo từ Hà Nội. Một bức thư pháp. Mực tàu đen đầm trên nền giấy dó, nét bút tinh anh, phóng khoáng. Chữ " Tâm ". Không có bộ "đao" ở trên, chỉ một chữ " tâm " thật đậm, cái đường móc hất lên, nửa như khát khao, nửa như thách thức. Xuân treo bức thư pháp lên khoảng tường trống gần cửa. Gió lùa qua khe chữ lay nhè nhẹ. Văng vẳng tiếng chuông nhà thờ. Xuân mở tung cửa sổ. Úp mặt vào làn không khí giá băng tinh khiết, nồng nàn hương pháo. Nền trời đen thẫm bùng lên muôn vạn chùm hoa lửa. Nước mắt ấm trên môi, Xuân nhận món quà sinh nhật bố mẹ đã dành cho từ lúc chào đời. Một năm mới phong kín như chưa từng mất mát. Nguyên Xuân.

Amsterdam 14-12-2002

Viết cho ngày sinh

PHẠM HẢI ANH

Danh sách quà cho 2002

"*Mùa Giáng Sinh lại sắp đến.*"

Mùa Giáng Sinh này nếu mỗi anh
Đi xe buýt gặp phải bom người
Mỗi chị xuống phố mỗi bà già
Đi chợ bị xe tăng cán (*i*) chỉ
Cần cho tôi 1 đồng bạc tôi
Cũng đã có thể mua 1 cái
Đồng hồ 2 mặt lật qua chỉ
Giờ Tel Aviv lật lại chỉ
Giờ Jerusalem (*ii*) nếu mỗi
Trẻ em chết vì Mỹ phong toả (*iii*)
84 cái dinh của Sad
Dam Hussein tôi đủ để sắm
Xe mui trần Thụy Điển mỗi học
Sinh phổ thông Hoa kỳ tốt nghiệp
Chỉ vì không có tiền không được
Theo đại học (*iiii*) mỗi đứa 1 đồng
Tôi cũng đủ đặt cọc nhà mới
3 phòng tắm rưỡi có lò sưởi
Còn mỗi người đâu đó chết đói (*iiiii*)
Mỗi kẻ đi tù chỉ vì dám
Cả gan cười mỗi phụ nữ bị
Bắt phải che mặt mỗi phụ nữ
Bị bắt phải cởi quần tụt áo
Thì nhiều quá nhiều quá làm sao
Tôi xài hết thôi cho tôi xin
Mỗi người bị tử hình ở Tex
As 1 đồng để mua dép (*iiiiii*) những
Kẻ chân không đạp tuyết 1 đồng
Để xây sân tennis mỗi người
Ăn bom hoả tiễn 1 đồng cho
Phòng tập thể dục có buồng tắm
Hơi nóng nhìn ra biển cảm ơn
Ông già Noel nếu có thể
Mỗi lá phiếu không được bỏ mỗi
Bầu cử trò hề 1 đồng tôi
Chỉ cần có thế.

Danh sách... (tiếp)

Giờ nếu mỗi cô người mẫu mỗi
Thí sinh ôi dào hoa hậu...

Đỗ Kh.
21.11.2002

(*i*) 2314 từ tháng 9-2000
(*ii*) Jaeger - LeCoultre Reverso Duo, thật ra còn phải thêm mất cả vài ngàn nhưng vì giờ Tel-Aviv và giờ Jerusalem không có khác múi nên thôi Reverso Memo, 1 mặt chỉ giờ phút và 1 mặt chỉ giây, tôi cũng nhận tuy cũng còn thiếu vài trăm nhưng từ đây đến Noel còn hơn 1 tháng may ra số tử vong còn có thể bắt kịp ?
(*iii*) Khoảng nửa triệu trẻ em dưới 5 tuổi từ 1990, đứa thiếu sữa đứa lên ban bị sởi, tính đổ đồng là 40 000 mạng mỗi năm, vừa vặn Saab 9-3 kể cả thuế.
(*iiii*) 168 000
(*iiiii*) Mỗi năm 15 000,000
(*iiiiii*) da.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

.....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số .....)
Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

Giá mua 1 năm báo (11 số)
Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €
Châu Âu ngoài Pháp : 45 €
Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

Châu Âu thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE,
Numer Banku :10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc **và các nước khác** : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)
FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Sống chết mặc bay

Là độc giả trung thành của tờ báo, tôi lấy làm ưng ý khi thấy Diễn Đàn lên tiếng nghiêm chỉnh về vụ anh Lê Chí Quang và " nhiều người khác đang còn bị giam giữ vì chính kiến của họ " (D Đ số 124, 12.2002).

Vậy mà trời xui đất khiến, tôi lượm được tờ báo tiếng Việt ở Westminster, California, ấn bản ngày 15.1.2003, mở ra xem, ngay trang nhứt, tôi thấy một tấm hình làm tôi hơi sảng.

Trong hình thì có đủ hết, cờ vàng, biểu ngữ, có ông, có cụ, có giáo sư, có Thượng toạ, và có cả cựu thẩm phán nữa. Nghĩa là coi cũng long trọng, ra gì lắm. Biểu ngữ tiếng Anh, tiếng Việt đầy đủ, nói về Nhân quyền và tự do báo chí gì đó ở Việt Nam, dù đọc không rõ, tôi đoán cũng không có gì là bất ngờ.

Bất ngờ là cái biểu ngữ bày ra trên mặt cỏ (chớ không treo lên như hai cái kia), trên có câu này : Hải Ngoại Yểm Trợ Quốc Nội Nổi Dậy.

Tôi sảng là vì cái câu này. Mà cũng còn có thể vì cái biểu ngữ này giống như trải ra cỏ để chụp hình rồi xếp cất, chớ không phải cho bá tánh tây ta đi ngang công trường Place des Nations ở Genève được thấy.

Như vậy nghĩa là sao ? Hổng lẽ, cái hình này dùng để gởi về cho bộ Công an Hà Nội làm bằng chứng " âm mưu nổi dậy ", để bỏ tù mấy ông kia mút chỉ à ?

Nói thiệt, tôi bị hoang mang. Ngoài nầy, mình dư cơm, ngồi nói dóc chuyện yểm trợ, nổi dậy chi chi đó cho đỡ lạt miệng thì cũng chẳng sao, nhưng cột mấy ông đang bị công an hành là chính ở Hà Nội vô mấy chuyện ruồi bu thì tội những người thật sự vô can.

Không khéo, Diễn Đàn cũng bị cột vô một chùm thì, tôi nói thiệt, nó hơi bậy đó nghe.

HL (*Santa Ana, CA*, Hoa Kì)

Cái sự yểm trợ miễn phí này, như ông biết, đã thành truyền thống rồi. Cách đây năm sáu năm, cũng đã có cả một Uỷ Ban Hải Ngoại Yểm Trợ Đồng Bào Thái Bình Nổi Dậy Lật Đổ Bạo Quyền Cộng Sản Bắc Việt Xâm Lược Việt Nam Cộng Hoà (lâu ngày có thể chúng tôi nhớ lầm, hay chập nhiều tên gọi hùng hồn chăng). Có lẽ chúng ta không ngạc nhiên nếu quý vị đó sẽ thành lập một Quân Đoàn Hải Ngoại Giải Phóng Ải Nam Quan Kiêm Nhiệm Thác Bản Giốc Ngõ Hầu Trả Ta Sông Núi Bảo Vệ Tổ Quốc.

Chiến tranh chưa kết thúc

Nghe nói nhân dịp kỉ niệm 30 năm Hiệp định Paris, có một hội nghị về cuộc chiến tranh Việt Nam tổ chức hai ngày 24 và 25.1.03, tôi đã xin nghỉ cả ngày thứ sáu 24 để đi dự.

Cuộc hội thảo quốc tế này mang chủ đề khá rõ ràng là CHIẾN TRANH VIỆT NAM VÀ CHÂU ÂU (1963-1973) do Trung tâm sử học Châu Âu thế kỉ hai mươi (thuộc Học Viện quốc gia chính trị học FNSP) và Hội Diplomatie et Stratégie (Ngoại giao và Chiến lược) cùng nhau tổ chức, dưới sự bảo trợ của Bộ trưởng ngoại giao Pháp. Lẽ ra hội thảo tổ chức tại Trung tâm Kléber là nơi họp Hội nghị Paris (1968-73) và kí kết Hiệp định Paris. Nhưng giờ chót, trung tâm này phải đăng cai hội nghị về Côte d'Ivoire, nên cuộc hội thảo phải " di tản chiến thuật " sang Ecole militaire (Hôtel des Invalides).

DIỄN ĐÀN
Xuân Quý Mão
số 126 (2.2003)

mục lục :

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & vấn đề

3 Tin thời sự Việt Nam
9 " Vàng đen ", Mĩ, OPEC và Iraq — Khả Tri
11 Từ Thổ Nhĩ Kỳ nhìn lại vấn đề tôn giáo — Vũ Quang Việt
13 Thuốc men cho các nước nghèo — Đỗ Tuyết Khanh
16 Tạo sinh vô tính và vấn đề đạo đức — Nguyễn V. Tuấn

văn hoá & khoa học & văn nghệ

19 Về lại Quảng Trị — Tùng Nguyên
20 Những ngày chưa tết ... và " chưa chiến " — Nguyễn Lộc
21 Chùa Việt — Nguyễn Hữu Thái
22 Đi lễ — Lê Minh Hà
24 Con dê chín mùi — Đặng Tiến
27 Con dê của cụ Sĩ Ghềnh — Cao Huy Thuần
30 Nhân đọc Lịch sử Phật Giáo Việt Nam của Lê Mạnh Thát — Văn Ngọc
34 Giếng nước (*chùm thơ*) — Đỗ Quang Nghĩa
35 Đọc sách Trần Ngọc Thêm (2) — Lê Thành Khôi
38 *Một chùm thơ* — Phan Huyền Thư
39 Một ngày vui trên ngọn... sầu... đông — Thái Kim Lan
42 Chim khuyên lựu đỏ — Mai Ninh
47 Nguyên Xuân — Phạm Hải Anh
52 Quà cho năm 2002 (*thơ*) — Đỗ Kh.

bìa : HƯƠNG CHỦ
(*tranh thờ*, Hàng Trống)

Như tên gọi của nó, đây là một hội thảo khoa học. Khoảng 35 diễn giả, mỗi người chỉ có 15 phút để trình bày miệng một công trình nghiên cứu liên quan tới một trong 4 mảng chủ đề sau :

(1) Tương quan giữa chiến lược chiến tranh Việt Nam của Mĩ và quan hệ của Mĩ với các nước châu Âu

(2) Tác động của chiến tranh Việt Nam trên khối NATO và các nước châu Âu ; thái độ của các nước Tây Âu và Đông Âu trong cuộc chiến tranh

(3) Phong trào phản đối chiến tranh ở châu Âu

(4) Những mưu toan làm trung gian của châu Âu và Hiệp định Paris.

Một thế hệ đã qua từ ngày kí kết Hiệp định Paris, rồi kết thúc chiến tranh Việt Nam, đủ để có khoảng lùi thời gian cần thiết cho nghiên cứu sử học khách quan, thoát ra khỏi sức đè của đam mê, ân oán giang hồ. Cũng là thời hạn để một số văn khố (trừ văn khố Việt Nam và Vatican !) được mở ra cho các nhà nghiên cứu tới tham khảo.

Nội dung và chất lượng của một phần khá lớn các bài tham luận thể hiện rõ điều đó : nhờ sự tìm tòi trong các kho lưu trữ của NATO, Liên Xô, Hunggari, Rumani, các hồ sơ lưu trữ Charles de Gaulle, Georges Pompidou, Joseph Luns (ngoại trưởng Hà Lan, tổng thư kí NATO...),... chúng ta bắt đầu biết một cách chính xác thái độ và hành động của các chính quyền và chính giới Âu Châu (Tây, Bắc và Đông Âu) đối với các chính quyền Kennedy, Johnson và Nixon trong cuộc chiến tranh Việt Nam, cũng như biến chuyển của họ trong quan hệ với Việt Nam dân chủ cộng hoà, Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam & Chính phủ Cách mạng Lâm thời, cũng như với Việt Nam Cộng hoà. Đáng chú ý không kém là những phát hiện về phong trào chống chiến tranh (đặc biệt ở Pháp : vai trò của Đảng cộng sản Pháp, giới khuynh tả và các xu hướng Ki-tô giáo).

Đáng tiếc là phần tham gia và tham dự của người Việt Nam ở hội nghị. Ngoài tham luận có chất lượng của Nguyễn Hồng Thạch (Viện Quan hệ Quốc tế) – còn ông Lưu Văn Lợi giờ chót, vì lí do sức khoẻ, không sang dự được – tất cả những diễn văn và phát biểu trong các cuộc thảo luận đều lạc đề, làm mất thời giờ của cử toạ. Một nhà phân tâm học có thể lấy đó làm đề tài nghiên cứu về hội chứng " bể đồng hồ tâm lí ". Người vị tha có dịp để thông cảm với những chứng tích sống động (?) của một cuộc chiến tranh quá tàn khốc. Nhưng với tư cách một người Việt Nam, tôi cũng xin đồng bào tôi, bất luận chính kiến như thế nào, trong những địa điểm và thời điểm ấy, hãy nghĩ một chút đến thể diện của dân tộc.

T.T.G. (*Paris*, Pháp)

Diễn Đàn *Forum*

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:
BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)
Địa chỉ điện tử (E-mail):
diendan@wanadoo.fr
http://perso.wanadoo.fr/diendan

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 51)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)